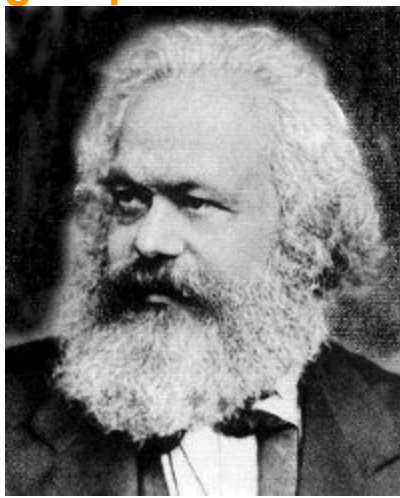




Cách Mạng Và Phản Cách Mạng ở Đức

Frederick Engels

Cách mạng và phản cách mạng ở Đức



Mục lục

I. Nước Đức vào đêm trước cách mạng

II. Quốc gia Phổ

III. Những quốc gia khác ở Đức

IV. Nước áo

V. Cuộc khởi nghĩa ở Viên

VI. Cuộc khởi nghĩa ở Béc-Lin

VII. Quốc Hội Phran-Phuốc

VIII. Người Ba Lan, người Séc và người Đức

IX. Chủ nghĩa đại Xla-vơ. Cuộc chiến tranh Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ...

X. Cuộc khởi nghĩa ở Pa-ri. Quốc hội Phran-Phuốc

XI. Cuộc khởi nghĩa ở Viên

XII. Cuộc tấn công chiếm Viên. Sự phản bội Viên

XIII. Hội nghị lập hiến Phổ. Quốc hội

XIV. Việc khôi phục lại trật tự. Quốc hội Đức và các nghị viện

XV. Thắng lợi của nước Phổ

XVI. Quốc hội và các chính phủ

XVII. Cuộc khởi nghĩa

XVIII. Những người tiểu tư sản

XIX. Kết cục của cuộc khởi nghĩa

Tác giả: Ph.Ăng-ghen

Ngày viết: Tháng Tám 1851 - tháng Chín 1852

Xuất bản: Đã đăng trên báo "New - York Daily Tribune" ngày 25 và 28 tháng Mười, ngày 6,7,12 và 28 tháng Mười một 1851; ngày 27 tháng Hai, ngày 5,15,18 và 19 tháng Ba, ngày 9,17 và 18 tháng Chín, ngày 2 và 23 tháng Mười 1852.

Ký tên: Karl Mark

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage :

I. Nước Đức vào đêm trước cách mạng

Ngày 25 tháng 10 năm 1851

Màn đầu của tấn kịch cách mạng trên lục địa châu Âu đã chấm dứt. "Những quyền lực cũ", tồn tại trước cơn bão táp năm 1848, lại trở thành "những quyền lực ngày nay", còn những kẻ làm chủ một giờ ít nhiều nổi tiếng, những quan nhiếp chính lâm thời, những bộ ba chấp chính, những nhà độc tài, cùng với nguyên cả đám tùy tùng của họ như các nghị sĩ, ủy viên dân chính và quân sự, quận trưởng, thẩm phán, tướng lĩnh, sĩ quan và binh lính, tất cả đều bị ném sang các bờ biển nước ngoài và "chở qua bên kia các đại dương", đến nước Anh hay nước Mỹ. Ở đó, họ bắt đầu thành lập những chính phủ mới "in partibus infidelium" [1], những ủy ban châu Âu, những ủy ban trung ương, những ủy ban dân tộc, rồi tuyên bố việc thành lập những tổ chức ấy bằng những tuyên ngôn trang trọng không kém gì tuyên ngôn của những kẻ cầm quyền ít huyền hoặc hơn.

Thật khó có thể tưởng tượng được một thất bại nào nặng nề hơn là thất bại của đảng cách mạng, hay nói cho đúng hơn là của các đảng cách mạng ở trên lục địa, trên khắp mọi nơi của trận tuyến. Nhưng như vậy là thế nào? Cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản Anh để giành quyền thống trị về xã hội và chính trị há chẳng đã diễn ra suốt 48 năm và cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản Pháp há chẳng đã diễn ra suốt 40 năm chiến đấu phi thường đó sao? Liệu có lúc nào giai cấp tư sản lại tiến đến gần thắng lợi bằng lúc mà nền quân chủ phục tịch đã tưởng được xác lập vững chắc hơn bao giờ hết? Những thời đại trong đó quan điểm mê tín đã coi những cuộc cách mạng là ác ý của một dúm những nhà cổ động, đã qua hẳn rồi. Ngày nay, ai cũng biết rằng đảng sau bất cứ một biến động cách mạng nào cũng nhất thiết phải có một nhu cầu xã hội nào đó mà những thiết chế lỗi thời ngăn trở không cho được thỏa mãn. Có thể là nhu cầu ấy chưa được người ta cảm thấy một cách khá sâu sắc, khá phổ biến để đảm bảo cho thắng lợi ngay tức khắc; nhưng bất cứ mưu toan nào định đàn áp nó bằng bạo lực cũng chỉ làm cho nó lại nảy sinh ra càng mạnh mẽ hơn, cho đến khi cuối cùng, nó bứt tung được xiềng xích trói buộc nó. Vì vậy, nếu chúng ta có bị đánh bại thì chúng ta không có cách nào khác là làm lại từ đầu. Và may mắn là ở giữa cuối màn thứ nhất và đầu màn thứ hai của phong trào, lại có một thời gian nghỉ ngơi, chắc chắn là rất ngắn, để cho chúng ta có thể làm được một công việc hết sức cần thiết: nghiên cứu những nguyên nhân đã làm cho phong trào vừa qua tất yếu phải nổ ra, cũng như đã làm cho nó thất bại; những nguyên nhân mà người ta không nên tìm ở những cố gắng, ưu điểm, khuyết điểm, sai lầm hay sự phản bội ngẫu nhiên của một vài lãnh tụ, mà phải tìm trong xã hội chung và trong những điều kiện tồn tại của mỗi một nước đã kinh qua sự biến động. Ai nấy đều thừa nhận rằng những phong trào nổ ra đột ngột vào tháng Hai và tháng Ba 1848 không phải là công trình của những cá nhân riêng lẻ, mà là những biểu hiện thứ phát, không cưỡng lại được của những yêu cầu và nhu cầu dân tộc mà đông đảo các giai cấp trong tất cả các nước hiểu được nhiều hay ít, nhưng lại cảm thấy rất rõ ràng; song khi tìm hiểu những nguyên nhân thành công của phe phản cách mạng thì ở khắp mọi nơi, các bạn đều nghe thấy một câu trả lời đã có sẵn rằng hình như đó là một ông A hay một công dân B đã "phản bội" nhân dân.

Câu trả lời ấy có thể đúng hoặc sai, tùy từng trường hợp; nhưng không bao giờ nó giải thích được điều gì và cũng không làm cho chúng ta hiểu vì sao "nhân dân" lại để cho người ta phản bội như vậy. Nếu như cả cái vốn liếng chính trị của một chính đảng chỉ là ở chỗ biết mỗi một điều là người này hoặc người kia không đáng tin cậy thì mọi tương lai của nó sẽ mờ mịt biết bao.

Ngoài ra, việc nghiên cứu và trình bày những nguyên nhân của sự bùng nổ cách mạng cũng như của sự trấn áp nó, lại còn có ý nghĩa trọng đại về phương diện lịch sử nữa. Tất cả những cuộc cãi lộn và xỉ vả lẫn nhau một cách nhỏ nhen và cá nhân, tất cả những lời khẳng định trái ngược nhau cho rằng Ma-ra-xtơ hay Lơ-đruy-Rô-lanh, hay Lu-i Bălăng, hay một thành viên nào khác của chính phủ lâm thời, hay tất cả bọn họ đã đưa cách mạng vào giữa những ghềnh đá làm cho nó đắm chìm thì có ích lợi gì, có đem lại ánh sáng gì cho một người Mỹ hoặc một người Anh đã quan sát các phong trào khác nhau ấy từ quá xa nên không thể phân biệt được một chi tiết nào cả của những biến cố? Không một người nào biết phải trái lại có thể tin được rằng chỉ có 11 người^[2], phần lớn đều là những nhân vật rất tầm thường và rất ít có tài làm những việc đại thiện cũng như đại ác, lại có thể, trong vòng ba tháng, làm phá sản được một dân tộc 36 triệu người, trừ phi là cả 36 triệu người đó cũng lằm lạc như 11 người kia. Làm sao mà cả 36 triệu người ấy, dù có một bộ phận còn lằm mò trong bóng tối bỗng nhiên lại có nhiệm vụ tự mình quyết định con đường mình phải theo, và làm sao mà sau đó, họ lại lằm lạc và làm sao mà những kẻ cầm quyền cũ của họ lại tạm thời trở lại nắm được quyền lãnh đạo, - vấn đề là ở chính chỗ đó.

Vậy nếu chúng tôi muốn thử trình bày với các bạn đọc của tờ "Tribune"^[2*] những nguyên nhân đã tắt yếu gây nên cuộc cách mạng Đức năm 1848, cũng như tắt yếu dẫn tới việc nó nhất thời bị đàn áp vào những năm 1849 và 1850 thì các bạn cũng đừng mong rằng chúng tôi sẽ miêu tả toàn bộ những sự kiện đã diễn ra ở nước Đức. Những biến cố sau đó và sự xét đoán của các thế hệ tương lai sẽ cho phép quyết định xem chính bộ phận nào trong cái đồng những sự kiện có vẻ ngẫu nhiên, không có liên hệ với nhau và mâu thuẫn nhau ấy, phải được ghi vào lịch sử toàn thế giới như một bộ phận cấu thành. Hiện giờ chưa phải là lúc làm một việc như vậy; chúng tôi phải đứng trong phạm vi có thể làm được và lấy làm mãn nguyện nếu tìm ra được những nguyên nhân hợp lý dựa trên những sự kiện không chối cãi được, để giải thích những biến cố chủ yếu nhất và những bước ngoặt quyết định của phong trào ấy và rút ra được một sự chỉ dẫn về phương hướng mà cuộc bùng nổ sắp tới, có lẽ cũng chẳng còn xa nữa, sẽ buộc dân tộc Đức phải đi theo.

Vậy trước hết, tình hình nước Đức ngay trước lúc nổ ra cách mạng, là như thế nào?

Lúc bấy giờ, thành phần các giai cấp khác nhau trong nhân dân tạo thành nền tảng của mọi tổ chức chính trị ở Đức thì phức tạp hơn ở mọi nước khác. Trong khi ở Anh và ở Pháp, chế độ phong kiến đã bị giai cấp tư sản giàu và mạnh, tập trung trong các thành thị lớn và đặc biệt là ở thủ đô, xóa bỏ hoàn toàn hoặc ít ra, như ở Anh, cũng chỉ còn là một số tàn tích không đáng kể, thì ở Đức, giai cấp quý tộc phong kiến vẫn còn giữ được phần lớn những đặc quyền cũ của nó. Chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến còn thống trị ở hầu khắp mọi nơi. Các lãnh chúa phong kiến còn giữ được cả quyền xét xử những nông dân phụ thuộc

của họ. Tuy mất đặc quyền chính trị, - tức là quyền kiểm soát các quốc vương, - nhưng họ vẫn giữ được hầu hết mọi quyền thống trị trung cổ của họ đối với nông dân ở trong lãnh địa của họ, và cả quyền được miễn thuế nữa. Trong một số miền, chế độ phong kiến có mạnh hơn ở trong một số miền khác, nhưng trừ tả ngạn sông Ranh ra thì chưa ở đâu, chế độ ấy bị hoàn toàn tiêu diệt. Giai cấp quý tộc phong kiến ấy, lúc bấy giờ rất đông đảo và có khi rất giàu có được chính thức xem là "đẳng cấp" đứng đầu trong nước. Nó cung cấp những quan lại cao cấp cho nhà nước và chiếm hầu hết những chức vụ sĩ quan trong quân đội.

Giai cấp tư sản Đức không giàu có và thống nhất bằng giai cấp tư sản Pháp hoặc Anh. Những ngành công nghiệp cũ của Đức đã bị việc du nhập máy hơi nước và ưu thế đang phát triển nhanh chóng của công nghiệp Anh làm cho phá sản. Những ngành công nghiệp hiện đại hơn được xây dựng ở những miền khác trong nước nhờ chính sách phong tỏa của lục địa của Na-pô-lê-ông^[3*] vẫn không bù đắp được những mất mát của các ngành công nghiệp cũ và không đủ làm cho công nghiệp được chú ý đến mức khả dĩ bắt buộc các chính phủ vốn thù ghét mọi sự tích lũy của cải và quyền lực của các tầng lớp không phải là quý tộc, phải tính đến nhu cầu của nó. Nếu nước Pháp đã đưa nền công nghiệp tơ lụa của mình vượt qua được một cách thắng lợi tất cả những thử thách của năm mươi năm cách mạng và chiến tranh, thì nước Đức, cũng trong khoảng thời gian ấy, lại đã mất hầu như gần hết công nghiệp bông vải sợi cũ của mình. Ngoài ra, những khu công nghiệp thì không nhiều, lại ở rải rác xa nhau. Do nằm sâu trong nội địa, những khu công nghiệp ấy lại chủ yếu sử dụng những hải cảng nước ngoài như của Hà Lan hay của Bỉ để nhập khẩu và xuất khẩu, nên chúng có ít hoặc không có những lợi ích chung với các hải cảng lớn ở miền biển Ban-tích và ở biển Bắc; nhưng cái chính là những khu công nghiệp ấy đã không có khả năng tạo nên được những trung tâm công nghiệp và thương mại lớn như Pa-ri và Li-ông, Luân Đôn và Man-se-xtơ. Tình trạng lạc hậu đó của công nghiệp Đức có nhiều nguyên nhân, nhưng để giải thích tình trạng lạc hậu đó chỉ cần vạch ra hai nguyên nhân là đủ: vị trí địa lý không thuận lợi của nước Đức, nó ở xa Đại Tây Dương - một con đường lớn của thương mại quốc tế, - và những cuộc chiến tranh liên miên mà nước Đức đã bị lôi cuốn vào ở ngay trên lãnh thổ của mình suốt từ thế kỷ XVI đến nay. Số lượng ít ỏi và nhất là tình trạng không tập trung của giai cấp tư sản Đức đã cản trở nó giành được bá quyền chính trị mà giai cấp tư sản Anh đã có từ năm 1688 và giai cấp tư sản Pháp đã đoạt được vào năm 1789. Mặc dầu thế, từ năm 1815, của cải và cùng với của cải là ảnh hưởng chính trị của giai cấp tư sản Đức vẫn không ngừng tăng lên. Các chính phủ, dù không muốn, cũng bắt buộc ít ra là phải tính đến những lợi ích vật chất trực tiếp của giai cấp tư sản. Thậm chí có thể nói thẳng ra rằng từng mẫu ảnh hưởng chính trị nhượng cho giai cấp tư sản trong các hiến pháp của các tiểu bang, đều đã bị tước đoạt trở lại trong những thời kỳ phản động chính trị từ năm 1815 đến năm 1830 và từ năm 1832 đến năm 1840, và từng mẫu ảnh hưởng ấy lại được đền bù bằng một sự nhượng lại một lợi ích thiết thực hơn. Mỗi một thất bại chính trị của giai cấp tư sản đều dẫn đến một thắng lợi trong lĩnh vực pháp chế thương mại. Và dĩ nhiên là đối với các nhà thương mại và công nghiệp Đức, biểu thuế quan bảo hộ của nước Phổ năm 1818 và sự thành lập Liên minh thuế quan^[4*] còn có nhiều giá trị hơn là cái quyền hạn không ràng buộc là có thể phát biểu ở những nghị viện của một công quốc nhỏ nào đó sự không tín nhiệm của họ đối với những bộ trưởng chẳng thém đếm xỉa gì đến những biểu quyết của họ cả.

Như vậy là với cửa cải tăng thêm và hoạt động thương mại ngày càng mở rộng, giai cấp tư sản chẳng bao lâu đã bước vào thời kỳ mà nó nhận thấy rằng sự phát triển của những lợi ích quan trọng nhất của nó bị cản trở bởi cơ cấu chính trị của đất nước, bởi tình trạng chia năm, xẻ bảy của đất nước giữa ba mươi sáu vương hầu có những nguyện vọng và sở thích đối lập nhau, bởi những xiềng xích phong kiến trói buộc nông nghiệp và trói buộc nền thương nghiệp gắn liền với nông nghiệp, bởi sự kiểm soát xoi mói mà một bộ máy quan liêu ngu dốt và hống hách thi hành đối với tất cả những giao dịch của nó. Đồng thời, việc mở rộng và củng cố Liên minh thuế quan, việc áp dụng phổ biến máy hơi nước vào những phương tiện vận tải, sự cạnh tranh ngày càng tăng ở thị trường nội địa, - tất cả những cái đó đã làm cho các giai cấp thương nhân và công nghiệp của các bang và tỉnh khác nhau gần gũi nhau, đã làm cho quyền lợi của họ trở thành nhất trí và lực lượng của họ tập trung lại. Một hậu quả tự nhiên của điều đó là cả bọn họ đã chạy sang phe đối lập tự do chủ nghĩa và giai cấp tư sản Đức đã thu được thắng lợi trong cuộc đấu tranh quan trọng đầu tiên để giành quyền chính trị. Có thể coi sự biến chuyển đó là bắt đầu vào năm 1840, khi mà giai cấp tư sản Phổ nắm được quyền lãnh đạo phong trào tư sản ở Đức. Sau này, chúng tôi sẽ còn bàn về phong trào ấy của phái đối lập - tự do chủ nghĩa vào những năm 1840 - 1847.

Bộ phận quần chúng cơ bản của dân tộc, những người không thuộc tầng lớp quý tộc, cũng không thuộc giai cấp tư sản, là gồm giai cấp tiểu thủ công, tiểu thương và công nhân, ở thành thị, và gồm nông dân, ở nông thôn.

Ở Đức giai cấp tiểu thủ công và tiểu thương thì rất đông vì sự phát triển của giai cấp đại tư bản và đại công nghiệp ở đó yếu. Trong những thành thị lớn hơn, giai cấp ấy hầu như chiếm đại đa số trong dân cư, trong những thành thị nhỏ, nó chiếm ưu thế tuyệt đối vì không có kẻ cạnh tranh có thể lực hơn và giàu có hơn.

Đóng một vai trò hết sức quan trọng trong tất cả các quốc gia hiện đại và trong tất cả mọi cuộc cách mạng hiện đại, giai cấp ấy lại đặc biệt quan trọng ở Đức, nơi mà nó thường đóng vai trò quyết định trong cuộc đấu tranh gần đây. Địa vị trung gian của nó ở giữa giai cấp tư sản lớn hơn, - những nhà công thương nghiệp, giai cấp tư sản theo nghĩa riêng của từ này, - và giai cấp vô sản hay giai cấp công nhân công nghiệp, quyết định tính chất riêng của nó. Nó thềm ngoi lên địa vị của giai cấp tư sản, nhưng chỉ một rủi ro nhỏ cũng đẩy những cá nhân trong giai cấp tiểu tư sản ấy vào hàng ngũ của giai cấp vô sản. Trong những nước quân chủ và phong kiến, giai cấp tiểu thủ công và tiểu thương sở dĩ tồn tại được là nhờ những khách hàng trong triều đình và trong giai cấp quý tộc; mất món khách hàng này thì một bộ phận lớn của giai cấp ấy sẽ bị phá sản. Trong những thành thị nhỏ hơn thì một đơn vị đồn trú, một cơ quan chính quyền địa phương, một tòa án với đám tùy tùng của nó, thường là nền tảng của sự phồn thịnh của giai cấp ấy, xóa bỏ những thiết chế ấy đi thì cũng đi đời những chủ hiệu nhỏ, thợ may, thợ đóng giày, thợ mộc. Vì vậy nó luôn luôn ngã nghiêng giữa hy vọng vươn lên hàng ngũ giai cấp giàu có hơn và nỗi lo sợ bị rơi xuống địa vị của giai cấp vô sản hoặc thậm chí xuống thành những người cùng khổ, giữa hy vọng đảm bảo lợi ích của mình bằng cách giành lấy một phần quyền lãnh đạo công việc nhà nước và nỗi kinh sợ là nếu đối lập không đúng lúc sẽ gây nên sự tức giận của cái chính phủ quyết

định sinh mệnh của mình vì chính phủ có thể tước mất những khách hàng quý nhất của mình. Nó có một tài sản rất nhỏ bé, mà số lượng của tài sản này là tỷ lệ nghịch với tính không bền vững của nó.

Hậu quả của tất cả những điều đó là những quan điểm của giai cấp này rất bất bình. Khúm núm và phục tùng hèn hạ trước một chính quyền phong kiến hay quân chủ mạnh, giai cấp ấy nghiêng về chủ nghĩa tự do khi giai cấp tư sản đang đi lên; nó có nhiều cơn bột phát dân chủ chủ nghĩa ngay khi giai cấp tư sản nắm được quyền thống trị, nhưng khi giai cấp vô sản, tức là giai cấp bên dưới nó, triển khai một phong trào độc lập thì nó lại rơi vào chính tình trạng hèn hạ thảm hại. Trong quá trình trình bày, chúng ta sẽ thấy giai cấp ấy ở Đức lần lượt chuyển từ trạng thái này sang trạng thái khác như thế nào.

Giai cấp công nhân ở Đức, trong quá trình phát triển xã hội và chính trị của mình, cũng lạc hậu so với giai cấp công nhân Anh, Pháp, giống như giai cấp tư sản Đức so với giai cấp tư sản của các nước ấy. Thày nào thì tớ ấy. Sự tiến triển của những điều kiện cần thiết cho sự tồn tại của một giai cấp vô sản đông đúc, mạnh mẽ, tập trung và giác ngộ thì đi song song với sự tiến triển của những điều kiện tồn tại của một giai cấp tư sản đông đúc, giàu có, tập trung và mạnh mẽ.

Bản thân phong trào công nhân không bao giờ trở thành một phong trào độc lập, không bao giờ mang tính chất triệt để vô sản, chừng nào các bộ phận khác nhau của giai cấp tư sản, nhất là bộ phận tiến bộ nhất của nó là các nhà đại công nghiệp, chưa giành được chính quyền và cải biến nhà nước theo nhu cầu của họ. Chính lúc ấy là lúc mà sự xung đột tất yếu giữa chủ và thợ mới trở nên không tránh khỏi và không thể trì hoãn được, lúc ấy người ta không thể tiếp tục nuôi những hy vọng hão huyền trong công nhân và đưa ra những lời hứa hẹn chẳng bao giờ được thực hiện; mà cuối cùng, vấn đề lớn của thế kỷ XIX, vấn đề xóa bỏ giai cấp vô sản, mới được đưa ra, một cách hoàn toàn đầy đủ, rõ ràng.

Nhưng ở Đức, đại đa số giai cấp công nhân không làm thuê cho những vua chúa hiện đại của công nghiệp mà nước Anh đã cung cấp những kiểu mẫu tuyệt vời, song lại làm thuê cho các người tiểu thủ công mà tất cả lề lối sản xuất chỉ là tàn dư của thời trung cổ. Và giữa ông vua bông vải sợi lớn và người chủ hiệu giày nhỏ hay bác phó may có sự khác biệt nhau to lớn thế nào thì giữa người công nhân công xưởng rất giác ngộ của những Ba-bi-lon công nghiệp hiện đại với bác thợ may rụt rè hay bác thợ mộc của một thị trấn nhỏ quê mùa, mà điều kiện sinh hoạt và phương thức làm việc không khác mấy những thợ bạn các phường hội cách đây năm thế kỷ, cũng có sự khác biệt như vậy. Không có những điều kiện sinh hoạt hiện đại ấy, những phương thức sản xuất công nghiệp hiện đại ấy, nên đương nhiên là cũng hầu như không có luôn cả những tư tưởng hiện đại. Chính vì thế mà không lấy làm lạ là khi cách mạng nổ ra, một phần lớn công nhân lại lớn tiếng đòi khôi phục ngay những hàng hội và những phường hội có đặc quyền của thời trung cổ. Mặc dù vậy, nhờ ảnh hưởng của các khu công nghiệp, nơi mà hệ thống sản xuất hiện đại chiếm ưu thế và nhờ những khả năng tiếp xúc qua lại dễ dàng và việc mở mang trí tuệ mà lối sống lưu động của một số đông thợ thuyền thúc đẩy, nên giữa họ đã hình thành một hạt nhân mạnh mẽ gồm những phần tử mà những tư tưởng về vấn đề giải phóng giai cấp của họ đều hết sức rành mạch và phù hợp hơn với những sự kiện hiện tại và những nhu cầu lịch sử.

Nhưng đó chỉ là một thiểu số. Nếu có thể xem như phong trào tích cực của giai cấp tư

sản là bắt đầu từ năm 1840 thì phong trào của giai cấp vô sản lại bắt đầu từ những cuộc khởi nghĩa của công nhân Xi-lê-di và Bô-hêm[3] năm 1844[5*].

Lát nữa, chúng ta sẽ có dịp đi qua những giai đoạn khác nhau của phong trào ấy.

Sau cùng, còn có giai cấp đông đảo gồm những phéc-mi-ê nhỏ, có nông dân, với đám công nhân nông nghiệp phụ thuộc của mình, là giai cấp chiếm đại đa số trong toàn thể dân tộc. Nhưng bản thân giai cấp này lại chia thành nhiều nhóm khác nhau.

Trước hết chúng ta thấy đây là những nông dân khá giả - Gross - và Mittelbauern[4] như ở Đức người ta gọi, họ là chủ nhân của những trang trại ít nhiều rộng lớn và sử dụng sức lao động của một số công nhân nông nghiệp. Đối với giai cấp này, giai cấp nằm giữa một bên là những đại địa chủ phong kiến được miễn thuế với một bên là những nông dân nghèo và công nhân nông nghiệp thì vì những lý do hoàn toàn dễ hiểu, đường lối chính trị tự nhiên nhất của họ là liên minh với giai cấp tư sản chống phong kiến ở các thành thị.

Thứ hai, là những người tiểu nông tự do chiếm ưu thế ở vùng Ranh, ở đó chế độ phong kiến đã bị sụp đổ dưới những đòn mãnh liệt của cách mạng Pháp. Rải rác ở các vùng khác, có những tiểu nông tự do, họ đã chuộc lại được các đảm phụ phong kiến xưa kia đè nặng lên đất đai của họ. Nhưng giai cấp này cũng chỉ là nông dân tự do trên danh nghĩa mà thôi, vì tài sản của họ thường đã bị cầm cố đến mức độ và với những điều kiện nặng nề đến nỗi chủ nhân thực sự của ruộng đất không phải là người nông dân tự do nữa, mà kẻ cho vay nặng lãi đã ứng tiền trước cho họ. Thứ ba, là những nông dân phụ thuộc của lãnh chúa phong kiến mà người ta khó lòng đuổi được ra khỏi ruộng đất của họ, nhưng họ phải nộp địa tô vĩnh viễn cho địa chủ hoặc vĩnh viễn làm một công việc nào đó cho địa chủ. Cuối cùng là những công nhân nông nghiệp, thân phận của họ trong nhiều điền trang lớn rất giống thân phận của giai cấp ấy ở Anh, họ bao giờ cũng sống nghèo và chết khổ, thiếu ăn và làm nô lệ cho chủ. Ba tầng lớp sau ấy của dân cư nông nghiệp - những tiểu nông tự do, những nông dân phụ thuộc của lãnh chúa phong kiến và những công nhân nông nghiệp, - trước cách mạng, không bao giờ quan tâm tới chính trị; nhưng rất rõ ràng là cách mạng phải mở ra cho họ một con đường làm ăn mới với những triển vọng rực rỡ nhất. Cách mạng sẽ mang lại cho mỗi giai cấp ấy những lợi ích, cho nên có thể tin rằng tất cả họ sẽ lần lượt tham gia phong trào một khi phong trào đã hoàn toàn triển khai.

Nhưng đồng thời điều cũng không kém phần rõ rệt và cũng được lịch sử tất cả các nước tiên tiến chứng minh là dân cư nông nghiệp, vì họ ở rải rác trên một diện tích rất rộng và vì rất khó gây được một sự nhất trí trong một bộ phận đông đảo của họ, nên không bao giờ có thể tiến hành thắng lợi một phong trào độc lập. Họ cần có một sự thúc đẩy ban đầu của những người dân thành thị, sống tập trung hơn, sáng suốt hơn và hoạt động hơn.

Sự phác họa sơ lược ấy về những giai cấp quan trọng nhất hợp thành dân tộc Đức trong lúc nổ ra những phong trào gần đây nhất, cũng đủ để giải thích một phần lớn tính thiếu triệt để và thiếu thống nhất nội bộ cũng như những mâu thuẫn hiển nhiên của những phong trào ấy. Khi những lợi ích khác nhau, đối lập với nhau và chằng chịt với nhau một cách lạ lùng như vậy đi đến chỗ va chạm nhau mãnh liệt; khi những lợi ích chống đối lẫn nhau ấy ở mỗi khu, mỗi tỉnh đã xen lẫn nhau theo những tỷ lệ khác nhau, và nhất là khi trong nước không có một trung tâm lớn như Luân Đôn, như Pa-ri là những trung tâm mà bằng những quyết định có

trọng lượng của mình, có thể tránh cho nhân dân khỏi phải luôn luôn dùng đến đấu tranh để giải quyết đi, giải quyết lại cũng vẫn cùng một sự tranh chấp xảy ra ở các địa phương khác nhau - với tất cả những cái đó thì người ta không thể chờ đợi cái gì khác hơn là cuộc đấu tranh sẽ tách rời thành vô số những trận chiến đấu lẻ tẻ và không có liên hệ với nhau, làm tiêu hao biết bao nhiêu máu, bao nhiêu sinh lực và của cải mà vẫn không đem lại được một kết quả quyết định nào.

Cũng có thể giải thích được sự phân chia chính trị của nước Đức thành ba tá quốc gia lớn nhỏ, bằng tình trạng hỗn tạp và phức tạp của những thành phần cấu thành nên dân tộc Đức và những thành phần này, ở mỗi vùng, cá biệt của đất nước, đến lượt mình, cũng lại có đặc điểm đặc biệt. Ở đâu không có lợi ích chung thì ở đó không thể có sự thống nhất về mục đích và càng không thể có sự thống nhất về hành động được. Quả thực Hiệp bang Đức đã được tuyên bố là vĩnh viễn không bao giờ bị chia sẻ nữa, nhưng mặc dù vậy, Hiệp bang ấy và cơ quan của nó là Quốc hội hiệp bang[6*] không hề bao giờ đại biểu cho sự thống nhất của nước Đức. Mức độ tập trung hóa cao nhất đã đạt được ở Đức là sự thành lập Liên minh thuế quan; do đó, các bang ở biển Bắc đã buộc phải thành lập tổ chức liên minh thuế quan riêng của mình[7*], còn áo thì vẫn tiếp tục nấp sau hàng rào thuế quan riêng của nó. Như vậy, về tất cả những mục đích thực tiễn, nước Đức giờ đây lấy làm hài lòng vì chỉ bị chia cắt giữa ba thế lực độc lập với nhau, chứ không phải giữa ba mươi sáu thế lực như trước đây nữa. Đương nhiên là không vì thế mà uy quyền tối cao của Nga hoàng được thiết lập từ năm 1814, bị thay đổi.

Sau khi đã rút ra những kết luận sơ bộ ấy từ những tiền đề của chúng ta, trước hết, chúng ta sẽ nghiên cứu xem các giai cấp khác nhau ấy của nhân dân Đức đã lần lượt bước vào phong trào như thế nào và phong trào đã mang tính chất gì sau khi nổ ra cuộc cách mạng Pháp năm 1848.

Luân Đôn, tháng Chín 1851

Chú thích

[1] - Ở ngoài thực tại, ở nước ngoài (nguyên văn: "ở đất nước của những người dị giáo" - phần viết thêm vào chức danh của các giám mục Thiên chúa giáo được cử giữ chức vụ hoàn toàn có tính chất danh nghĩa của các giám mục ở các nước không theo đạo Cơ Đốc).

[2] - Các thành viên của Chính phủ lâm thời Pháp

[3] - Séc

[4] - Những đại nông và trung nông

II. Quốc gia Phổ

Ngày 28 tháng 10 năm 1851

Phong trào chính trị của giai cấp trung đẳng hay giai cấp tư sản ở Đức có thể coi là bắt đầu từ năm 1840. Những triệu chứng báo hiệu đã chỉ ra rằng giai cấp nắm tài chính và công nghiệp nước này đã đạt tới một độ trưởng thành không còn cho phép nó thờ ơ và thụ động trước sự áp bức của một nền quân chủ nửa phong kiến, nửa quan liêu nữa. Những vương hầu nhỏ Đức, một phần vì muốn trở nên độc lập hơn đối với bá quyền của áo và Phổ hay

đối với ảnh hưởng của giai cấp quý tộc trong chính ngay quốc gia của họ, một phần nhằm mục đích tập hợp thành một khối những tỉnh tách rời nhau mà Đại hội Viên^[8*] đã thống nhất lại dưới quyền thống trị của họ, nên đã lần lượt ban bố những hiến pháp ít nhiều có tính chất tự do chủ nghĩa. Họ có thể làm như thế mà không nguy hiểm gì cho họ: nếu Quốc hội hiệp bang, một con rối đơn thuần nằm trong tay áo và Phổ, định xâm phạm đến chủ quyền độc lập của họ thì họ biết chắc rằng việc họ chống những mệnh lệnh của Quốc hội hiệp bang sẽ được dư luận quần chúng và các nghị viện bang ủng hộ, còn nếu trái lại, các nghị viện quá mạnh thì họ lại có thể dễ dàng sử dụng quyền lực của Quốc hội hiệp bang để đập tan phái đối lập. Trong những trường hợp đó, những thiết chế hiến pháp của Ba-vi-e, Vuyéc-tem-béc, Ba-đen hay Han-nô-vơ không thể gây ra một cuộc đấu tranh quan trọng để giành chính quyền. Vì vậy, đại bộ phận của giai cấp tư sản Đức nói chung thường đứng ngoài những cuộc tranh chấp nhỏ nhất trong các nghị viện lập pháp của các tiểu bang, và biết rõ rằng nếu không có một sự thay đổi căn bản trong chính sách và trong chế độ nhà nước của hai cường quốc ở Đức thì mọi nỗ lực và thắng lợi có tầm quan trọng thứ yếu sẽ không có hiệu quả gì. Nhưng, cũng vào thời kỳ này, ở các nghị viện nhỏ ấy cũng nảy sinh ra một loại luật sư tự do chủ nghĩa, chuyên làm nghề đối lập, những Rốt-tếch, những Ven-cơ, những Ruê-mơ, những I-oóc-đan, những Stuy-vơ và những Ai-den-man, những "danh nhân" (Volksmänner) vĩ đại ấy sau khi đã chống đối ít nhiều âm ỉ trong suốt hai mươi năm trời, song luôn luôn vô hiệu, đã được sóng thần cách mạng năm 1848 đưa lên đỉnh cao của quyền lực, nhưng rồi trong một khoảnh khắc lại bị lật nhào, sau khi đã tỏ ra là hoàn toàn bất lực và vô vị. Đó là những hình mẫu đầu tiên về các nhà chính trị chuyên nghiệp và phái đối lập trên đất Đức. Bằng những bài diễn văn và văn chương của mình, họ đã làm cho tai người Đức quen với ngôn ngữ của chủ nghĩa lập hiến và bằng chính sự tồn tại của mình, đã báo hiệu là sắp tới cái thời gian mà giai cấp tư sản sẽ nắm lấy những ngôn từ chính trị, và mang lại cho chúng cái ý nghĩa chân chính, những ngôn từ mà bọn luật sư và giáo sư ba hoa kia đã quen dùng, nhưng đặc biệt không hiểu ý nghĩa thực sự của chúng.

Cả nền văn học Đức cũng chịu ảnh hưởng của cơn phản kích chính trị đang bao trùm châu Âu, sau những sự biến năm 1830^[9*]. Hầu hết các nhà văn lúc ấy đều truyền bá một thứ chủ nghĩa lập hiến chưa chín muồi, hoặc một thứ chủ nghĩa cộng hòa chưa chín muồi hơn nữa. Các tác gia, đặc biệt là các tác gia cỡ nhỏ, ngày càng có thói quen dùng những câu bóng gió chính trị vốn thường dễ thu hút sự chú ý của công chúng, để lấp những chỗ trống về mặt trí tuệ trong những tác phẩm văn chương của họ. Thi ca, tiểu thuyết, phê bình, bi hài kịch, tóm lại tất cả những tác phẩm văn học đều chứa đầy cái mà người ta gọi là "khuyếch hướng" tức là những biểu hiện ít nhiều rụt rè của cái tinh thần chống đối. Để làm cho tình trạng hỗn độn về tư tưởng đang ngự trị ở Đức sau năm 1830 lên đến tột bậc, người ta đem trộn lẫn vào những yếu tố đối lập chính trị ấy những điều đã được học ở nhà trường về triết học Đức chưa được hiểu rõ và những mẫu của chủ nghĩa xã hội Pháp bị hiểu sai, đặc biệt là của chủ nghĩa Xanh-Xi-mông. Cái bọn nhà văn truyền bá cái món hủ lậu những tư tưởng phức tạp ấy lại dám lên mặt tự xưng là "Nước Đức trẻ" hay "Trường phái hiện đại"^[10*]. Về sau này, họ đã ăn năn về những lỗi lầm hồi thiếu thời, nhưng họ vẫn chưa cải thiện được văn phong của họ.

Và sau cùng, cả triết học Đức, cái thước đo phức tạp nhất nhưng cũng chuẩn xác nhất ấy về sự phát triển của tư tưởng Đức, cũng đứng về phía giai cấp tư sản, khi Hê-ghen trong cuốn "Nguyên lý triết học pháp quyền"[\[11*\]](#) của mình, đã tuyên bố rằng chế độ quân chủ lập hiến là hình thức chính quyền cao nhất và hoàn thiện nhất. Nói cách khác, ông đã báo trước việc giai cấp tư sản Đức sắp lên nắm chính quyền. Sau khi ông chết, trường phái của ông không dừng lại ở đó. Những phần tử cấp tiến hơn trong số môn đồ của ông, một mặt, nghiêm khắc phê phán từng tín ngưỡng tôn giáo và làm rung chuyển đến tận nền móng của cái lâu đài Cơ Đốc giáo cổ kính, mặt khác trình bày những nguyên lý chính trị mạnh bạo hơn mà cho đến bây giờ chưa có người Đức nào được nghe thấy, và tìm cách khôi phục lại vinh quang của những anh hùng của cuộc cách mạng Pháp lần thứ nhất. Quả thực, nếu ngôn ngữ triết học khó hiểu mà những tư tưởng ấy dùng đã làm mờ trí óc của cả tác giả lẫn của độc giả thì đồng thời nó cũng che mắt các nhà kiểm duyệt, và chính nhờ vậy mà các nhà văn - phái "Hê-ghen trẻ" được hưởng một quyền tự do báo chí chưa từng thấy so với các ngành xuất bản phẩm khác.

Như vậy, hiển nhiên là đã có một sự biến chuyển lớn trong dư luận xã hội ở Đức. Dần dần đại bộ phận những giai cấp mà trình độ học vấn hay địa vị đã cho phép có được một ít kiến thức chính trị và tự tạo cho mình một chính kiến ít nhiều độc lập, ngay ở dưới chế độ quân chủ chuyên chế, đã liên hiệp lại thành một đoàn thể đối lập mạnh mẽ chống lại chế độ hiện hành. Nếu nhận xét tốc độ chậm chạp của sự phát triển chính trị ở Đức thì không ai nên quên rằng trong một nước mà ở đó tất cả những nguồn tin tức đều bị đặt dưới sự kiểm soát của chính phủ, không một lĩnh vực nào, - từ trường học cho những người nghèo hay trường học chủ nhật cho đến báo chí và trường đại học, - không có cái gì chưa được chính phủ đồng ý mà lại được đem nói, đem dạy, đem in hoặc đem công bố, trong một đất nước như vậy thì khó mà có thể hiểu biết được một cách đúng đắn bất cứ vấn đề gì. Ví dụ Viên chẳng hạn. Nhân dân thành Viên, về khả năng lao động và sản xuất công nghiệp có lẽ không thua kém nhân dân một vùng nào khác ở nước Đức, còn về tinh thần hăng hái, lòng dũng cảm và nghị lực cách mạng lại còn tỏ ra cao hơn tất cả, nhưng lại không hiểu gì về những lợi ích chân chính của mình và lại phạm sai lầm, trong cách mạng, nhiều hơn mọi người khác. Tình hình ấy, phần rất lớn, là do chính phủ Mét-téc-ních đã giam hãm họ trong tình trạng hầu như dốt nát về những vấn đề chính trị sơ đẳng nhất.

Cũng không cần phải giải thích thêm nữa mới hiểu được rằng vì sao, dưới một chế độ như vậy, những tri thức chính trị hầu như trở thành độc quyền của những giai cấp xã hội có phương tiện tài chính để len lút đưa những tri thức ấy vào trong nước, đặc biệt là của những giai cấp mà lợi ích bị chế độ hiện hành đụng đến nhiều nhất, tức là của những giai cấp công thương nghiệp. Do đó, những giai cấp này là những giai cấp đầu tiên đã đoàn kết nhau lại để chống lại việc tiếp tục duy trì một chế độ chuyên chế được ngụy trang ít nhiều; và phải coi ngày họ bước vào hàng ngũ phe chống đối là ngày bắt đầu của phong trào cách mạng chân chính ở Đức.

Có thể coi sự phản kháng công khai của giai cấp tư sản Đức là bắt đầu từ năm 1840, năm qua đời của ông vua cuối cùng của Phổ[\[1\]](#) đại biểu cuối cùng của những người sáng lập ra

Liên minh thần thánh năm 1815. Như mọi người đều biết, ông vua mới không phải là người tán thành chế độ quân chủ tối quan liêu và quân phiệt của cha mình. Điều mà giai cấp tư sản Pháp chờ đợi khi Lu-i XVI lên ngôi vua thì giai cấp tư sản Đức, trong một chừng mực nào đó, cũng hy vọng ở Phri-đrich - Vin-hem IV của nước Phổ. Khắp nơi, mọi người đều công nhận rằng chế độ cũ đã lỗi thời và đã phá sản, rằng phải loại bỏ nó đi; điều mà dưới triều vua trước người ta lặng lẽ cam chịu thì đến nay, người ta lớn tiếng tuyên bố là không thể chịu đựng được.

Nhưng nếu Lu-i XVI, "Lu-i được hoan nghênh", là một kẻ ngốc nghếch thông thường và không có tham vọng, một kẻ có ý thức phần nào về sự bất tài của mình, không có một ý kiến dứt khoát nào và hành động theo những thói quen do sự giáo dục rèn nên thì "Phri-đrich - Vin-hem được hoan nghênh" lại thuộc một loại khác hẳn. Vượt hình mẫu Pháp của mình về tính nhu nhược, hắn vừa không phải không có tham vọng vừa không phải không có ý kiến riêng. Hắn đã học được một cách tài tử những điều cơ bản của phần lớn những khoa học, do đó tự cho mình là đủ am hiểu để nhận định dứt khoát về mọi vấn đề. Hắn tin chắc mình là một diễn giả hạng nhất, và quả là không có một người rao hàng nào ở Béc-lin có thể vượt được hắn về cái tài nói những điều tầm thường, nhưng lại cho là hóm hỉnh, và về cái tài thao thao bất tuyệt. Nhưng điều quan trọng hơn cả là hắn lại có những ý kiến riêng của mình. Hắn căm ghét và khinh bỉ chủ nghĩa quân liêu trong nền quân chủ Phổ chỉ vì tất cả cảm tình của hắn đều dành cho chủ nghĩa phong kiến. Bản thân hắn là một trong những người sáng lập và hoạt động chính của "Berliner Politisches Wochenblatt", của cái gọi là trường phái lịch sử (một trường phái được nuôi dưỡng bằng những tư tưởng của Bô-nan, của Đờ Me-xơ-rơ và của các nhà văn khác thuộc thế hệ đầu của phái chính thống Pháp) [12*], hắn cố gắng khôi phục một cách đầy đủ nhất địa vị thống trị của giai cấp quý tộc trong xã hội. Nhà vua là nhà quý tộc đứng đầu vương quốc của mình; ông ta được bao quanh trước hết bởi một triều đình rực rỡ gồm những chư hầu hùng mạnh, những vương, công, hầu, bá và thứ nữa là lớp quý tộc hạng dưới, giàu có và đông đảo; ông ta trị vì một cách độc đoán đám thần dân gồm thị dân và nông dân trung thành của mình như là thủ lĩnh của một hệ thống đầy đủ những cấp bậc hay đẳng cấp xã hội, trong ấy mỗi một cấp bậc hay đẳng cấp được hưởng những đặc quyền riêng và cách biệt với các cấp bậc và đẳng cấp khác bằng những hàng rào hầu như không thể vượt qua về dòng dõi hay địa vị xã hội cố định và bất biến; đồng thời quyền lực và ảnh hưởng của tất cả các đẳng cấp ấy, hay là của "các đẳng cấp của vương quốc" phải cân bằng nhau một cách hoàn hảo sao cho nhà vua có thể hoàn toàn hành động độc lập - đó là beau idéal[2] mà Phri-đrich - Vin-hem IV đã mưu thực hiện và giờ đây, lại đang tìm cách thực hiện.

Giai cấp tư sản Phổ vốn không thông thạo lắm về các vấn đề lý luận, nên cần phải có một thời gian nhất định mới khám phá ra ý nghĩa thực sự của những ý đồ của nhà vua của mình. Nhưng điều nó nhận ra ngay là nhà vua thiết tha với những điều hoàn toàn trái ngược với điều nó mong muốn. Ngay sau khi cái chết của vua cha làm cho vua mới "được quyền ăn nói" thì nhà vua mới liền vội vã tuyên bố những ý định của mình trong những diễn văn nhiều không kể xiết; và mỗi một bài diễn văn, mỗi một hành vi của hắn, chỉ làm cho hắn mất thêm cảm tình của giai cấp tư sản. Có lẽ điều ấy cũng chẳng hề làm hắn băn khoăn, nếu những

sự kiện khắc nghiệt và đáng lo ngại không đến làm đứt quãng những giấc mơ thơ mộng của hần. Than ôi! Chủ nghĩa lãng mạn sao lại dốt tính toán đến thế, còn chủ nghĩa phong kiến, kể từ thời Đông Ki-sốt thì luôn luôn tính nhảm! Phri-đrich - Vin-hem IV quá ưa cái thói khinh tiền mặt vốn là truyền thống cao quý của con cái những thập tự quân. Lúc lên ngôi, hần đã thấy có một hệ thống cai trị tốn kém tuy đã được tổ chức một cách tiết kiệm và một quốc khố chẳng đầy đặn gì. Sau hai năm, tất cả món tiền dư ra đều đã bị chi vào những yến tiệc ở triều đình, những quà tặng xa hoa, những cuộc du hành phô trương, những phụ cấp cho bọn quý tộc đói khát và tham lam v.v... Những khoản thuế má bình thường không còn đủ cho những nhu cầu của triều đình và của nhà nước nữa. Thành thử là chẳng bao lâu, nhà vua thấy mình mắc kẹt giữa một bên là sự thiếu hụt ghê gớm, và một bên là pháp lệnh năm 1820, cái pháp lệnh coi là bất hợp pháp mọi công trái mới hoặc mọi sự tăng thêm thuế má hiện hành mà không có sự đồng ý của "cơ quan dân biểu tương lai". Cơ quan này chưa có; nhà vua mới còn ít muốn sáng lập nó hơn bố, và dù cho rằng ông ta có muốn, ông ta cũng không thể không biết rằng dư luận công chúng đã thay đổi nhiều từ ngày ông lên ngôi.

Trên thực tế, giai cấp tư sản, trong một chừng mực nào đó, đã hy vọng rằng nhà vua mới tức khắc ban bố một hiến pháp, tuyên bố quyền tự do xuất bản, thiết lập những tòa án bồi thẩm, v.v và v.v - tóm lại là nhà vua mới sẽ đích thân lãnh đạo cuộc cách mạng hòa bình mà giai cấp tư sản đang cần đến để nắm quyền lực chính trị - giai cấp tư sản ấy đã nhận ra sai lầm của mình và tức giận, quay ra chống nhà vua. Ở tỉnh Ranh và ít nhiều phổ biến trong toàn nước Phổ, nó đã tức giận đến mức liên minh với phái triết học cực đoan mà chúng tôi đã nói ở trên, khi thấy không có đủ người có thể đại diện cho nó trên báo chí. Kết quả của cuộc liên minh ấy là việc thành lập tờ báo "Rheinische Zeitung"[\[13*\]](#) ở Khuên. Mặc dầu báo đã bị đóng cửa sau mười lăm tháng hoạt động, nhưng nó đã đánh dấu bước mở đầu của báo chí định kỳ hiện đại ở Đức. Lúc đó là năm 1842.

ông vua đáng thương mà những khó khăn tiền tệ của ông ta đã nhạo báng những khuyh hướng trung cổ của ông ta, cũng đã nhanh chóng nhận thấy rằng nếu không nhân nhượng chút ít cái yêu sách chung đòi thành lập "cơ quan dân biểu" được ghi trong đạo luật 1820 như một vết tích cuối cùng của những lời hứa năm 1813 và năm 1815 và đã bị lãng quên từ lâu, thì ông ta sẽ không thể tiếp tục trị vì được nữa. ông cho rằng cái cách thức ít bực mình nhất để áp dụng đạo luật khó chịu ấy là triệu tập những ủy ban thường trực của các nghị viện hàng tỉnh. Những nghị viện hàng tỉnh đã được thiết lập từ năm 1823. Các nghị viện ấy, trong mỗi tỉnh của tám tỉnh của vương quốc, đều gồm có:

Tầng lớp đại quý tộc, những hoàng tộc xưa kia đã trị vì trong Đế chế Đức mà những tộc trưởng là nghị viên cha truyền con nối;

Những đại biểu của giới hiệp sĩ hay của tầng lớp tiểu quý tộc;

Những đại biểu của các thành thị;

Những đại biểu của nông dân hay của tiểu nông.

Tất cả đều được tổ chức sao cho ở mỗi tỉnh, hai bộ phận trên của giai cấp quý tộc bao giờ cũng chiếm đa số trong nghị viện. Mỗi nghị viện trong tám nghị viện hàng tỉnh ấy bầu ra một ủy ban, rồi tám ủy ban ấy giờ đây được triệu tập đến Béc-lin để thành lập một hội nghị dân

biểu để biểu quyết món công trái đang được hết sức mong muốn. Người ta tuyên bố rằng quốc khố vẫn còn đầy, còn công trái không phải là để dùng vào những nhu cầu hàng ngày mà là để xây dựng một đường sắt quốc gia. Nhưng các ủy ban liên hợp cương quyết cự tuyệt đề nghị của nhà vua; họ tuyên bố không có thẩm quyền hành động như những đại biểu của nhân dân và đòi nhà vua phải thực hiện lời hứa của vua cha là ban hành hiến pháp đại nghị, khi ông ta cần đến sự giúp đỡ của nhân dân để chống lại Na-pô-lê-ông.

Phiên họp của các ủy ban liên hợp chứng tỏ rằng tinh thần chống đối không phải chỉ có trong giai cấp tư sản. Một bộ phận của nông dân đã liên kết với giai cấp tư sản; nhiều nhà quý tộc tiến hành canh tác lớn trên đất đai của mình và buôn bán lúa mì, len, rượu, gai, đều cũng cần những đảm bảo để chống lại chế độ chuyên chế, chế độ quan liêu và sự phục tịch chế độ phong kiến, nên cũng đã lên tiếng chống chính phủ và ủng hộ yêu sách đòi hỏi một hiến pháp đại nghị. Kế hoạch của nhà vua đã thất bại hoàn toàn. Ông ta không thu được một xu nào mà còn làm tăng thêm sức mạnh của phe chống đối. Các phiên họp ngay sau đó của các nghị viện hàng tỉnh còn bất lợi cho nhà vua hơn nữa. Tất cả đều đòi cải cách và đòi thực hiện những lời hứa năm 1813 và năm 1815, đòi thi hành hiến pháp và quyền tự do báo chí. Những nghị quyết tương ứng của một vài nghị viện được thảo ra với một giọng có phần bất kính, và những câu trả lời gay gắt của nhà vua còn làm cho tình thế thêm nghiêm trọng hơn nữa.

Trong khi đó, những khó khăn về tài chính của chính phủ ngày càng tăng. Khả năng thanh toán của nhà nước được cứu vãn bề ngoài nhờ việc rút bớt những số tiền chi cho các cơ quan công cộng khác nhau, và sự giao dịch ám muội với "Seehandlung"[\[14*\]](#) - một cơ quan thương mại đầu cơ và kinh doanh cho nhà nước, lỗi lỗi do nhà nước chịu và từ lâu đã làm môi giới cho nhà nước; việc nhà nước tăng cường phát hành tín phiếu cũng cung cấp được một ít của cải, và nói chung, tình hình tài chính được giữ bí mật khá tốt. Nhưng tất cả mọi mưu kế ấy chẳng bao lâu rồi cũng cạn. Khi ấy, người ta thử một kế hoạch khác: thành lập một ngân hàng mà vốn của nó thì do một bên là nhà nước và một bên do những cổ đông tư nhân bỏ ra; nhà nước nắm quyền lãnh đạo chủ yếu, tức là nó được tổ chức sao cho chính phủ có thể rút từ vốn của ngân hàng ra những món tiền lớn và có thể lại tiếp tục những việc giao dịch gian lận mà nó không thể tiếp tục tiến hành với "Seehandlung" được nữa. Nhưng đương nhiên là người ta không tìm ra được một nhà tư bản nào sẵn sàng bỏ tiền ra với những điều kiện như vậy. đành phải thay đổi điều lệ của ngân hàng và bảo đảm cho quyền sở hữu của các cổ đông khỏi bị ngân khố quốc gia xâm phạm trước khi tiến hành làm giấy đặt mua ít nhất là một cổ phần. Vì vậy một khi kế hoạch ấy thất bại, thì chỉ còn lại một kế là phát hành công trái, - dĩ nhiên là với điều kiện có thể tìm ra được những nhà tư bản sẵn sàng cho vay mà không đòi phải có sự đồng ý và sự bảo đảm của cái "cơ quan dân biểu tương lai" bí hiểm ấy. Người ta nhờ đến Rôt-sin, nhưng ông này tuyên bố rằng sẽ tức khắc đảm đương việc ấy nếu công trái được "cơ quan dân biểu" bảo đảm, bằng không thì ông ta chẳng muốn dính vào việc ấy làm gì.

Thế là mọi hy vọng kiếm tiền đều tiêu tan và không còn cách nào khác nếu không có cái "cơ quan dân biểu" rầy rà ấy. Mùa thu năm 1846, người ta biết tin Rôt-sin cự tuyệt, và đến

tháng Hai năm sau, nhà vua triệu tập ở Béc-lin tất cả tám nghị viện hàng tỉnh và hợp chúng lại thành "Nghị viện liên hợp" thống nhất. Nghị viện này, khi cần đến, phải làm cho được cái công việc do đạo luật năm 1820 yêu cầu, mà cụ thể là phải biểu quyết những công trái và những thuế mới, nhưng ngoài quyền hạn ấy nó không có quyền nào khác. Nó chỉ có quyền tư vấn thuần túy trong vấn đề lập pháp chung, nó phải hợp theo ý muốn của nhà vua chứ không phải theo những kỳ hạn nhất định; nó cũng chỉ được thảo luận những vấn đề mà chính phủ tùy ý đề ra cho nó. Các nghị viên tất nhiên là không hài lòng mấy về vai trò mà nhà vua muốn gán cho họ. Họ nhắc lại những nguyện vọng mà họ đã phát biểu trong các nghị viện hàng tỉnh; mối quan hệ giữa họ và chính phủ chẳng bao lâu trở nên gay gắt, và khi người ta yêu cầu họ thông qua khoản công trái, - vẫn lại dựa vào cái gọi là sự cần thiết phải xây dựng đường sắt, - thì họ lại cũng từ chối một lần nữa.

Việc biểu quyết ấy nhanh chóng kết thúc ngay kỳ họp. Nhà vua ngày càng bức bối, đã khiển trách và giải tán nghị viện, nhưng trước sau ngài vẫn không có tiền.

Thực ra nhà vua có nhiều lý do rất chính đáng để lo ngại cho địa vị của mình, vì ông ta thấy rằng đảng tự do chủ nghĩa do giai cấp tư sản lãnh đạo, bao gồm một phần lớn tầng lớp tiểu quý tộc và tất cả những phần tử bất mãn trong những bộ phận khác nhau của các tầng lớp dưới, đang quyết đạt cho được yêu cầu của nó. Trong diễn văn khai mạc ở nghị viện, nhà vua đã ủng hộ công tuyên bố rằng vô luận thế nào, ông ta cũng không bao giờ ban hành một hiến pháp theo ý nghĩa hiện đại của danh từ đó. Đảng tự do chủ nghĩa vẫn cứ đòi một hiến pháp đại nghị hiện đại và chống phong kiến, cùng với toàn bộ những kết quả của nó như quyền tự do báo chí, tòa án bồi thẩm, v.v., cho biết là sẽ không bỏ ra một xu nhỏ nào trước khi giành được hiến pháp ấy. Một điều hiển nhiên là: tình trạng ấy không thể kéo dài lâu được nữa, và nếu một trong hai phe không chịu nhượng bộ thì nhất thiết phải đi tới chỗ tan vỡ, đi tới đấu tranh đổ máu. Mà giai cấp tư sản thì biết rằng nó đang đứng trước ngưỡng cửa của một cuộc cách mạng và đang chuẩn bị cho tình hình đó. Nó tìm đủ mọi cách để có được sự ủng hộ của giai cấp công nhân thành thị và của nông dân ở các vùng nông nghiệp. Mọi người đều biết là khoảng cuối năm 1847, không một nhân vật chính trị nổi bật nào trong giai cấp tư sản lại không tự nhận mình là "xã hội chủ nghĩa" để tranh thủ cảm tình của giai cấp vô sản. Sau đây, chúng ta sẽ thấy "các nhà xã hội chủ nghĩa" ấy trong hành động thực tế.

Việc giai cấp tư sản lãnh đạo vội vã trưng lên ít ra là cái bề ngoài của chủ nghĩa xã hội là bắt nguồn từ một sự thay đổi sâu sắc diễn ra trong giai cấp công nhân Đức. Một số công nhân Đức, từ năm 1840 đã qua Pháp và Thụy Sĩ, đã thấm nhuần ít nhiều những khái niệm xã hội chủ nghĩa hoặc cộng sản chủ nghĩa còn thô sơ, mà lúc đó đã phổ biến trong công nhân Pháp. Cái hứng thú ngày càng tăng mà những tư tưởng ấy ngay từ năm 1840 đã gây nên ở Pháp cũng làm cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trở thành một cái mốt cả ở Đức và ngay từ năm 1843, tất cả các trang báo đều đầy dẫy những bài thảo luận về các vấn đề xã hội. Chỉ ít lâu sau, đã hình thành một môn phái những nhà xã hội chủ nghĩa ở Đức mà tư tưởng nổi bật là ở tính mơ hồ hơn là tư tưởng mới. Hoạt động chủ yếu của nó là dịch từ tiếng Pháp những học thuyết của Phu-ri-ê, của Xanh-Xi-mông và của những người khác ra cái ngôn ngữ khó hiểu của triết học Đức^[15*]. Môn phái cộng sản chủ nghĩa của Đức,

một môn phái khác về căn bản với môn phái trên đây, cũng được thành lập vào khoảng thời gian ấy.

Năm 1844, những cuộc bạo động của thợ dệt ở Xi-lê-di đã nổ ra, tiếp theo là cuộc khởi nghĩa của thợ in vải hoa ở Pra-ha. Những cuộc bạo động ấy, bị đàn áp tàn nhẫn, - những cuộc nổi dậy của công nhân không phải để chống chính phủ mà là để chống bọn chủ, - đã gây nên một ấn tượng sâu sắc và càng thúc đẩy thêm công cuộc tuyên truyền xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa trong giai cấp công nhân. Những cuộc nổi dậy đòi bánh mì vào vụ đói năm 1847 cũng thúc đẩy công cuộc tuyên truyền ấy. Tóm lại, cũng giống như phe đối lập đòi hiến pháp đã tập hợp đại bộ phận các giai cấp hữu sản (trừ bọn địa chủ phong kiến) xung quanh lá cờ của mình, giai cấp công nhân các thành thị lớn cũng đặt hy vọng tự giải phóng mình vào các học thuyết xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, mặc dầu do những luật lệ báo chí hiện hành, người ta chỉ có thể làm cho giai cấp này hiểu biết được rất ít về những học thuyết ấy. Tất nhiên là không nên mong chờ công nhân có được một ý niệm thật rõ về những đòi hỏi của họ: họ chỉ biết rằng cương lĩnh của giai cấp tư sản đòi hiến pháp không chứa đựng những điều cần thiết cho họ và do đó những nguyện vọng của họ không hề được đếm xỉa tới trong các bản dự thảo hiến pháp.

Lúc bấy giờ, không có đảng cộng hòa riêng biệt ở Đức. Người Đức hoặc là theo phái quân chủ lập hiến, hoặc là theo phái xã hội chủ nghĩa hay cộng sản chủ nghĩa ít nhiều công khai.

Trong những điều kiện đó thì một cuộc xung đột hết sức nhỏ tất sẽ dẫn đến một cuộc cách mạng lớn. Trong khi mà tầng lớp đại quý tộc, những công chức và các sĩ quan cao cấp là chỗ dựa duy nhất chắc chắn của chế độ hiện hành; trong khi mà tầng lớp tiểu quý tộc, giai cấp tư sản công thương nghiệp, các giới đại học, những giáo viên trung học các loại và thậm chí cả một bộ phận các tầng lớp dưới của công chức và sĩ quan đều liên minh với nhau để chống chính phủ; trong khi đằng sau những người này, có những khối quần chúng bất mãn gồm nông dân và những người vô sản các thành thị lớn giờ đây còn ủng hộ phe đối lập tự do chủ nghĩa, nhưng đã để lộ ra ý định muốn tự nắm lấy công việc; trong khi mà giai cấp tư sản đang sẵn sàng lật đổ chính phủ và những người vô sản đến lượt họ cũng đang chuẩn bị quật ngã giai cấp tư sản, thì chính phủ vẫn ngoan cố đi theo con đường tắt yếu dẫn tới một cuộc xung đột. Vào đầu năm 1848, nước Đức đã đứng trước ngưỡng cửa của một cuộc cách mạng và cuộc cách mạng ấy chắc chắn sẽ nổ ra, dù cho là cách mạng tháng Hai của Pháp không thúc đẩy nó nhanh chóng nổ ra thì cũng vậy.

Trong bài tiếp theo, chúng ta sẽ xem cuộc cách mạng ở Pa-ri ấy đã có ảnh hưởng như thế nào đến nước Đức.

Luân Đôn, tháng Chín 1851

Chú thích

[1] - Phri-đrich - Vin-hem III

[2] - Lý tưởng đẹp

III. Những quốc gia khác ở Đức

Ngày 06 tháng 11 năm 1851

Trong bài báo trước, chúng tôi hầu như chỉ hoàn toàn nói tới cái quốc gia đóng vai trò quan trọng nhất trong phong trào ở Đức từ năm 1840 đến năm 1848, tức là nước Phổ. Nhưng bây giờ, chúng ta cần xét qua những quốc gia khác của Đức trong cùng thời gian ấy.

Từ phong trào cách mạng năm 1830, những quốc gia nhỏ đã hoàn toàn đặt dưới quyền chuyên chính của Quốc hội hiệp bang, nghĩa là của áo và của Phổ. Những hiến pháp khác nhau được ban hành một mặt làm phương tiện để chống lại những mệnh lệnh độc đoán của các quốc gia lớn, mặt khác để bảo đảm uy tín cho những vương hầu đã ban hành những hiến pháp ấy và đem lại một sự thống nhất cho các tỉnh được Hội nghị Viên tập hợp lại một cách hỗn tạp không theo một nguyên tắc chỉ đạo nào - những hiến pháp ấy, mặc dầu chỉ là hão huyền, vẫn tỏ ra là một mối nguy cho uy quyền của bản thân các vương hầu nhỏ trong thời kỳ giông tố 1830 - 1831. Vì vậy, những hiến pháp ấy đã bị hủy bỏ gần hết.

Cái mà người ta còn giữ lại thì hữu danh vô thực và cần phải có một thái độ tự mãn huênh hoang như một Ven-cơ, một Rốt-tếch, một Đan-man mới tưởng tượng được rằng sự chống đối khúm núm xen lẫn những lời tán tụng hèn hạ mà người ta cho phép chúng biểu lộ ở trong các nghị viện bất lực của các quốc gia nhỏ có thể đem lại những kết quả nào đó.

Hầu như ngay sau năm 1840, bộ phận kiên quyết hơn của giai cấp tư sản ở các quốc gia nhỏ ấy đã từ bỏ hoàn toàn mọi hy vọng mà trước kia nó đặt vào sự phát triển của một chính thể đại nghị ở những quốc gia phụ thuộc vào áo và Phổ. Giai cấp tư sản Phổ và các giai cấp liên minh với nó vừa mới tỏ ra quyết tâm thực sự đấu tranh cho một chính thể đại nghị ở Phổ thì người ta đã để cho nó nắm quyền lãnh đạo phong trào lập hiến trong toàn nước Đức, trừ nước áo. Một sự kiện ngày nay không còn ai phủ nhận nữa, đó là việc những phần tử trung kiên trong phong trào lập hiến của miền trung nước Đức, sau ngày thoát ly khỏi Quốc hội Phran-phước và tự mệnh danh là phái Gô-ta theo tên gọi của địa phương, họ đã tiến hành những cuộc họp riêng rẽ của họ, đã ấn định từ lâu trước năm 1848 cái kế hoạch mà năm 1849 họ chỉ sửa đổi chút ít để đề xuất với các đại biểu của toàn Đức. Họ chủ trương hoàn toàn gạt nước áo ra khỏi Hiệp bang Đức và thành lập một liên bang mới với một hiến pháp mới, và một nghị viện liên bang mới dưới sự bảo hộ của Phổ, và chủ trương sáp nhập các quốc gia nhỏ vào quốc gia lớn hơn. Tất cả những điều ấy phải được thực hiện khi nước Phổ đứng vào hàng ngũ các nước quân chủ lập hiến, ban hành quyền tự do báo chí và theo đuổi một chính sách độc lập đối với Nga và áo, và do đó sẽ đem lại cho các phần tử lập hiến của các quốc gia nhỏ quyền kiểm soát thực sự các chính phủ của họ. Người vạch ra kế hoạch ấy là giáo sư Ghéc-vi-nút ở Hai-đen-béc (Ba-đen). Như vậy, sự giải phóng của giai cấp tư sản Phổ sẽ đánh dấu sự giải phóng của giai cấp tư sản trên toàn nước Đức và sự ra đời một liên minh tấn công và phòng thủ nhằm chống lại Nga cũng như áo, vì nước áo, như chúng ta sẽ thấy, bị coi là một nước hoàn toàn man rợ, một nước mà người ta biết rất ít về nó và điều ít ỏi mà người ta biết được về nó lại cũng không hay ho gì cho nhân dân nó cả. Vì vậy, áo không được coi là một bộ phận cấu thành chủ yếu của Đức.

Còn các giai cấp xã hội khác ở trong các quốc gia nhỏ thì họ đều hoặc nhanh hoặc chậm

tiến theo vết chân của các giai cấp tương tự ở Phổ. Những người tiểu tư sản ngày càng trở nên bất mãn với chính phủ, bất mãn về việc tăng thuế, về sự xâm phạm đến những quyền chính trị hữu danh vô thực mà họ thường vẫn tự hào khi tự so sánh với những "nô lệ của chế độ chuyên chế" ở Áo và Phổ. Nhưng cho đến nay, trong thái độ chống đối của họ, vẫn chưa có gì rõ ràng để có thể xem họ là một đảng độc lập, khác biệt với đảng lập hiến của bọn đại tư sản. Sự bất mãn cũng tăng thêm trong nông dân, nhưng mọi người đều biết rằng vào những thời kỳ yên tĩnh và hòa bình, tầng lớp dân chúng này không bao giờ đề ra những lợi ích của mình và cũng không có tham vọng đóng vai trò của một giai cấp độc lập, trừ ở những nước có quyền đầu phiếu phổ thông. Những công nhân công nghiệp ở thành thị đã bắt đầu bị nhiễm phải "nọc độc" của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Nhưng vì ngoài nước Phổ ra thì không có mấy thành thị quan trọng và lại càng có ít khu vực công nghiệp, nên phong trào của giai cấp ấy, ở trong các quốc gia nhỏ, tiến triển một cách hết sức chậm chạp vì thiếu những trung tâm hoạt động và tuyên truyền.

Những trở ngại đang cản trở sự phát triển của phái đối lập chính trị đã tạo ra ở Phổ cũng như ở các quốc gia nhỏ một kiểu chống đối có tính chất tôn giáo, dưới hình thức các phong trào phát triển song song là đạo Thiên chúa Đức và các Giáo đoàn tự do^[16*]. Lịch sử cung cấp cho chúng ta nhiều thí dụ nói lên rằng trong những nước được hưởng sự chúc phúc của một quốc giáo và bị ngăn cản không được thảo luận về chính trị, thì sự đối lập phàm tục và nguy hiểm chống lại quyền lực thế tục được che giấu bằng một cuộc đấu tranh thần thánh hơn và có vẻ vô tư hơn đối với những lợi ích trần thế chống lại nền chuyên chế tinh thần. Nhiều chính phủ không chịu nổi sự bàn luận về bất cứ một hành động nào của họ, đều cố tránh tạo nên những người tuần giáo và tránh kích thích sự cuồng tín tôn giáo trong quần chúng. Chính vì thế nên ở Đức, vào năm 1845, trong mỗi quốc gia, đạo Thiên chúa La Mã hoặc đạo Tin lành, hay cả hai, cùng một lúc đều được coi là bộ phận cấu thành không thể tách rời của chế độ nhà nước. Trong tất cả các quốc gia ấy, giới tăng lữ của một trong hai giáo phái ấy, hoặc của cả hai, đều là bộ phận chủ yếu của bộ máy cai trị quan liêu của chính phủ. Vì vậy công kích đạo Thiên chúa chính thống hay Tin lành chính thống, công kích giới tăng lữ, cũng chính là ngấm ngầm công kích chính ngay chính phủ. Còn về những người Thiên chúa giáo Đức thì chỉ riêng sự tồn tại của họ cũng đủ là một sự công kích các chính phủ Thiên chúa giáo ở Đức, đặc biệt là Chính phủ Áo và Chính phủ Ba-vi-e. Chính các chính phủ ấy cũng hiểu như vậy. Những tín đồ của các Giáo đoàn tự do, những tín đồ đạo Tin lành phản đối quốc giáo, - họ hơi giống những tín đồ nhất thần luận ở Anh và ở Mỹ^[17*] - đều công khai chống đối những khuynh hướng giáo quyền chủ nghĩa và chính thống nghiêm ngặt của vua Phổ và của vị bộ trưởng được nhà vua yêu mến, Bộ trưởng giáo dục và tôn giáo, ông Ai-sơ-hoóc. Hai giáo phái mới ấy - trong một thời gian đã lan truyền nhanh chóng, giáo phái thứ nhất trong các quốc gia Thiên chúa giáo, giáo phái thứ hai trong các quốc gia theo đạo Tin lành - chỉ khác nhau ở nguồn gốc, còn giáo thuyết của cả hai đều hoàn toàn nhất trí với nhau về cái điểm quan trọng nhất là: tất cả mọi giáo điều đã được xác định đều chẳng có căn cứ gì. Sự thiếu tính không xác định đủ loại ấy chính là thực chất của hai giáo phái ấy. Theo lời họ, họ có tham vọng dựng ngôi đền lớn, dưới vòm đền đó, tất cả mọi người Đức đều có thể đoàn kết nhau lại được. Do đó, dưới hình thức tôn giáo, các giáo phái ấy đại biểu cho một tư tưởng chính trị khác của thời đại ấy, tức là tư tưởng thống nhất của nước

Đức. Tuy nhiên họ lại không bao giờ nhất trí được với nhau.

Tư tưởng thống nhất nước Đức mà các giáo phái nói trên đã cố gắng thực hiện, ít ra là trên cơ sở tôn giáo, bằng cách sáng tạo ra một tôn giáo chung cho mọi người Đức, thích ứng đặc biệt với nhu cầu, tập quán và sở thích của mọi người Đức, - tư tưởng ấy thực ra là rất phổ biến, nhất là trong các bang nhỏ. Từ ngày Đế chế Đức bị Na-pô-lê-ông phá tan[18*], lời kêu gọi hợp nhất các *disjecta membra*[1] của cơ thể Đức thành một thể thống nhất đã biến thành biểu hiện chung nhất của nỗi bất bình đối với trật tự hiện hành, và trước hết là ở các quốc gia nhỏ mà ở đó những chi phí cho triều đình, cho công việc hành chính, cho quân đội, tóm lại là tất cả cái gánh nặng ghê gớm của thuế má, đã tăng lên theo tỉ lệ thuận với khuôn khổ bé nhỏ và sự bất lực của quốc gia. Nhưng về vấn đề một khi đã được thực hiện thì sự thống nhất nước Đức là như thế nào thì các đảng phái lại bất đồng ý kiến. Giai cấp tư sản không muốn có biến động cách mạng sâu sắc, thì lấy làm thỏa mãn với cái giải pháp mà như chúng ta đã biết, nó cho là "có thể thực hiện được", tức là thành lập một liên minh toàn Đức, trừ áo ra, dưới bá quyền của một Chính phủ lập hiến Phổ và chắc chắn rằng vào lúc ấy, người ta không thể làm được cái gì hơn thế mà không gây nên những cơn giông tố nguy hiểm. Nhưng người tiểu tư sản và nông dân, trong chừng mực mà nông dân quan tâm đến những điều như vậy, cũng không bao giờ đi đến chỗ đề ra một định nghĩa nào đó về sự thống nhất của Đức mà về sau họ yêu sách rất âm ỹ; một số ít những kẻ mơ mộng, phần nhiều là những phần tử phong kiến phản động, vẫn hy vọng khôi phục Đế chế Đức; một nhóm người ngu dốt, những kẻ soi-disant[2] phái cấp tiến, khâm phục những thiết chế của Thụy Sĩ mà họ chưa kịp đem ra thực nghiệm trong thực tế, một sự thực nghiệm, sau này, đã làm cho họ thất vọng một cách rất lố bịch - thì tán thành một chế độ cộng hòa liên bang. Chỉ có đảng cực đoan nhất lúc ấy là dám chủ trương một nước Cộng hòa Đức, thống nhất và không thể chia cắt[19*]. Cho nên bản thân việc thống nhất dân tộc Đức là một vấn đề mang nặng mầm mống chia rẽ, bất hòa, thậm chí trong một số trường hợp, cả nội chiến nữa.

Nói tóm lại, tình hình nước Phổ và các bang nhỏ của Đức vào cuối năm 1847 là như sau. Giai cấp tư sản nhận rõ sức mạnh của mình, đã quyết định không chịu đựng lâu hơn nữa những trở ngại mà chế độ chuyên chế phong kiến và quan liêu đã gây ra cho hoạt động kinh doanh thương mại của nó, cho hoạt động sản xuất công nghiệp của nó, cho hành động chung của nó với tính cách là một giai cấp; một bộ phận của tầng lớp địa chủ quý tộc đã biến thành những người sản xuất hàng hóa đến mức họ cũng có những lợi ích giống như giai cấp tư sản và đã liên minh với giai cấp tư sản; những tiểu thủ công và tiểu thương bất mãn thì kêu ca về thuế má, về những trở ngại gặp phải trong công việc buôn bán, nhưng họ không có một chương trình cải cách cụ thể có khả năng bảo đảm cho họ có được địa vị trong xã hội và trong quốc gia; nông dân thì bị áp bức ở chỗ này, bởi những đảm phụ phong kiến, ở chỗ kia, bởi những bọn chủ nợ, bọn cho vay nặng lãi và bọn luật sư, công nhân thành thị bị lôi cuốn vào tình trạng bất mãn chung, cũng căm thù chính phủ như căm thù bọn đại tư bản công nghiệp và ngày càng tiếm nhiệm tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa; tóm lại, có cả một khối lớn đông đảo gồm những phần tử chống đối không thuần nhất, xuất phát từ những lợi ích khác nhau, nhưng đều ít nhiều chịu sự lãnh đạo của giai cấp

tư sản mà đứng đầu lại chính là giai cấp tư sản Phổ, đặc biệt là giai cấp tư sản tỉnh Ranh. Mặt khác, những chính phủ các bang, bất đồng ý kiến với nhau trên nhiều điểm, đều nghi kỵ lẫn nhau, nhất là nghi kỵ Phổ, mặc dầu họ vẫn không thể không dựa vào sự che chở của Phổ. ở Phổ, chính phủ đã bị dư luận công chúng từ bỏ, bị cả một bộ phận quý tộc từ bỏ, thì dựa vào một quân đội và một bộ máy quan liêu ngày càng nhiễm phải những tư tưởng của giai cấp tư sản đối lập và ngày càng chịu ảnh hưởng của giai cấp đó; hơn nữa đó là một chính phủ không có một xu dính túi theo nghĩa đen của từ này, và không có cách gì kiếm ra một đồng kẽm để trang trải sự thiếu hụt công quỹ càng ngày càng tăng thêm, nếu không đầu hàng vô điều kiện phái tư sản đối lập. Liệu có bao giờ giai cấp tư sản của một nước nào khác lại có được một vị trí tốt đẹp hơn thế trong cuộc chiến đấu giành chính quyền, chống một chính phủ đương quyền, hay không?

Luân Đôn, tháng Chín 1851

Chú thích

[1] - Chi rời rạc

[2] - Gọi là

IV.Nước áo

Ngày 07 tháng 11 năm 1851

Bây giờ, chúng ta cần xét đến nước áo, một nước mà cho đến tháng Ba 1848, các nước ngoài hầu như vẫn không hiểu biết chút gì, giống như Trung Quốc trước cuộc chiến tranh vừa đây với nước Anh[20*].

Tất nhiên là ở đây, chúng tôi chỉ có thể xét đến bộ phận người Đức ở áo. Còn người Ba Lan, Hung-ga-ri, I-ta-li-a ở áo thì không nằm trong chủ đề của chúng tôi; sau này, chúng tôi buộc phải nói tới họ trong chừng mực từ năm 1848 họ có ảnh hưởng tới vận mệnh của những người Đức gốc áo.

Chính phủ của hoàng thân Mét-téc-ních dựa vào hai nguyên tắc: thứ nhất, nó gắng sức làm cho từng dân tộc đặt dưới bá quyền của áo bị kiểm chế bởi toàn bộ các dân tộc khác cùng chung một số phận như vậy; thứ hai - và điều này bao giờ cũng là nguyên tắc căn bản của các nền quân chủ chuyên chế, - nó dựa vào hai giai cấp: bọn địa chủ phong kiến và bọn tài phiệt; đồng thời nó lại giữ cho ảnh hưởng và thế lực của cả hai giai cấp thăng bằng nhau để cho chính phủ có thể hành động hoàn toàn tự do. Giai cấp địa chủ quý tộc mà toàn bộ thu nhập bao gồm mọi loại khoản thu nhập phong kiến, bắt buộc phải ủng hộ chính phủ là kẻ duy nhất bảo vệ nó chống lại giai cấp nông nô, giai cấp phải chịu gánh nặng của cái ách bóc lột nuôi sống nó, và mỗi khi cái bộ phận kém giàu có hơn của bọn quý tộc ấy chống lại chính phủ, như ở Ga-li-xi hồi năm 1846, thì lập tức Mét-téc-ních xua ngay chính những nông nô ấy chống lại họ, mà các nông nô này thì cố gắng lợi dụng mọi cơ hội để trả thù khốc liệt những kẻ áp bức họ một cách trực tiếp nhất[21*]. Mặt khác, những nhà tư bản lớn đầu cơ trên thị trường chứng khoán cũng bị cột chặt vào chính phủ Mét-téc-ních bởi những khoản tiền kén xù mà chính phủ nợ chúng. Sau khi đã khôi phục được tất cả quyền lực của nó vào năm 1815, sau khi đã khôi phục và duy trì nền quân chủ chuyên chế ở I-ta-li-a từ năm 1820, sau

khi đã trút bỏ được một phần những món nợ của mình nhờ cuộc vỡ nợ năm 1810, sau khi ký kết hòa bình, nước áo đã khôi phục được ngay sự tín nhiệm của nó trên các thị trường tiền tệ lớn ở châu âu và sự tín nhiệm này càng tăng lên thì nó lại vay được những khoản nợ mới. Bởi vậy tất cả những tên trùm tài phiệt ở châu âu đã đem phần lớn tư bản của chúng đầu tư vào công trái áo; tất cả bọn họ đều quan tâm đến việc giữ vững tín dụng của áo; nhưng việc duy trì tín dụng quốc gia của áo lại thường xuyên đòi hỏi những khoản vay mới nên họ bắt buộc phải thỉnh thoảng ứng ra những tư bản mới để giữ vững thị giá của những công trái mà họ đã mua. Nền hòa bình lâu dài từ sau năm 1815 và cái thế có vẻ không thể lật đổ được của một nền quân chủ ngàn năm như áo, lại làm cho sự tín nhiệm của chính phủ Mét-téc-ních tăng lên theo những quy mô kỳ lạ và làm cho nó trở nên độc lập đối với tất cả những chủ ngân hàng và bọn đầu cơ chứng khoán ở Viên, bởi vì chừng nào mà Mét-téc-ních còn có thể kiếm ra đủ tiền ở Phran-phước và Am-xtéc-đam thì tất nhiên hẳn còn hài lòng thấy bọn tư bản áo quỳ mọp dưới chân hẳn. Hơn nữa, bọn này bị phụ thuộc vào hẳn về mọi phương diện. Những món lợi nhuận lớn mà bọn chủ ngân hàng, bọn đầu cơ chứng khoán và bọn bao thầu cho nhà nước luôn luôn biết cách bòn rút của một nền quân chủ chuyên chế, được bù lại bằng quyền uy hầu như vô hạn của chính phủ đối với bản thân chúng và tài sản của chúng. Vì thế chính phủ không còn phải sợ một bóng dáng nào của sự chống đối từ phía họ cả. Như vậy là Mét-téc-ních đã chắc chắn được sự ủng hộ của hai giai cấp có thế lực nhất và có ảnh hưởng nhất trong đế chế, ngoài ra hẳn còn có một quân đội và một bộ máy quan liêu được tổ chức hết sức chu đáo để phục vụ cho chế độ chuyên chế.

Bọn viên chức và sĩ quan phục vụ cho nước áo là một loại riêng biệt; ông cha họ đã phục vụ hoàng đế và con cháu họ cũng sẽ phục vụ như thế. Họ không thuộc một dân tộc nào trong nhiều dân tộc tập hợp dưới cánh của con chim ưng hai đầu; họ thường xuyên được chuyển chuyển từ đầu này đến đầu kia của đế chế, từ Ba Lan đến I-ta-li-a, từ các tỉnh của Đức đến Tơ-ran-xin-va-ni; người Hung-ga-ri, người Ba Lan, người Đức, người Ru-ma-ni, người I-ta-li-a, người Crô-a-xi, bất cứ người nào không mang cái dấu ấn của "đế quyền và vương quyền" mà lại mang một đặc điểm dân tộc riêng biệt, đều bị bọn họ khinh bỉ. Bọn họ không có một đặc tính dân tộc nào, hay đúng hơn là chỉ có bọn họ mới là dân tộc áo thực sự. Rõ ràng là một hệ thống đẳng cấp dân sự và quân sự như vậy mà nằm trong tay một vị quốc trưởng thông minh và kiên quyết thì phải là một công cụ vừa mềm dẻo vừa mạnh mẽ đến chừng nào.

Còn về các giai cấp khác trong nhân dân thì Mét-téc-ních với tư cách là một chính khách chân chính của ancien régime^[1], ít chú ý đến sự ủng hộ của họ. Đối với họ, hẳn chỉ có một chính sách: càng bòn rút họ được nhiều tiền dưới dạng thuế càng hay, đồng thời giữ yên họ. Giai cấp tư sản công thương nghiệp ở áo phát triển rất chậm. Thương mại trên sông Đa-nuýp không đáng kể; cả nước chỉ có một hải cảng duy nhất là Tơ-ri-e-xtơ, chu chuyển thương mại ở đó cũng rất hạn chế. Các nhà công nghiệp được hưởng chế độ bảo hộ rộng rãi và trong nhiều trường hợp, thậm chí đi tới loại trừ tất cả mọi sự cạnh tranh của nước ngoài. Nhưng cái ưu thế mà người ta dành cho họ ấy thì chủ yếu là nhằm tăng thêm khả năng thanh toán của họ với tư cách là những người đóng thuế, và trong một mức độ lớn ưu thế đó đã trở thành con số không do những hạn chế đối với công nghiệp trong nước, do những đặc quyền của các công xưởng và những phường hội phong kiến khác mà người ta

đã duy trì cẩn thận chừng nào những đặc quyền ấy không cản trở những mục đích và ý định của chính phủ.

Những người tiểu thủ công đều bị buộc chặt trong giới hạn chật hẹp của các công xưởng trung cổ; những công xưởng ấy duy trì các nghề nghiệp ở tình trạng chống đối nhau thường xuyên để giành giật đặc quyền, đồng thời tạo ra cho các thành viên của những tổ chức cưỡng bách ấy một thể ổn định cha truyền con nối bằng cách làm cho những đại biểu của giai cấp công nhân hầu như không có khả năng vươn lên trên những bậc thang xã hội cao hơn. Sau cùng, nông dân và công nhân chỉ được coi là đối tượng đơn thuần để đánh thuế; và người ta chỉ lo làm sao cố giữ cho họ ở mãi trong những điều kiện sinh hoạt họ đang sống và trước kia ông cha họ đã từng sống. Để đạt mục đích ấy, mọi quyền uy cũ, được thiết lập vững chắc, cha truyền con nối, đều được bảo tồn giống như quyền uy của nhà nước. Ở khắp nơi, chính phủ đều duy trì nghiêm ngặt quyền uy của địa chủ đối với tá điền, quyền uy của chủ nhà máy đối với công nhân xí nghiệp, quyền uy của người thợ cả đối với thợ bạn và thợ học nghề, quyền uy của cha đối với con, và mọi hình thức không chịu phục tùng đều bị trừng phạt như tội phạm pháp, bằng cái công cụ vạn năng của luật pháp áo là chiếc gậy.

Sau cùng, để tập hợp thành một hệ thống chung tất cả những mưu toan nhằm tạo ra một sự ổn định giả tạo, cái món ăn tinh thần mà dân tộc được phép hưởng, đã được chọn lọc vô cùng cẩn thận và được phân phát hết sức dè xẻn. Việc giáo dục, ở khắp mọi nơi, đều nằm trong tay giới tăng lữ Thiên chúa giáo mà những thủ lĩnh của họ, cũng như bọn địa chủ phong kiến, đều hết sức quan tâm đến việc duy trì hệ thống hiện hành. Các trường đại học được tổ chức sao cho chỉ có thể đào tạo ra những chuyên gia có khả năng, trong trường hợp tốt nhất, giành được những thắng lợi lớn hơn hoặc nhỏ hơn trong các ngành tri thức đủ mọi loại, nhưng dù sao những trường học đó cũng không cung cấp được một nền học vấn tổng hợp, tự do mà các trường đại học khác có nhiệm vụ phải mang lại. Tuyệt đối không ở đâu được có báo chí định kỳ, trừ Hung-ga-ri, nhưng báo chí Hung-ga-ri thì bị cấm ở khắp các miền còn lại của nhà nước quân chủ. Từ một thế kỷ nay, lĩnh vực văn học nói chung không được mở rộng ra chút nào, thậm chí nó còn bị thu hẹp lại, sau khi I-ô-dép II chết. Và suốt dọc biên giới, bất cứ chỗ nào mà các bang áo tiếp giáp với một nước văn minh, thì cùng với một hàng rào nhân viên thuế quan, người ta lại bố trí một hàng rào nhân viên kiểm duyệt văn học, để ngăn cản không cho một quyển sách, một tờ báo nước ngoài nào có thể đột nhập vào áo trước khi nội dung của chúng được xem xét tỉ mỉ hai ba lần và được công nhận là không bị nhiễm một chút tinh thần xấu nào của thời đại.

Trong gần 30 năm, kể từ năm 1815, chế độ ấy đã hoạt động thành công một cách kỳ lạ. Nước áo hầu như không được châu âu biết tới, cũng như nước áo chẳng biết gì về châu âu. Tình trạng xã hội của mỗi giai cấp trong dân cư và của dân cư nói chung hình như chẳng thay đổi gì. Dù cho giữa các giai cấp có thể có quan hệ thù địch như thế nào, - chính sự tồn tại của quan hệ thù địch ấy lại là một điều kiện chủ yếu cho Mét-téc-ních thống trị được, thậm chí hấn còn khuyến khích thái độ thù địch ấy bằng cách biến các giai cấp bên trên thành công cụ của mọi hành động hà lạm của chính phủ và hướng mọi nỗi oán ghét của

nhân dân vào những giai cấp ấy, - dù cho nhân dân có cảm hờn bọn công chức cấp thấp của nhà nước đến như thế nào thì nói chung hầu như hoặc hoàn toàn không có sự bất bình đối với chính phủ trung ương. Hoàng đế được sùng bái, và những sự kiện thực tế hình như đã xác nhận lời của lão Phran-txo I, khi tỏ ý nghi ngờ sự vững chắc của chế độ ấy, còn khoan khoái nói thêm rằng: "Dù sao chế độ đó vẫn tồn tại chừng nào Mét-téc-ních và tôi còn sống".

Nhưng ở trong nước lại có một phong trào chậm chạp vẫn ngấm ngầm phát triển, làm thất bại mọi cố gắng của Mét-téc-ních. Cửa cải và ảnh hưởng của giai cấp tư sản công thương nghiệp tăng lên. Việc áp dụng máy móc và hơi nước trong công nghiệp làm đảo lộn hoàn toàn ở Áo, cũng như ở khắp các nơi khác, những mối quan hệ và những điều kiện sinh hoạt trước đây của toàn bộ các giai cấp trong xã hội. Nó biến nông nô thành người tự do, biến tiểu nông thành công nhân công nghiệp; nó phá hoại những phường hội phong kiến cũ và xóa bỏ những phương tiện sinh sống của một số đông các phường hội ấy. Ở khắp nơi, dân cư công thương nghiệp mới đều xung đột với các thiết chế phong kiến cũ. Giai cấp tư sản, do công việc kinh doanh thường phải đi ra nước ngoài ngày càng nhiều, đã đem về một vài tin tức có tính chất thần thoại về các nước văn minh ở bên kia hàng rào thuế quan của đế chế; sau cùng, việc xây dựng đường sắt lại đồng thời đẩy nhanh sự phát triển công nghiệp cũng như tư tưởng của đất nước. Thêm vào đó, trong cái lâu đài nhà nước Áo, còn có một bộ phận cấu thành nguy hiểm, mà cụ thể là bản hiến pháp phong kiến của Hung-ga-ri với những cuộc tranh cãi ở nghị viện và những cuộc đấu tranh của các khối quý tộc phá sản chống lại chính phủ và những đồng minh của chính phủ, tức bọn đại tư bản. Prê-xbuốc^[2], trụ sở của Quốc hội, nằm sát cửa ô thành Viên. Tất cả những nhân tố ấy góp phần tạo ra trong giai cấp tư sản thành thị một tinh thần nếu không phải là chống đối theo nghĩa đen của từ ấy, - vì chống đối còn là điều chưa thể làm được, - thì ít ra cũng là một tinh thần bất mãn, một nguyện vọng chung đòi cải cách, một thứ cải cách có tính chất hành chính nhiều hơn là lập hiến. Và cũng như ở Phổ, ở đây một bộ phận quan lại liên minh với giai cấp tư sản. Trong đẳng cấp quan lại thế tập ấy, người ta chưa quên những truyền thống của I-ô-dép II. Bản thân những quan lại có học thức hơn của nhà nước bấy giờ từng mơ tưởng đến đủ mọi thứ cải cách tưởng tượng, còn thích cái nền chuyên chế tiến bộ và sáng suốt của I-ô-dép II hơn lối chuyên chế "gia trưởng" của Mét-téc-ních. Một bộ phận giai cấp quý tộc nghèo hơn cũng đứng về phía giai cấp tư sản, còn các giai cấp hạ đẳng trong dân cư là những giai cấp luôn luôn có đủ lý do để bất mãn với những giai cấp ở bên trên họ, nếu không phải là với chính phủ thì trong nhiều trường hợp, không thể không ủng hộ những nguyện vọng cải cách của giai cấp tư sản.

Chính vào khoảng thời gian ấy, vào năm 1843 hay 1844, đã xuất hiện ở Đức một ngành văn học đặc biệt tương ứng với sự thay đổi ấy. Một số ít tác giả, nhà viết tiểu thuyết, nhà phê bình văn học, thi sĩ tồi của Áo, tất cả đều là những tài năng tầm thường, nhưng lại tháo vát khác thường, đặc tính riêng của chủng tộc Do Thái, đã đến sinh sống ở Lai-pxích và nhiều thành thị Đức khác ở ngoài nước Áo; và tại đó, ngoài vòng kiểm soát của Mét-téc-ních, họ đã xuất bản hàng loạt cuốn sách và sách mỏng nói về những sự việc ở Áo. Họ và các nhà xuất bản của họ đã "vơ tiền như rác". Toàn thể nước Đức đều thêm biết những bí mật chính

trị của cái nước Trung Quốc âu châu ấy; bản thân những người áo lại còn tò mò hơn nữa, họ nhận được những cuốn sách ấy bằng con đường buôn lậu rất thịnh hành ở biên giới Bô-hêm[3]. Những điều bí mật do các cuốn sách ấy đưa ra cố nhiên là không quan trọng gì lắm, và những dự án cải cách do các tác giả có thiện ý ấy khó nhọc thảo ra, đều đặc biệt vô hại, gần như là trình bạch về chính trị. Hiến pháp và tự do báo chí đều được coi là không thể đạt được ở áo. Những cải cách về hành chính, mở rộng quyền hạn cho các nghị viện đẳng cấp hàng tỉnh, cho phép du nhập các sách báo ngoại quốc và giảm nhẹ chế độ kiểm duyệt, - đó là tất cả những nguyện vọng trung thực và khiêm tốn của những người áo lương thiện ấy.

Tuy nhiên, việc ngày càng không thể ngăn nổi sự giao lưu văn học giữa áo với các bộ phận còn lại của Đức và qua nước Đức, với toàn thế giới, đã giúp nhiều vào việc hình thành một dư luận chống đối chính phủ và nhờ đó ít ra cũng đem đến cho một bộ phận nhân dân áo một ít tin tức chính trị. Chính vì thế mà vào cuối năm 1847, dù ở mức độ còn tương đối yếu, cả áo cũng bị lôi cuốn vào một cuộc vận động chính trị và tôn giáo - chính trị đang lan tràn khắp nước Đức lúc bấy giờ, và tuy những kết quả của cuộc vận động ấy ở áo có ít ỏi hơn, nhưng không phải là không có những phần tử cách mạng để tác động. Ở áo có nông dân, nông nô hay tá điền phong kiến, bị đè nén bởi những thứ thuế của lãnh chúa hay của chính phủ; có người công nhân công xưởng bị dùi cui của cảnh sát bắt phải làm việc dưới bất kỳ điều kiện nào mà các chủ xưởng tùy ý định ra, có người thợ bạc mà những quy chế phường hội đã tước mất mọi hy vọng tạo cho mình một địa vị độc lập trong nghề nghiệp của mình; có anh nhà buôn khi kinh doanh luôn luôn vấp phải những quy chế phi lý; có những chủ xưởng luôn luôn xung đột với các phường hội bo bo gìn giữ đặc quyền của chúng hoặc xung đột với những quan lại tham nhũng xoi mói khắp nơi; cuối cùng có những giáo viên, bác học, công chức cao cấp có học thức cao hơn, đang hoài công vô ích chống lại giới tăng lữ ngu dốt và kiêu căng hay những cấp trên ngu xuẩn và độc đoán.

Tóm lại, không có một giai cấp nào là thỏa mãn, bởi vì rằng những nhân nhượng nhỏ mà đôi lúc chính phủ bắt buộc phải thực hiện đối với họ không phải là dựa vào chi phí của bản thân chính phủ - quốc khố không thể chịu nổi việc đó - mà lại đổ vào đầu bọn đại quý tộc và tăng lữ. Cuối cùng, đối với những chủ ngân hàng lớn và những người có phiếu công trái thì những sự biến mới đây ở I-ta-li-a, tình hình chống đối ngày một tăng của Quốc hội Hung-ga-ri, thái độ bất mãn không bình thường, những yêu sách đòi cải cách vang lên khắp đế chế, tất cả những điều ấy không thể củng cố được lòng tin của họ vào sự bền vững và khả năng trả nợ của đế chế áo.

Như vậy là nước áo cũng dần dà, nhưng chắc chắn, tiến tới một chuyển biến sâu sắc, khi mà ở Pháp đột nhiên nổ ra một sự biến, nó làm nổi dậy tức khắc một cơn giông tố đáng sợ và bác bỏ lời của lão Phran-txo nói rằng lâu đài ấy vẫn sẽ tồn tại chừng nào Mét-téc-ních và hãn còn sống.

Luân Đôn, tháng Chín 1851

Chú thích

- [1] - Chế độ cũ
- [2] - Tên gọi bằng tiếng Xi-lô-va-ki là Bra-ti-xla-va
- [3] - Séc

V. Cuộc khởi nghĩa ở Viên **Ngày 12 tháng 11 năm 1851**

Ngày 24 tháng Hai 1848, Lu-i - Phi-líp bị đuổi ra khỏi Pa-ri và nước Cộng hòa Pháp được thành lập. Tiếp đó, ngày 13 tháng Ba, nhân dân Viên lật đổ chính phủ của hoàng thân Mét-téc-ních và buộc hắn phải trốn khỏi đất nước một cách nhục nhã. Ngày 18 tháng Ba, nhân dân Béc-lin cầm vũ khí nổi dậy và sau 18 giờ chiến đấu kiên cường, họ sung sướng được thấy nhà vua phải hàng phục mình. Cùng lúc đó, ở các thủ đô các tiểu bang của Đức, đều nổ ra những cuộc khởi nghĩa ít nhiều mãnh liệt và tất cả đều thành công như vậy. Nếu nhân dân Đức chưa đưa được cuộc cách mạng đầu tiên của mình đến cuối cùng thì dù sao họ cũng đã công khai lao vào con đường cách mạng.

Ở đây, chúng tôi không thể nói tỉ mỉ về việc các cuộc khởi nghĩa khác nhau ấy đã phát sinh như thế nào; chúng tôi chỉ có ý định giải thích tính chất của các cuộc khởi nghĩa ấy và thái độ của các giai cấp khác nhau trong dân chúng đối với các cuộc khởi nghĩa ấy.

Có thể nói rằng cuộc cách mạng ở Viên là do nhân dân hầu như nhất trí thực hiện. Giai cấp tư sản, trừ bọn chủ ngân hàng và bọn đầu cơ chứng khoán, tầng lớp tiểu thủ công và tiểu thương, công nhân, tất cả đều nổi dậy, muôn người như một, chống lại một chính phủ đã bị mọi người khinh ghét, một chính phủ bị khắp nơi căm thù đến nỗi ngay từ trận tiến công đầu, bọn thiểu số quý tộc và bọn trù mạt phiệt vẫn ủng hộ nó đã phải lẩn mất. Giai cấp tư sản đã bị Mét-téc-ních giam hãm trong một tình trạng ngu dốt về chính trị đến nỗi nó hoàn toàn không hiểu gì về những tin tức từ Pa-ri báo cho biết về sự thống trị của tình trạng vô chính phủ, của chủ nghĩa xã hội và của sự khủng bố, về cuộc chiến đấu sắp tới giữa giai cấp các nhà tư sản và giai cấp những người lao động. Với sự ngây thơ về chính trị của mình, giai cấp tư sản hoặc thấy những tin tức ấy là không có ý nghĩa gì, hoặc coi đó là những điều bịa đặt quỷ quái của Mét-téc-ních nhằm buộc mình phải vì sợ hãi mà vâng lời. Vả lại, chưa bao giờ nó thấy công nhân hành động với tư cách là giai cấp, hay nổi dậy bảo vệ lợi ích giai cấp riêng biệt của mình. Với kinh nghiệm từ trước đến nay của nó, nó không thể tưởng tượng được rằng lại có thể xảy ra sự tranh chấp giữa những giai cấp mới đây vẫn còn liên hiệp rất thân thiết với nhau để lật đổ một chính phủ bị tất cả mọi người căm ghét. Nó thấy dân chúng lao động đồng ý với nó về mọi điểm: hiến pháp, tòa án bồi thẩm, tự do báo chí, v.v. Bởi vậy, ít ra là trong tháng Ba 1848, nó vẫn toàn tâm toàn ý đi với phong trào; mặt khác, phong trào (ít nhất là về phương diện lý luận) cũng đưa ngay tức khắc giai cấp tư sản lên thành giai cấp thống trị của nhà nước.

Nhưng số phận mà tất cả các cuộc cách mạng đều gặp phải, là sự liên minh giữa các giai cấp khác nhau, - một sự liên minh mà trong một chừng mực nào đó, luôn luôn là điều kiện cần thiết của mọi cuộc cách mạng, - lại không tồn tại lâu dài được. Kẻ thù chung vừa bị đánh bại thì những kẻ chiến thắng đã chia thành những phe đối lập và chĩa vũ khí vào nhau. Trong cơ cấu xã hội già cỗi và phức tạp, chính sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ ấy của mâu thuẫn đối kháng giai cấp đã làm cho cách mạng trở thành một nhân tố mạnh mẽ

thúc đẩy tiến bộ xã hội và tiến bộ chính trị; chính sự nảy sinh không ngừng và sự trưởng thành nhanh chóng ấy của các đảng mới thay nhau lên nắm chính quyền đã làm cho một dân tộc, trong những cuộc biến động dữ dội đó, chỉ trong 5 năm mà vượt qua được một chặng đường dài phải mất hàng trăm năm mới vượt được trong những điều kiện bình thường.

Cuộc cách mạng ở Viên đã khiến cho về mặt lý luận, giai cấp tư sản trở thành giai cấp thống trị. Điều đó có nghĩa là những nhượng bộ giành được từ tay chính phủ nếu được thực hiện và duy trì trong một thời gian nào đó thì nhất định sẽ đảm bảo quyền thống trị cho giai cấp tư sản. Nhưng trong thực tế, quyền thống trị của giai cấp ấy còn xa mới được thiết lập vững chắc. Thực ra thì nhờ việc thành lập đội cận vệ quốc gia khiến cho giai cấp tư sản và những người tiểu chủ có được vũ khí, nên giai cấp tư sản đã có thêm lực lượng và ảnh hưởng; nhờ việc thành lập một "ủy ban an ninh", tức là một thứ chính phủ cách mạng không có trách nhiệm trước ai, trong đó giai cấp tư sản chiếm ưu thế, nên giai cấp ấy đã được đứng đầu chính quyền. Nhưng đồng thời một bộ phận giai cấp công nhân cũng được vũ trang; họ và sinh viên đã phải chịu tất cả cái gánh nặng của cuộc chiến đấu, ở nơi nào có chiến đấu; và sinh viên, khoảng chừng 4000 người, được vũ trang tốt và có kỷ luật hơn đội cận vệ quốc gia nhiều, là hạt nhân, là lực lượng thực sự của quân đội cách mạng, và họ tuyệt nhiên không muốn làm một công cụ đơn giản của ủy ban an ninh. Mặc dầu họ thừa nhận ủy ban này và còn là những người bảo vệ nó một cách nhiệt tình nhất, nhưng không vì thế mà họ không phải là một tổ chức độc lập và khá ương ngạnh; họ họp hội nghị riêng ở Giảng đường chính, giữ một lập trường trung gian giữa giai cấp tư sản và công nhân, ngăn cản, bằng hoạt động liên tục của mình, không cho tình hình lại rơi trở lại vào nề nếp cổ hủ thường ngày, và nhiều lần họ còn buộc ủy ban an ninh phải tuân theo nghị quyết của họ. Ngoài ra còn phải dùng công nhân, hầu hết đã thất nghiệp, vào những công trình công cộng do nhà nước đài thọ, và khoản tiền dùng vào việc đó tất nhiên phải lấy từ túi những người đóng thuế hoặc trong ngân quỹ của thành phố Viên.

Tất cả những điều đó nhất định là rất khó chịu đối với thương nhân và tiểu thủ công ở Viên. Dĩ nhiên là những xí nghiệp công nghiệp của thành phố, được xây dựng nhằm phục vụ nhu cầu của những triều đình giàu có và quý tộc của một nước lớn, đều do cách mạng, do tầng lớp quý tộc và triều đình đã bỏ chạy cả mà bị tê liệt; thương mại đình đốn; sự bất bình và sự phẫn nộ liên tục của sinh viên và công nhân tất nhiên là không thể giúp vào việc "khôi phục lại tín nhiệm", như người ta thường nói lúc bấy giờ. Vì thế chẳng bao lâu, đã phát triển một mối quan hệ lạnh nhạt nào đó giữa một bên là giai cấp tư sản với một bên là sinh viên và công nhân phẫn nộ; và nếu trong một thời gian dài, sự lạnh nhạt ấy không biến thành sự thù địch công khai thì chính là vì nội các, đặc biệt là triều đình, trong khi nóng lòng khôi phục lại trật tự cũ, đã không ngừng biện hộ cho những mối nghi ngại và hành động náo nhiệt của các đảng cách mạng hơn và đã không ngừng trưng ra thậm chí cả trước giai cấp tư sản cái bóng ma khủng khiếp của nền chuyên chế cũ kiểu Mét-téc-ních. Vì chính phủ đã toan hạn chế hoặc thủ tiêu một vài quyền tự do vừa giành được nên ngày 15 và 26 tháng Năm, ở Viên, lại bùng nổ những cuộc nổi dậy mới của tất cả các giai cấp. Trong cả hai dịp ấy, khối liên minh giữa đội cận vệ quốc gia, tức là giai cấp tư sản được vũ trang, với những sinh viên và công nhân lại được củng cố một thời gian.

Còn các giai cấp khác trong dân cư thì giai cấp quý tộc và bọn quả đầu tài chính đã biến mất, và nông dân thì ở khắp nơi, họ đang tích cực phá hủy cả những tàn dư cuối cùng của chế độ phong kiến. Do cuộc chiến tranh ở I-ta-li-a[22*] và do những nỗi lo lắng của triều đình về tình hình ở Viên và ở Hung-ga-ri, người ta đã để cho nông dân hoàn toàn tự do hành động; và ở áo, nông dân đã đạt được thắng lợi trong sự nghiệp giải phóng của họ hơn là ở bất cứ nơi nào khác ở Đức.

Quốc hội áo, ngay sau đó một chút, chỉ còn có việc là phê chuẩn những biện pháp mà nông dân đã thực hiện trong thực tế; và dù chính phủ của hoàng thân Svác-xen-béc có khôi phục được cái gì đi nữa thì cũng không bao giờ có thể khôi phục được ách nô dịch phong kiến mà nông dân đã phải chịu. Và nếu lúc này, nước áo, một lần nữa, còn tương đối yên ổn và thậm chí còn mạnh mẽ nữa thì chủ yếu là vì đại đa số nhân dân, tức nông dân, đã thực tế có lợi trong cách mạng, và mặc dầu chính phủ phục tích có xóa bỏ những gì đi chằng nữa, nhưng cho đến bây giờ, những lợi ích vật chất cụ thể nói trên mà nông dân giành được, vẫn còn nguyên vẹn.

Luân Đôn, tháng Mười 1851

VI. Cuộc khởi nghĩa ở Béc-Lin Ngày 28 tháng 11 năm 1851

Béc-lin là trung tâm thứ hai của phong trào cách mạng. Theo những điều đã nói trong các bài báo trước, chúng ta có thể dễ hiểu tại sao ở Béc-lin, những hoạt động cách mạng còn xa mới có được sự ủng hộ nhất trí của hầu hết các giai cấp, như đã diễn ra ở Viên. Ở Phổ, giai cấp tư sản đã bị lôi cuốn vào những cuộc đấu tranh thực sự với chính phủ. Kết quả khóa họp của "Nghị viện liên hợp" là sự tuyệt giao; một cuộc cách mạng tư sản đang đến gần, và ít nhất là vào lúc bắt đầu nổ ra, lẽ ra trong cuộc cách mạng ấy cũng có thể có được tính nhất trí như cuộc cách mạng ở Viên, nếu cuộc cách mạng tháng Hai ở Pa-ri không nổ ra. Cuộc cách mạng này đẩy nhanh mọi việc mặc dầu nó được tiến hành dưới một lá cờ hoàn toàn khác với lá cờ mà giai cấp tư sản Phổ đang dùng để sửa soạn đương đầu với chính phủ của mình. Cuộc cách mạng tháng Hai ở Pháp đã lật đổ chính cái loại chính phủ mà giai cấp tư sản Phổ đang định thiết lập ở nước mình. Cuộc cách mạng tháng Hai tỏ ra là một cuộc cách mạng của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản; nó tuyên bố lật đổ chính phủ tư sản và giải phóng công nhân. Nhưng trong thời gian gần đây giai cấp tư sản Phổ cũng đã gặp quá nhiều sự phiền động của giai cấp công nhân ở chính nước họ. Sau khi nổi khùng khiếp đầu tiên do những cuộc nổi dậy ở Xi-lê-di gây ra đã tiêu tan thì giai cấp tư sản Phổ thậm chí còn mưu toan lái phong trào công nhân theo hướng có lợi cho nó. Nhưng tuy vậy nó vẫn cảnh giác ghê sợ chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản cách mạng; bởi thế, khi nó thấy đứng đầu chính phủ ở Pa-ri là những con người mà nó coi là những kẻ thù nguy hiểm nhất của chế độ sở hữu, của trật tự, của tôn giáo, của gia đình và của mọi điều thiêng liêng khác của giới tư sản hiện đại, thì lập tức nó cảm thấy nhiệt tình cách mạng của nó nguội lạnh hẳn đi. Nó biết rằng phải nắm lấy cơ hội và nếu không có sự ủng hộ của quần chúng công nhân thì nó sẽ bị đánh bại; nhưng mặc dầu thế, nó vẫn không có gan làm như vậy. Thành thử trong những cuộc nổi dậy lẻ tẻ đầu tiên ở địa phương, nó đều đứng về phía chính phủ và tìm cách trấn an nhân dân Béc-lin khi họ tập hợp đông đảo trước cung vua

trong năm ngày liền để thảo luận về những tin tức và đòi cải tổ chính phủ. Cuối cùng, khi nghe tin Mét-téc-ních bị đổ, nhà vua phải nhượng bộ ít nhiều thì giai cấp tư sản cho là cuộc cách mạng đã chấm dứt và vội vàng cảm ơn nhà vua đã sẵn sàng thỏa mãn mọi nguyện vọng của nhân dân. Nhưng ngay sau đó là việc binh lính nổi súng vào quần chúng, việc xây dựng những chiến lũy, cuộc chiến đấu và sự thất bại của vương quyền. Thế là tất cả đều thay đổi. Chính giai cấp công nhân mà giai cấp tư sản đã cố gắng kìm lại ở hậu trường, đã được đẩy lên phía trước. Công nhân đã chiến đấu và chiến thắng, và lập tức giác ngộ về sức mạnh của mình. Chấp nhận việc hạn chế quyền đầu phiếu, quyền tự do báo chí, quyền được làm bồi thẩm, quyền hội họp - những sự hạn chế mà giai cấp tư sản sẽ rất lấy làm hài lòng vì những sự hạn chế ấy chỉ đánh vào các giai cấp ở bên dưới nó - giờ đây không còn là điều có thể có được nữa. Nguy cơ tái diễn những cảnh "vô chính phủ" của Pa-ri đã rất gần. Trước nguy cơ đó, tất cả những tranh chấp cũ đều biến mất. Để chống lại công nhân chiến thắng, mặc dầu công nhân chưa đề ra yêu sách riêng nào cho bản thân họ, những bạn và thù cũ đã liên hiệp với nhau; và sự liên minh giữa giai cấp tư sản với những người ủng hộ chế độ đã bị lật đổ được ký kết ngay trên những lũy chướng ngại ở Béc-lin. Người ta ký những nhượng bộ cần thiết nhưng chỉ trong chừng mực đó là những nhượng bộ không thể tránh được; người ta sẽ lập ra một nội các gồm những thủ lĩnh của phe đối lập trong Nghị viện liên hiệp, và để trả công cứu giá, nội các này sẽ được sự ủng hộ của tất cả những trụ cột của chính phủ cũ: của giai cấp quý tộc phong kiến, của bộ máy quan lại, của quân đội. Chính với những điều kiện đó mà các ngài Cam-pơ-hau-den và Han-dơ-man đứng ra lập nội các.

Các bộ trưởng mới hoảng sợ sự phản kích của quần chúng đến nỗi họ coi mọi phương tiện đều là tốt, miễn là những phương tiện ấy nhằm củng cố những nền móng đã hết sức lung lay của quyền uy. Những kẻ làm lẫn đáng thương ấy tưởng rằng mọi nguy cơ phức tạp chế độ cũ đã được loại trừ; và họ huy động tất cả bộ máy nhà nước cũ để khôi phục lại "trật tự". Không một viên quan lại hay sĩ quan nào bị sa thải; không có một sự thay đổi nhỏ nào được tiến hành trong hệ thống hành chính quan liêu cũ. Các vị bộ trưởng lập hiến kiểu mẫu và có trách nhiệm ấy đã phục chức cho cả những viên chức mà nhân dân, trong nhiệt tình cách mạng buổi đầu, đã đuổi đi vì những thói hống hách quan liêu cũ của họ. Ở Phổ, không có một sự thay đổi nào ngoài sự thay đổi những nhân vật giữ chức bộ trưởng; người ta không động đến cả những nhân viên chủ quản của các bộ; còn đối với tất cả bọn lập hiến cầu xin các chức vụ và đang vây quanh những kẻ thống trị mới và hy vọng được chia phần quyền hành và chức vụ thì người ta đã trả lời là phải chờ cho tình thế ổn định trở lại mới có thể có sự thay đổi nhân sự trong bộ máy quan lại, song hiện nay mà thay đổi thì nguy hiểm.

Nhà vua, hoàn toàn mất tinh thần từ sau cuộc khởi nghĩa ngày 18 tháng Ba, chẳng bao lâu đã nhận ra rằng những vị bộ trưởng "tự do chủ nghĩa" ấy cũng cần đến ông ta, chẳng khác gì ông ta cần đến họ. Ngai vàng không bị động chạm tới trong cuộc khởi nghĩa; ngai vàng là vật chướng ngại cuối cùng để đối phó với tình trạng "vô chính phủ"; vì vậy, giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa và những lãnh tụ của nó, hiện ở trong nội các, có mọi lý do để giữ những quan hệ tốt nhất với nhà vua. Nhà vua và bầy cận thần phản động cũng sớm nhận thấy điều ấy và chúng đã lợi dụng cơ hội để ngăn trở nội các thi hành ngay cả những cải cách chẳng

có nghĩa lý gì mà đôi khi nội các muốn thực hiện.

Điều quan tâm đầu tiên của nội các là mang lại cho những thay đổi vừa đạt được bằng bạo lực một bộ mặt hợp pháp nào đó. Nghị viện liên hợp được triệu tập, bất chấp mọi sự phản đối của quần chúng nhân dân, để phê chuẩn, - với danh nghĩa là cơ quan hợp pháp và lập hiến của nhân dân, - một đạo luật tuyển cử mới nhằm bầu ra một nghị viện để nghị viện này thỏa thuận với nhà vua về một hiến pháp mới. Cuộc bầu cử phải được tiến hành một cách gián tiếp, nghĩa là quần chúng cử tri bầu ra một số lượng nhất định đại biểu cử tri, sau đó số này bầu ra các đại biểu. Bất chấp mọi sự phản đối, chế độ bầu cử hai vòng này vẫn được thông qua. Sau đó, người ta yêu cầu Nghị viện liên hợp chấp nhận một công trái 25 triệu đô-la; khoản công trái đó đã được nghị viện chấp nhận bất chấp sự phản đối của đảng nhân dân.

Những hành động ấy của nội các làm cho đảng nhân dân, hay là đảng dân chủ, như đảng này giờ đây tự xưng là như vậy, phát triển nhanh chóng. Đảng này - một đảng được lãnh đạo bởi tầng lớp tiểu thủ công và tiểu thương, và hồi đầu cách mạng đã tập hợp được đại đa số công nhân dưới ngọn cờ của nó, - đòi có chế độ đầu phiếu trực tiếp và phổ thông như ở Pháp, một nghị viện lập pháp duy nhất và đòi hoàn toàn thừa nhận cuộc cách mạng ngày 18 tháng Ba là nền tảng của chính thể mới. Cánh ôn hòa nhất của đảng này lấy làm mãn nguyện với một chế độ quân chủ "dân chủ hóa" theo phương thức như vậy; bộ phận tiên tiến hơn thì đòi hỏi mục đích cuối cùng phải là thiết lập chế độ cộng hòa. Hai bộ phận ấy nhất trí với nhau ở một điểm là thừa nhận Quốc hội Đức ở Phran-phước là quyền lực tối cao của đất nước, trong khi bọn lập hiến và bọn phản động lại hết sức ghê sợ cái quyền tối cao của cơ quan ấy mà chúng xem là hết sức cách mạng.

Phong trào độc lập của giai cấp công nhân đã bị cuộc cách mạng làm cho ngừng lại một thời gian. Những nhu cầu và điều kiện trực tiếp của phong trào không cho phép đưa lên hàng đầu một yêu sách riêng biệt nào của đảng vô sản. Thực vậy, chừng nào mảnh đất hoạt động độc lập của giai cấp công nhân còn chưa được chuẩn bị, chừng nào quyền đầu phiếu trực tiếp và phổ thông chưa được thiết lập, chừng nào ba mươi sáu bang lớn nhỏ còn tiếp tục chia cắt nước Đức ra thành nhiều mảnh như cũ, thì đảng vô sản có thể làm được gì nếu không phải là noi theo phong trào của Pa-ri, một phong trào có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với nó, và cùng với giai cấp tiểu tư sản, chiến đấu để đoạt lấy những quyền khiến cho nó sau này có thể tiến hành cuộc chiến đấu riêng của nó?

Trong hoạt động chính trị của mình thì đảng vô sản lúc ấy khác với giai cấp tiểu thủ công và tiểu thương, hay đúng hơn là với đảng gọi là dân chủ, chủ yếu ở ba điểm. Thứ nhất là ở sự đánh giá của nó về phong trào Pháp: những người dân chủ kích đảng cực đoan ở Pa-ri, còn những nhà cách mạng vô sản lại bênh đảng ấy. Thứ hai là ở chỗ những nhà cách mạng vô sản tuyên bố cần phải thiết lập một nước cộng hòa Đức thống nhất và không phân chia trong khi những phần tử cực đoan nhất trong phái dân chủ chỉ dám ước mong một nước cộng hòa liên bang. Thứ ba là ở Đức tính dũng cảm cách mạng và quyết tâm cách mạng trong hành động mà những nhà cách mạng vô sản đều chứng tỏ trong mọi trường

hợp, đức tính mà những đảng do những người tiểu tư sản lãnh đạo và chủ yếu gồm những người tiểu tư sản, đều hoàn toàn không có.

Đảng vô sản, một đảng thực sự cách mạng, chỉ có thể dần dần làm cho quần chúng công nhân thoát khỏi ảnh hưởng của phái dân chủ mà buổi đầu của cách mạng, công nhân chỉ là một bộ phận phụ thuộc mà thôi. Nhưng đến một lúc nhất định, thái độ do dự, yếu đuối và hèn nhát của bọn cầm đầu đảng dân chủ sẽ hoàn thành việc ấy; và ngày nay có thể nói rằng một trong những kết quả quan trọng nhất của những biến động trong mấy năm gần đây là ở chỗ giai cấp công nhân, bất cứ ở đâu nó được tập trung thành một khối ít nhiều đông đảo, đều đã hoàn toàn thoát khỏi cái ảnh hưởng của phái dân chủ đã khiến cho nó phạm phải một loạt sai lầm và thất bại vào những năm 1848 và 1849. Nhưng tốt hơn là không nên nói trước: những sự biến của hai năm ấy sẽ cho chúng ta nhiều dịp để thấy các ngài trong phái dân chủ hành động trong thực tế như thế nào.

Cũng như nông dân áo, nông dân Phổ đã lợi dụng cuộc cách mạng để trút bỏ ngay tất cả những xiềng xích phong kiến, mặc dầu họ hành động kém kiên quyết hơn, vì nói chung họ bị chế độ phong kiến áp bức nhẹ hơn ở áo một chút. Nhưng ở đây, vì những lý do đã trình bày trên kia, giai cấp tư sản liền tức khắc quay lại chống nông dân, người bạn đồng minh lâu đời nhất và cần thiết nhất của nó; phái dân chủ, cũng như giai cấp tư sản, cũng sợ cái mà người ta gọi là xâm phạm đến quyền tư hữu, nên cũng không chịu ủng hộ nông dân; và như vậy là sau ba tháng được giải phóng, sau những trận chiến đấu đổ máu và những cuộc xử bắn của quân đội, đặc biệt là ở Xi-lê-di, chế độ phong kiến lại được phục hồi bởi chính bàn tay của giai cấp tư sản mới hôm qua còn chống phong kiến. Với việc làm đó, giai cấp tư sản đã tự lên án nó một cách gay gắt nhất.

Trong lịch sử, chưa bao giờ có một đảng nào lại có hành động phản bội như vậy đối với người đồng minh tốt nhất của mình, đối với chính bản thân mình; và trong tương lai, dù đảng tư sản đó có bị sỉ nhục, bị trừng phạt như thế nào chăng nữa thì chỉ riêng hành động đó cũng đủ khiến cho nó đáng phải chịu như vậy rồi.

Luân Đôn. tháng Mười 1851

VII. Quốc Hội Phran-Phuốc

Ngày 27 tháng 2 năm 1852

Có lẽ bạn đọc sẽ nhớ lại rằng trong sáu bài báo trước, chúng ta đã theo dõi phong trào cách mạng ở Đức cho đến hai cuộc chiến thắng lớn của nhân dân vào ngày 13 tháng Ba ở Viên và ngày 18 tháng Ba ở Béc-lin. Ở áo cũng như ở Phổ, chúng ta đã thấy thành lập những chính phủ lập hiến, tuyên bố những nguyên tắc tự do chủ nghĩa, tức là những nguyên tắc tư sản, coi đó là phương châm chỉ đạo toàn bộ chính sách sau này; sự khác nhau rõ ràng và duy nhất giữa hai trung tâm hoạt động lớn ấy là: ở Phổ, giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, do hai nhà buôn giàu có Cam-pơ-hau-den và Han-dơ-man đại biểu, đã trực tiếp đoạt lấy chính quyền, còn ở áo, vì giai cấp tư sản ít được tôi luyện về chính trị hơn nên ở đây, bọn quan liêu tự do chủ nghĩa đã nhận chức và tuyên bố nắm chính quyền theo sự ủy nhiệm của giai cấp tư sản. Ngoài ra, chúng ta cũng thấy rằng các đảng và các giai cấp xã hội, cho đến bây giờ vẫn liên hiệp với nhau để chống chính phủ cũ, lại chia rẽ nhau như thế nào sau

khi chiến thắng, hoặc thậm chí trong quá trình chiến đấu; chúng ta cũng thấy chính giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa ấy, kẻ duy nhất được hưởng chiến quả, đã tức khắc quay lại chống bạn đồng minh hôm qua của nó như thế nào, đã có thái độ thù địch như thế nào với mọi giai cấp hay đảng phái, tiến bộ hơn nó, và đã ký kết liên minh như thế nào với các thế lực phong kiến và quan liêu đã bị đánh bại. Thực ra thì ngay từ lúc bắt đầu tấn kích cách mạng, giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa chỉ có thể chống lại các đảng phong kiến và quan liêu đã bị đánh bại nhưng chưa bị thủ tiêu, bằng cách dựa vào các đảng nhân dân tiến bộ hơn, và đồng thời nó cũng cần đến sự giúp đỡ của giai cấp quý tộc phong kiến và bộ máy quan liêu để chống lại sự tiến công của những quần chúng cấp tiến hơn ấy. Như vậy, cũng khá rõ ràng là giai cấp tư sản ở Áo và ở Phổ không đủ lực lượng để giữ vững chính quyền của nó và để làm cho những thiết chế nhà nước thích ứng với nhu cầu và tư tưởng của nó. Nội các tư sản - tự do chủ nghĩa chỉ là giai đoạn quá độ từ đó, tùy theo sự phát triển của tình hình, đất nước phải hoặc tiến lên mức cao hơn thành nước cộng hòa thống nhất, hoặc lại rớt xuống chế độ tăng lữ phong kiến và quan liêu như cũ. Dù sao, trận chiến đấu thực sự và quyết định vẫn chưa tới; những sự biến thái Ba mới chỉ là bước đầu của cuộc chiến đấu mà thôi.

Vì Áo và Phổ là hai quốc gia dẫn đầu nước Đức, cho nên mọi chiến thắng cách mạng quyết định ở Viên hay ở Béc-lin cũng sẽ có tính chất quyết định đối với toàn bộ nước Đức. Và đúng như vậy, mức phát triển của những sự biến thái Ba năm 1848 ở hai thành phố ấy đã quyết định diễn biến của tình hình ở toàn nước Đức. Do đó, cũng không cần phải đi sâu vào phong trào xảy ra ở các bang nhỏ, và thực ra, chúng ta chỉ cần bàn đến những vấn đề ở Áo và ở Phổ, nếu sự tồn tại của các bang nhỏ ấy đã không làm nảy sinh ra một cơ quan mà chỉ riêng sự tồn tại của nó cũng đã là bằng chứng hùng hồn nhất về tình trạng bất bình thường của nước Đức và về tính chất dở dang của cuộc cách mạng vừa qua, - một cơ quan quái đản, lố bịch do chính ngay vị trí của nó, và lại tự cho mình là quan trọng đến mức mà chắc chắn là lịch sử sẽ không bao giờ tạo ra được một cơ quan tương tự như thế nữa. Cơ quan ấy được gọi là Quốc hội Đức ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ.

Sau những chiến thắng của nhân dân ở Viên và ở Béc-lin thì việc triệu tập một đại hội đại biểu toàn Đức là điều đương nhiên. Thế là Quốc hội đã được bầu ra và họp ở Phran-phuốc bên cạnh Quốc hội hiệp bang cũ. Nhân dân hy vọng rằng Quốc hội Đức sẽ có thể giải quyết tất cả mọi công việc còn đang tranh chấp và sẽ hành động với tư cách là cơ quan quyền lực lập pháp tối cao của toàn bộ Hiệp bang Đức. Song Quốc hội hiệp bang đã triệu tập Quốc hội lại và không hề quy định quyền hạn cho nó. Không biết những quyết nghị của nó liệu có hiệu lực như pháp luật hay không hay chúng phải được Quốc hội hiệp bang hoặc các chính phủ riêng thông qua. Trong tình trạng mơ hồ ấy, nếu Quốc hội có chút ít nghị lực thì nó đã phải tức khắc giải tán Quốc hội hiệp bang, một tổ chức không được lòng dân nhất ở Đức lúc bấy giờ và thay nó bằng một chính phủ Hiệp bang chọn trong các thành viên của nó. Nó sẽ tuyên bố rằng nó là cơ quan duy nhất hợp pháp thể hiện ý chí tối cao của nhân dân Đức và do đó sẽ làm cho mọi quyết nghị của nó có hiệu lực của pháp luật. Nhưng trước hết nó sẽ phải tự tạo cho mình một lực lượng có tổ chức và vũ trang ở trong nước đủ mạnh để đập tan mọi sự chống đối của các chính phủ bang. Tất cả những việc đó là dễ làm, rất dễ làm trong thời kỳ đầu ấy của cách mạng. Nhưng yêu cầu Quốc hội Phran-phuốc làm những

việc như vậy là trông chờ quá nhiều vào một Quốc hội mà đa số gồm những luật sư tự do chủ nghĩa và những giáo sư khổng luận, - vào một Quốc hội có tham vọng thể hiện sự tinh túy của tư tưởng và của khoa học Đức, nhưng thực ra chỉ là cái sân khấu trên đó các nhân vật chính trị già cỗi và lỗi thời, biểu diễn trước toàn thể nước Đức sự lố lăng vô ý thức của họ và sự bất lực của họ trong suy nghĩ và hành động. Cái Quốc hội của các mục già đó, ngay từ những ngày đầu của cuộc đời của nó, đã tỏ ra sợ bất cứ một phong trào quần chúng nhỏ nào hơn là sợ tất cả các âm mưu phản động của tất cả các chính phủ Đức cộng lại. Quốc hội thảo luận dưới sự giám thị của Quốc hội hiệp bang, có thể nói là nó hầu như van xin Quốc hội hiệp bang phê chuẩn những quyết nghị của nó, vì những nghị quyết đầu tiên của nó phải được cái cơ quan ghê tởm ấy công bố. Đáng lẽ phải khẳng định chủ quyền của nó thì nó lại cố ý lẩn tránh không thảo luận những vấn đề nguy hiểm như vậy. Đáng lẽ phải tập hợp quanh nó một lực lượng quần chúng vũ trang thì nó lại chuyển sang thảo luận những vấn đề trước mắt, bỏ qua mọi hành vi bạo lực của các chính phủ. Ngay trước mắt nó, thành phố Ma-in-xơ bị thiết quân luật và nhân dân thành phố bị tước vũ khí, vậy mà Quốc hội vẫn không hành động gì. Sau đó, nó cử đại công tước áo I-ô-han làm nhiếp chính của đế chế và tuyên bố mọi quyết nghị của Quốc hội đều có hiệu lực của pháp luật; nhưng đại công tước I-ô-han lại chỉ được nhận chức mới khi đã có sự đồng ý của tất cả các chính phủ, và lại do Quốc hội hiệp bang chứ không phải là do Quốc hội bổ nhiệm; còn về hiệu lực pháp luật của các sắc lệnh của Quốc hội thì đó là một điểm mà chính phủ các quốc gia lớn chưa bao giờ công nhận và chính bản thân Quốc hội cũng không bao giờ tìm cách đề cao, do đó vấn đề vẫn còn chưa được giải quyết dứt khoát. Rốt cuộc là chúng ta được chứng kiến một cảnh tượng lạ lùng là một Quốc hội, trong khi tự cho mình là kẻ đại diện duy nhất hợp pháp của một dân tộc lớn có chủ quyền thì lại hoàn toàn không có ý chí và lực lượng để làm cho yêu cầu của mình được công nhận. Những cuộc thảo luận của Quốc hội ấy không mang lại một kết quả thực tiễn nào, cũng không có cả giá trị lý luận nữa, vì ở đó, người ta chỉ nhai đi nhai lại những sáo ngữ của các môn phái triết học và luật học đã lỗi thời; ở đó, người ta chỉ nói hay đúng hơn là chỉ nói áp a áp úng những câu đã được in ra từ lâu hàng nghìn lần và trên nghìn lần.

Như vậy, cái gọi là cơ cấu chính quyền trung ương mới của Đức vẫn để tình hình y nguyên như cũ. Không thực hiện được sự thống nhất biết bao mong đợi của nước Đức, nó cũng không truất được ngôi của những vương hầu tòi tệ nhất đang thống trị nước Đức; nó chẳng làm gì để thắt chặt hơn nữa những mối liên hệ giữa các tỉnh tản mạn; nó hoàn toàn chẳng thêm làm một việc gì để phá bỏ những hàng rào thuế quan chia cắt Han-nô-vơ với Phổ và Phổ với áo; nó cũng không hề bỏ ra một công sức nào để thủ tiêu những khoản thuế đáng ghét đang ngăn trở ở khắp nơi việc đi lại trên sông ở Phổ. Nhưng càng ít làm việc bao nhiêu thì cái Quốc hội ấy lại càng huênh hoang bấy nhiêu. Nó lập ra một đội hải quân Đức trên giấy, nó sáp nhập Ba Lan và Slê-dơ-vích; nó cho phép áo thuộc Đức tiến hành chiến tranh chống I-ta-li-a, nhưng lại cấm người I-ta-li-a truy kích người áo đến tận nơi ẩn nấp chắc chắn của họ là nước Đức; nó vỗ tay chào mừng nước Cộng hòa Pháp và tiếp các sứ giả Hung-ga-ri làm cho những sứ giả ấy khi trở về chắc chắn sẽ có những ý niệm mơ hồ về nước Đức hơn nhiều so với khi mới đến.

Vào buổi đầu của cách mạng, Quốc hội ấy là mối lo của tất cả các chính phủ ở Đức. Các chính phủ ấy tính rằng nó sẽ hành động hết sức độc tài và cách mạng, chính vì cái tình trạng không có quyền hạn minh bạch mà lúc đó người ta thấy lại cần thiết phải để như vậy. Vì vậy, các chính phủ ấy đã giăng một mạng lưới âm mưu hết sức rộng rãi nhằm giảm bớt ảnh hưởng của cái cơ quan đáng sợ ấy; nhưng tình hình chứng tỏ rằng họ may hơn khôn, vì thực ra Quốc hội ấy đã giúp cho các chính phủ ấy làm việc nhiều hơn là bản thân các chính phủ ấy có thể làm được. âm mưu chủ chốt của các chính phủ là triệu tập những hội nghị lập pháp địa phương; do đó, không những các bang nhỏ đã triệu tập các hội nghị lập pháp của họ, mà ở Phổ và áo cũng triệu tập hội nghị lập hiến của mình. Trong những hội nghị lập hiến này, cũng như trong Quốc hội Phran-phước, giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa hay những đồng minh của nó là bọn luật sư tự do chủ nghĩa và bọn quan lại đều chiếm đa số, và ở trong mỗi hội nghị ấy, tình hình công việc cũng gần giống như thế. Điểm khác nhau duy nhất chỉ là ở chỗ Quốc hội Đức là một nghị viện của một đất nước tưởng tượng, vì nó khước từ nhiệm vụ thành lập một nước Đức thống nhất, tức là khước từ chính việc thực hiện điều kiện tiên quyết của sự tồn tại của nó; vì nó thảo luận những biện pháp tưởng tượng và không bao giờ có cơ hội thực hiện của một chính phủ do nó tưởng tượng ra, và nó, thông qua những nghị quyết tưởng tượng mà không ai thêm chú ý tới.

Ngược lại, ở áo và ở Phổ thì những cơ quan lập hiến ít ra cũng là những nghị viện thực sự; chúng đã lật đổ và bổ nhiệm những bộ trưởng thực sự, và ít ra cũng trong một thời gian nào đó, đã buộc được các vương hầu, là đối tượng đấu tranh của chúng, phải thi hành những nghị quyết của chúng. Chúng nổi tiếng là hèn nhát và cũng chẳng có được sự hiểu biết rộng rãi về những biện pháp cách mạng; chúng cũng phản bội nhân dân và trao trả lại chính quyền cho bọn chuyên chế phong kiến, quan liêu và quân phiệt. Nhưng ít ra, tình hình đã buộc họ phải thảo luận những vấn đề thực tiễn, có ích lợi trực tiếp và cũng đã sống trên mặt đất cùng với những người khác, còn bọn ba hoa ở Phran-phước thì lại chỉ lấy làm sung sướng hơn bao giờ hết, khi có thể lang thang trong "cõi mộng", "im Luftreich des Traums" [23*]. Vì vậy mà những cuộc thảo luận của các hội nghị lập hiến ở Béc-lin và ở Viên là một bộ phận quan trọng của lịch sử cách mạng Đức, còn những bài diễn văn cóp nhặt của những tên hề ở Phran-phước thì chỉ gây hứng thú cho những kẻ sưu tầm văn chương và đồ cổ kỳ lạ mà thôi.

Nhận thức sâu sắc về sự cần thiết phải chấm dứt tình trạng chia cắt lãnh thổ đáng ghét làm phân tán và hủy diệt lực lượng tập thể của toàn dân tộc trong suốt một thời gian, nhân dân Đức đôi lúc đã mong mỏi rằng Quốc hội Phran-phước sẽ mở ra một kỷ nguyên mới. Nhưng hành động con nít của cuộc vận động này của những nhà thông thái đã làm nguội lạnh nhanh chóng nhiệt tình của toàn dân. Hành động vô sỉ của họ trong việc ký kết đình chiến ở Man-mi-ô (tháng Chín 1848) [24*] đã làm bùng nổ cơn bão táp bất bình của nhân dân đối với cái Quốc hội mà người ta hy vọng là sẽ đảm bảo cho dân tộc một trường hoạt động tự do, nhưng ngược lại, do lòng hèn nhát vô hạn độ, nó chỉ làm cho nền tảng của chế độ phản cách mạng hiện thời lại trở lại vững chắc như trước mà thôi.

Luân Đôn, tháng Giêng 1852

VIII. Người Ba Lan, người Séc và người Đức [25*]

Ngày 05 tháng 03 năm 1852

Do những điều đã nói trong các bài trước, chúng ta đã thấy rõ rằng nếu không có một cuộc cách mạng mới, kế tiếp cuộc cách mạng tháng Ba 1848 thì tình hình ở Đức nhất định sẽ trở lại như trước khi chưa có sự biến ấy. Nhưng vấn đề lịch sử mà chúng tôi cố gắng làm sáng tỏ đôi chút, lại phức tạp đến nỗi nếu không tính đến cái có thể gọi là những quan hệ đối ngoại của cuộc cách mạng Đức thì sẽ không hiểu được rõ ràng những sự kiện tiếp sau, mà những quan hệ đối ngoại ấy thì cũng phức tạp như tình hình nội bộ vậy.

Ai nấy đều biết rằng cả nửa phần phía đông nước Đức cho đến sông En-bơ, sông Da-le và miền Rừng Bô-hê^[1] đã được giành lại trong khoảng một nghìn năm gần đây từ tay các bộ lạc Xla-vơ đã xâm chiếm vùng ấy. Từ bao nhiêu thế kỷ trước đây, đại bộ phận những lãnh thổ ấy đã được Giéc-manh hóa đến mức tính dân tộc và ngôn ngữ của người Xla-vơ đã bị tiêu diệt hoàn toàn. Và nếu chúng ta trừ ra mấy mảnh đất còn sót lại và hoàn toàn biệt lập, tất cả không đến mười vạn người (người Ca-su-bơ ở Pô-mê-ra-ni, người Ven-đi hay người Xoóc-bơ ở Lu-i-sơ), thì dân cư của vùng này, xét về mọi phương diện, đều là người Đức. Nhưng tình hình suốt dọc biên giới của Ba Lan cũ và trong các vùng thuộc ngôn ngữ Séc, ở Bô-hê và Mô-ra-vi, thì lại không như thế. ở đây, hai dân tộc đã sống xen lẫn nhau ở khắp mọi vùng; nói chung ở thành thị, dân cư đều ít nhiều là dân Đức, còn dân Xla-vơ thường chiếm số đông ở nông thôn, nhưng ở đó dân Xla-vơ cũng dần dần bị phân giải và bị sức bành trướng không ngừng của dân Đức đẩy lùi.

Nguyên nhân của tình trạng ấy là như sau: từ thời Sác-lơ-ma-nhơ Đại đế, người Đức đã hết sức cố gắng và kiên trì chinh phục và khai thác, hay ít ra là khai hóa miền Đông âu. Những cuộc chinh phục của bọn quý tộc phong kiến ở vùng giữa sông En-bơ và sông ô-đê và những thực dân địa phong kiến của tầng lớp kỹ sĩ ở Phổ và ở Li-vơ-ni chẳng qua chỉ là dọn đường cho việc Giéc-manh hóa một cách có hệ thống rộng lớn hơn và hữu hiệu hơn của giai cấp tư sản công thương nghiệp, giai cấp này, ở Đức cũng như ở phần còn lại của Tây âu, đã trở thành quan trọng về mặt xã hội và chính trị ngay từ thế kỷ XV. Người Xla-vơ, đặc biệt là người Xla-vơ miền tây - người Ba Lan và người Séc - thì chủ yếu là dân nông nghiệp; họ chưa bao giờ để ý đến công nghiệp và thương nghiệp. Nhờ thế mà cùng với sự tăng thêm dân số và sự xuất hiện của các thành phố nên việc sản xuất toàn bộ các mặt hàng công nghiệp trong các miền ấy đều rơi vào tay những người di cư Đức, và việc trao đổi hàng hóa ấy lấy nông phẩm trở thành độc quyền riêng của người Do Thái, là những người dù mang quốc tịch nào đi nữa ở các nước này thì cũng chắc chắn là thuộc dân Đức hơn là thuộc dân Xla-vơ. Tình hình ở toàn bộ Đông âu cũng như vậy, tuy là ở mức độ kém hơn. ở Pê-téc-bua, Pét, Giát-xi và ngay cả ở Công-xtăng-ti-nô-pơ, thợ thủ công tiểu thương, tiểu nghiệp chủ, cho đến nay, vẫn là người Đức, còn người cho vay lãi, chủ quán rượu, người bán hàng rong - một hạng người rất quan trọng ở các xứ thừa dân này - thì hầu như bao giờ cũng là người Do Thái mà tiếng mẹ đẻ là một thứ tiếng Đức đã biến đổi đến nỗi không nhận ra được nữa. Tầm quan trọng của người Đức trong các vùng thuộc biên giới Xla-vơ tăng lên cùng với sự phát triển của thành thị, của công thương nghiệp và lại càng tăng lên hơn nữa khi cần phải du nhập từ Đức hầu hết tất cả mọi yếu tố của nền văn hóa tinh thần. Sau người lái buôn và người thợ thủ công Đức thì giáo sĩ Đức, giáo viên Đức, bác học Đức, cũng bắt đầu đến lập nghiệp trên lãnh thổ Xla-vơ. Và sau cùng, gót sắt của các đoàn quân xâm lược,

hay sự chiếm đoạt khôn ngoan và được tính toán trước của nền ngoại giao, đều không phải chỉ được tiến hành tiếp sau, mà nhiều khi trước cả quá trình phi dân tộc hóa chậm chạp, nhưng chắc chắn, do sự phát triển xã hội dẫn tới. Sau cuộc phân chia Ba Lan lần thứ nhất thì nhiều bộ phận lớn của miền tây Phổ và của Pô-dơ-nan đã bị Giéc-manh hóa như vậy bằng việc bán và nhượng lại những đất công cho những người di cư Đức, bằng việc khuyến khích các nhà tư bản Đức thiết lập công xưởng, v.v., ở các miền ấy, và cũng thường thường là bằng những phương sách hết sức chuyên chế đối với những cư dân Ba Lan.

Bảy mươi năm qua, đường ranh giới giữa dân tộc Đức và dân tộc Ba Lan đã hoàn toàn xê dịch đi như vậy. Cuộc cách mạng 1848 đã làm cho tất cả các dân tộc bị áp bức đều lập tức đòi quyền tồn tại độc lập và quyền tự quyết định công việc của mình, nên lẽ tự nhiên là người Ba Lan cũng lập tức đòi khôi phục đất nước họ theo đường biên giới của nước Cộng hòa Ba Lan cũ từ trước năm 1772. Thực ra thì ngay cả lúc ấy nữa, đường biên giới ấy cũng đã trở nên không thích hợp để phân ranh giới giữa dân tộc Đức và Ba Lan nữa rồi, sau đó, quá trình Giéc-manh hóa càng tiến tới thì hàng năm nó càng trở nên không thích hợp hơn. Nhưng một khi người Đức đã biểu thị một nhiệt tình lớn đến thế đối với việc khôi phục nước Ba Lan thì họ cũng phải nghĩ đến việc người ta sẽ yêu cầu họ từ bỏ phần chiến lợi phẩm của họ, coi đó là một bằng chứng đầu tiên chứng tỏ rằng nhiệt tình của mình là chân thành. Nhưng mặt khác, liệu người ta có thể nhượng những vùng rộng lớn mà phần lớn dân cư là người Đức và những thành thị lớn hoàn toàn Đức cho một dân tộc cho đến nay chưa chứng tỏ là có khả năng thoát khỏi chế độ phong kiến dựa trên nền tảng chế độ nông nô, hay không? Vấn đề khá phức tạp. Chiến tranh với nước Nga là giải pháp duy nhất. Trong trường hợp ấy, vấn đề phân ranh giới giữa các dân tộc cách mạng sẽ trở thành vấn đề thứ yếu so với vấn đề chính là thiết lập một biên giới vững chắc chống kẻ thù chung. Người Ba Lan, được những đất đai rộng lớn ở miền đông sẽ có thái độ ôn hòa và hợp lý hơn trong những yêu sách của mình về miền tây; và rốt cuộc họ cũng có thể cho rằng Ri-ga và Mi-tau-vo[2] cũng quan trọng như Đan-txích và En-bin-go[3]. Vì vậy chính đảng tiến bộ ở Đức cho rằng một cuộc chiến tranh với nước Nga là cần thiết để duy trì phong trào ở lục địa, và tin chắc rằng việc khôi phục độc lập dân tộc dù chỉ là của một bộ phận Ba Lan cũng nhất định làm nổ ra cuộc chiến tranh ấy, nên nó đã ủng hộ người Ba Lan, trái lại, đảng tư sản tự do chủ nghĩa cầm quyền thì thấy trước rất rõ là một cuộc chiến tranh dân tộc chống nước Nga sẽ đưa nó đến chỗ sụp đổ, vì cuộc chiến tranh ấy sẽ đưa những người tích cực và kiên quyết hơn lên nắm chính quyền, và do đó nó giả vờ vui mừng về sự bành trướng của dân tộc Đức và tuyên bố: Ba Lan thuộc Phổ, trung tâm của hoạt động cách mạng Ba Lan, phải là bộ phận khăng khít của đế quốc Đức tương lai. Những lời hứa với người Ba Lan trong những ngày đầu của phong trào đã bị phản bội một cách vô sỉ. Những đội quân vũ trang Ba Lan, được chính phủ cho phép thành lập, đã bị pháo binh Phổ đánh tan tã và sát hại; và ngay vào tháng Tư 1848, chưa đầy sáu tuần lễ sau cuộc cách mạng Béc-lin, phong trào Ba Lan đã bị đè bẹp và hận thù dân tộc xưa kia giữa người Đức và người Ba Lan lại sống trở lại. Chính những tên bộ trưởng - thương nhân tự do chủ nghĩa, Cam-pơ-hau-den và Han-dơ-man, đã có cái công lao lớn, vô giá đó đối với chế độ chuyên chế Nga. Cần phải nói thêm rằng chiến dịch Ba Lan, đó là cái bước thứ nhất để cải tổ và cổ vũ quân đội Phổ. Quân đội này, về sau, đã đuổi cổ đảng tự do và bóp chết phong trào mà các ngài Cam-pơ-

hau-den và Han-dơ-man đã tốn biết bao công phu mới xây dựng lên được. "ác giả, ác báo". Đó là số phận của tất cả những kẻ bột phát năm 1848 và 1849, từ Lơ-đruy - Rô-lanh đến Săng-gác-ni-ê, và từ Cam-pơ-hau-den xuống đến Hay-nau.

Vấn đề dân tộc còn gây nên một cuộc đấu tranh khác cả ở Bô-hêm. ở đây, có hai triệu người Đức và ba triệu người Xla-vơ sinh sống, nói tiếng Séc và có những sự tích lịch sử vĩ đại hầu hết là có liên quan tới địa vị thống trị xưa kia của người Séc. Nhưng sau đó, ngay từ cuộc chiến tranh của Hu-xơ vào thế kỷ XV^[26*], lực lượng của ngành họ Xla-vơ đó đã bị xóa bỏ. Những tỉnh nói tiếng Séc bị phân chia; một bộ phận thành vương quốc Bô-hêm, một bộ phận khác thành công quốc Mô-ra-vi; bộ phận thứ ba tức là miền núi Các-pát do người Xi-lô-va-ki ở, lại thuộc về Hung-ga-ri. Từ bấy giờ trở đi, người Mô-ra-vi và người Xi-lô-va-ki đã mất hết mọi vết tích của ý thức dân tộc và sức sống dân tộc, mặc dầu trong một mức độ lớn họ vẫn còn giữ được ngôn ngữ của mình. Xứ Bô-hêm thì ba mặt bị những vùng hoàn toàn Đức bao quanh. Yếu tố Đức đã có nhiều thắng lợi lớn ở trên lãnh thổ của nó; thậm chí ở ngay thủ đô là Pra-ha, hai dân tộc cũng gần ngang nhau về dân số nhưng ở khắp vùng thì tư bản, thương nghiệp, công nghiệp và văn hóa tinh thần đều nằm trong tay người Đức. Bản thân giáo sư Pa-lát-xki, người chiến sĩ chủ chốt bảo vệ dân tộc Séc cũng chỉ là một nhà bác học Đức loạn óc, hiện nay cũng chưa biết nói tiếng Séc cho đúng mà không pha giọng nước ngoài. Nhưng như vẫn thường xảy ra, dân tộc Séc đang hấp hối, như tất cả các sự kiện lịch sử trong bốn trăm năm gần đây đã chứng tỏ, đã cố gắng một lần cuối cùng vào năm 1848 nhằm khôi phục lại sức sống trước kia của mình; nhưng nếu không kể đến phương diện cách mạng thì sự thất bại của những cố gắng ấy đã chứng minh rằng Bô-hêm từ nay chỉ có thể tồn tại như một bộ phận cấu thành của nước Đức, mặc dầu trong mấy thế kỷ nữa, một bộ phận dân cư của họ vẫn còn tiếp tục nói một thứ tiếng không phải là tiếng Đức.

Luân Đôn, tháng Hai 1852

Chú thích

[1] - Rừng Séc

[2] - Tên gọi bằng tiếng Lát-vi-a là En-ga-va

[3] - Tên gọi bằng tiếng Ba Lan là Gơ-đan-xcơ và En-blôn-gơ.

IX. Chủ nghĩa đại Xla-vơ. Cuộc chiến tranh

Ngày 15 tháng 03 năm 1851

Xứ Bô-hêm và Crô-a-xi (một thành viên khác bị tách ra của chủng tộc Xla-vơ, chịu ảnh hưởng của người Hung-ga-ri cũng như xứ Bô-hêm chịu ảnh hưởng của người Đức) là quê hương của phong trào mà người trên lục địa châu âu gọi là "chủ nghĩa đại Xla-vơ". Cả Bô-hêm lẫn Crô-a-xi đều không đủ mạnh để tồn tại như những dân tộc độc lập. Cả hai dân tộc này, bị mòn mỏi dần đi do sự tác động của những nguyên nhân lịch sử, những nguyên nhân đã làm cho họ không tránh khỏi bị các dân tộc hùng mạnh hơn nuốt mất, nên chỉ có thể hy vọng khôi phục lại được một nền độc lập nào đó với điều kiện liên minh với các dân tộc Xla-vơ khác. Có 22 triệu người Ba Lan, 45 triệu người Nga, 8 triệu người Xéc-bi và người Bun-ga-ri; vậy tại sao người ta lại không thành lập một liên bang mạnh mẽ bao gồm toàn thể 80 triệu người Xla-vơ để đẩy lui hoặc tiêu diệt những kẻ xâm nhập vào lãnh thổ Xla-vơ thiêng

liêng như người Thổ Nhĩ Kỳ, người Hung-ga-ri và trước hết là tên Niemetz đáng ghét nhưng lại rất cần thiết, tức người Đức? Chính vì vậy mà ở trong phòng làm việc của mấy nhà khoa học lịch sử nghiệp dư người Xla-vơ, đã nảy sinh ra cái phong trào vô lý và phản lịch sử không nhằm mục đích gì hơn là bắt phương tây văn minh phải khuất phục phương đông dã man, bắt thành thị phải khuất phục nông thôn, bắt thương nghiệp, công nghiệp, văn hóa phải khuất phục nông nghiệp nguyên thủy của người nông nô Xla-vơ. Nhưng đứng sừng sững đằng sau cái thuyết lỗ bích ấy, có cái hiện thực đáng sợ là đế chế Nga, cái đế chế mà mỗi một cử động đều bộc lộ tham vọng coi toàn thể châu âu là sở hữu của bộ tộc Xla-vơ và đặc biệt là của bộ phận kiên quyết duy nhất của bộ tộc ấy là người Nga; cái đế chế, với hai thủ đô là Pê-téc-bua và Mát-xcơ-va, vẫn chưa có được trọng tâm của nó chừng nào mà "thành phố của Nga hoàng" (tức Công-xtăng-ti-nô-plơ, tiếng Nga là Xa-rơ-grát, tức thành phố của nhà vua), mà bất cứ người nông dân Nga nào cũng coi là thủ đô chân chính của tôn giáo và của dân tộc mình, chưa thực sự là nơi đóng đô của hoàng đế Nga; cái đế chế, trong 150 năm qua, chưa bao giờ mất mà lại còn luôn luôn được thêm lãnh thổ trong tất cả những cuộc chiến tranh mà nó đã tiến hành. Và ở Trung âu, người ta biết rõ chính sách của Nga đã dùng những quỷ kế như thế nào để ủng hộ cái thuyết đại Xla-vơ vừa mới được phát minh ra, một thuyết phù hợp với mục đích của nó hơn bất cứ thuyết nào khác mà người ta có thể bịa ra được. Như vậy là những người theo chủ nghĩa đại Xla-vơ ở Bô-hêm và Crô-a-xi, kẻ thì cố tình, người thì vô ý thức, đều hành động vì lợi ích trực tiếp của nước Nga; họ đều phản bội sự nghiệp cách mạng để theo đuổi cái bóng ma dân tộc mà số phận của nó, trong trường hợp tốt nhất, cũng sẽ giống như số phận của dân tộc Ba Lan dưới ách thống trị của người Nga. Tuy nhiên, vì vinh dự của người Ba Lan chúng ta phải thấy rằng họ chưa bao giờ thực sự mắc phải cái bẫy chủ nghĩa đại Xla-vơ ấy; và nếu có một số ít bọn quý tộc thành những kẻ đại Xla-vơ điên cuồng thì chính là vì chúng biết rằng dưới ách của nước Nga, chúng ít mất mát hơn là khi những nông dân lệ thuộc của chúng nổi dậy.

Lúc bấy giờ, người Séc và người Crô-a-xi triệu tập ở Pra-ha một đại hội Xla-vơ [\[27*\]](#) với mục đích chuẩn bị một liên minh toàn thể những người Xla-vơ. Dù không có sự can thiệp của lực lượng vũ trang áo thì đại hội ấy cũng cứ thất bại. Những ngôn ngữ Xla-vơ riêng cũng khác nhau như tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Thụy Điển khác nhau, và khi bắt đầu thảo luận, người ta mới thấy rằng không có một thứ tiếng Xla-vơ chung để cho các diễn giả có thể hiểu được nhau. Người ta thử dùng tiếng Pháp, nhưng đa số cũng không hiểu được; và những người Xla-vơ nhiệt tâm đáng thương ấy mà tình cảm chung duy nhất giữa họ với nhau vốn chỉ là lòng căm thù chung đối với người Đức, cuối cùng buộc phải dùng cái thứ tiếng Đức đáng ghét vì đó là thứ tiếng duy nhất mà mọi người đều hiểu! Nhưng cũng lúc ấy, một hội nghị Xla-vơ khác lại họp ở Pra-ha dưới hình thức những thương kỵ binh Ga-li-xi, lính phóng lựu Crô-a-xi và Xi-lô-va-ki, pháo binh và giáp sĩ người Séc; và chưa đầy 24 tiếng đồng hồ, cái đại hội vũ trang thực sự Xla-vơ này, dưới quyền chỉ huy của Vin-đi-sơ-grét-xơ đã tổng cổ những vị sáng lập nền bá chủ Xla-vơ tưởng tượng ra khỏi thành phố và đuổi họ tan tác đi khắp nơi.

Những nghị viên người Bô-hêm, Mô-ra-vi, Đan-ma-xi và một bộ phận những nghị viên Ba Lan (thuộc tầng lớp quý tộc) ở Quốc hội lập hiến áo đã tiến hành đấu tranh có hệ thống trong nghị viện ấy chống các đại biểu Đức. Những người Đức và một bộ phận người Ba Lan

khác (thuộc tầng lớp quý tộc đã bị phá sản) trong nghị viện ấy là những đại biểu chủ yếu đấu tranh cho tiến bộ cách mạng. Cái khối đông đảo những đại biểu Xla-vơ chống lại họ, không chỉ bộc lộ công khai những khuynh hướng phản động của toàn bộ phong trào của họ nói chung, mà lại còn hèn hạ đến mức cấu kết và âm mưu với chính cái chính phủ áo đã giải tán đại hội của họ ở Pra-ha. Họ cũng được người ta trả công về hành vi đốn mạt ấy; sau khi các đại biểu Xla-vơ đã ủng hộ chính phủ trong cuộc khởi nghĩa tháng Mười 1848, một cuộc khởi nghĩa đã đảm bảo cho họ chiếm một đa số trong Quốc hội, thì Quốc hội này, từ đó gần như hoàn toàn chỉ gồm có người Xla-vơ, cũng bị binh lính áo giải tán như đại hội ở Pra-ha, và những phần tử đại Xla-vơ bị dọa bỏ tù nếu họ còn khuấy động một lần nữa. Tất cả cái mà họ thu được chỉ là dân tộc Xla-vơ hiện nay bị chính chế độ trung ương tập quyền của áo làm cho suy yếu ở khắp nơi, một kết quả mà họ phải nhận lấy chỉ vì lòng cuồng tín và sự mê muội của bản thân họ.

Nếu như biên giới của Hung-ga-ri và Đức còn chỗ nào đó chưa rõ ràng thì nhất định lại sẽ có tranh chấp. Nhưng may thay, không hề có lý do gì gây tranh chấp và những lợi ích của hai dân tộc gắn bó mật thiết với nhau, nên hai dân tộc cùng chiến đấu chống kẻ thù chung, nghĩa là chống Chính phủ áo và chủ nghĩa cuồng tín đại Xla-vơ. Sự hòa hợp tốt đẹp giữa hai dân tộc không một lúc nào bị phá vỡ. Nhưng do cuộc cách mạng I-ta-li-a nên ít ra là một phần nước Đức sẽ bị lôi cuốn vào một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn; và để chứng minh rằng chế độ của Mét-téc-ních đã ngăn chặn được sự phát triển của ý thức xã hội đến mức nào thì ở đây cần nhận thấy rằng trong sáu tháng đầu năm 1848, chính những người đã tham gia chiến đấu trên những lũy chướng ngại ở Viên, lại hăm hở tham gia đội quân đang đánh những người I-ta-li-a yêu nước. Nhưng tình trạng tư tưởng mơ hồ đáng tiếc ấy không kéo dài.

Sau cùng, còn có cuộc chiến tranh với Đan Mạch về vấn đề Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ. Những vùng này - về phương diện dân tộc, ngôn ngữ và tình cảm thì rõ ràng mang tính chất Đức, - cũng rất cần cho Đức về phương diện quân sự, hàng hải và thương nghiệp. Từ ba năm nay, nhân dân các vùng ấy đã chiến đấu gian khổ chống sự xâm nhập của Đan Mạch. Hơn nữa căn cứ vào những hiệp ước, họ có quyền lợi đó. Cuộc cách mạng tháng Ba đã dẫn họ đến chỗ xung đột công khai với người Đan Mạch, và nước Đức ủng hộ họ. Nhưng trong khi ở Ba Lan, ở I-ta-li-a, ở Bô-hêm và sau này ở Hung-ga-ri, các cuộc tác chiến đã diễn ra hết sức ác liệt thì trong cuộc chiến tranh này, cuộc chiến tranh duy nhất có tính chất nhân dân và cách mạng, ít ra là trong một bộ phận, người ta đã áp dụng một chiến lược tiến công và thoái lui vô hiệu, để rồi chịu nhận sự can thiệp ngoại giao của nước ngoài, thành thử sau nhiều cuộc giao chiến anh dũng, người ta đã đi đến một kết cục thảm hại. Trong thời gian chiến tranh, Chính phủ Đức hề có dịp thuận lợi là phản bội quân đội cách mạng của Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ và chính nó cố ý cho phép người Đan Mạch tiêu diệt quân đội ấy khi quân đội ấy bị phân tán hay chia cắt. Quân đoàn tình nguyện người Đức cũng bị đối xử như vậy.

Nhưng trong khi cái danh hiệu Đức, trong những hoàn cảnh như vậy, bị khắp nơi căm thù thì các chính phủ lập hiến và tự do chủ nghĩa Đức lại lấy làm hả lòng hả dạ. Chúng đã đè bẹp

được các phong trào Ba Lan và Bô-hêm. Khắp nơi, chúng đã nhen lại được những mối hận thù dân tộc từ trước đến nay vẫn ngăn trở mọi sự hòa hợp và mọi hành động chung giữa người Đức, người Ba Lan và người I-ta-li-a. Chúng đã làm cho dân chúng quen với những cảnh nội chiến và những biện pháp đàn áp bằng quân đội. Quân đội Phổ ở Ba Lan và quân đội áo ở Pra-ha đã khôi phục lại được lòng tự tin và trong khi người ta đẩy lớp thanh niên đầy lòng yêu nước ("die patriotische Uberkraft" - theo lời của Hai-nơ[28*]) có tinh thần cách mạng nhưng thiên cận vào Slê-dơ-vích và Lôm-bác-đi để cho súng máy của kẻ thù giết họ, thì người ta tạo điều kiện cho quân đội chính quy, công cụ hành động thực sự của nước Phổ cũng như của áo, giành lại cảm tình của quần chúng bằng những chiến thắng của nó ở nước ngoài. Nhưng chúng tôi xin nhắc lại rằng những quân đội ấy, quân đội đã được phái tự do chủ nghĩa củng cố để dùng làm công cụ chống chính đảng tiến bộ hơn, đã khôi phục lại được trong chừng mực nào đó lòng tự tin vào sức mạnh và kỷ luật của mình thì chúng đã quay vũ khí lại chống ngay chính phái tự do chủ nghĩa và trả lại chính quyền cho đại diện của chế độ cũ. Khi Ra-đét-xki, ở trong doanh trại của ông ta bên kia sông A-đi-dơ, nhận những mệnh lệnh đầu tiên của các vị "bộ trưởng có trách nhiệm" ở Viên thì ông ta đã kêu lên rằng: "Những bộ trưởng ấy là ai? Đây không phải là chính phủ áo; lúc này, nước áo không tồn tại ở ngoài doanh trại của ta; ta và quân đội của ta là nước áo; và khi nào đánh bại bọn I-ta-li-a, chúng ta sẽ chinh phục lại đế chế cho hoàng đế!". ông già Ra-đét-xki nói có lý, nhưng ở Viên, bọn bộ trưởng ngu xuẩn "có trách nhiệm" lại không chú ý đến ông ta.

Luân Đôn, tháng Hai 1852

X. Cuộc khởi nghĩa ở Pa-ri. Quốc hội Phran-Phuốc

Ngày 18 tháng 03 năm 1852

Ngay từ đầu tháng Tư 1848, dòng thác cách mạng đã bị chặn đứng ở trên khắp lục địa châu âu, vì các giai cấp xã hội được lợi từ những thắng lợi đầu tiên, đã ký kết liên minh ngay với những kẻ chiến bại. Ở Pháp, giai cấp tiểu tư sản và bộ phận cộng hòa trong giai cấp tư sản đã liên minh với phái tư sản bảo hoàng để chống lại những người vô sản; ở Đức và ở I-ta-li-a, giai cấp tư sản chiến thắng đã vội vã tìm kiếm sự ủng hộ của bọn quý tộc phong kiến, của bộ máy quan liêu nhà nước và của quân đội để chống lại quần chúng nhân dân và những người tiểu tư sản. Chẳng bao lâu các đảng bảo thủ và phản cách mạng liên hiệp với nhau đã chiếm được ưu thế trở lại. Ở Anh, một cuộc biểu tình của nhân dân diễn ra không đúng lúc và không được chuẩn bị chu đáo (ngày 10 tháng Tư) đã kết thúc bằng thất bại hoàn toàn và quyết định của đảng của phong trào[29*]. ở Pháp, hai cuộc vận động tương tự (ngày 16 tháng Tư và ngày 15 tháng Năm) cũng thất bại[30*]. ở I-ta-li-a, ngày 15 tháng Năm, chỉ bằng một đòn đánh, vua Bom[1] đã khôi phục lại ngay quyền lực của mình[31*]. ở Đức, nhiều chính phủ tư sản mới và các hội nghị lập hiến của họ được củng cố, và nếu ngày 15 tháng Năm, một ngày có nhiều sự biến đến thế, đã đem lại thắng lợi cho quần chúng ở Viên, thì sự kiện này cũng chỉ là một sự kiện thứ yếu và có thể coi đó là ngọn lửa thắng lợi cuối cùng của nghị lực nhân dân. Ở Hung-ga-ri, phong trào hình như đã được hướng vào những con đường hòa bình hoàn toàn hợp pháp, và phong trào Ba Lan, như chúng ta đã nói đến trong một bài báo trước, đã bị lưới lê của Phổ dập tắt từ trong trứng nước. Nhưng cuối cùng tình hình sẽ xoay chuyển ra sao thì chưa có gì rõ ràng, và mỗi tấc đất mà các đảng cách mạng ở các nước đã mất đi chỉ khiến cho họ càng ngày càng siết

chặt hàng ngũ lại để chuẩn bị trận chiến đấu quyết định.

Những trận chiến đấu quyết định ấy đang đến gần. Nó chỉ có thể được tiến hành ở Pháp; và chừng nào nước Anh chưa tham gia vào cuộc đấu tranh cách mạng và nước Đức còn bị chia cắt, thì nước Pháp, do nền độc lập dân tộc của nó, do nền văn minh và chế độ trung ương tập quyền của nó, là nước duy nhất có thể thúc đẩy một sự biến động mạnh mẽ tại các nước xung quanh. Vì vậy khi cuộc chiến đấu đổ máu đã bắt đầu nổ ra ở Pa-ri vào ngày 23 tháng Sáu 1848, khi mỗi bức điện mới, mỗi chuyến bưu kiện mới đều làm cho châu Âu thấy rõ hơn rằng cuộc đấu tranh ấy đã được tiến hành giữa một bên là toàn bộ quần chúng công nhân, với bên kia là tất cả các giai cấp khác của dân cư Pa-ri được quân đội ủng hộ; khi những trận chiến đấu đã kéo dài nhiều ngày với một mức độ khốc liệt chưa từng thấy trong lịch sử nội chiến hiện đại nhưng không bên nào có ưu thế rõ ràng, thì lúc đó mọi người đã nhận thấy rõ ràng rằng trận chiến đấu lớn quyết định ấy, nếu cuộc khởi nghĩa thành công, sẽ làm cho làn sóng cách mạng mới lan tràn khắp lục địa, còn nếu cuộc khởi nghĩa thất bại, thì sẽ khôi phục lại chế độ phản cách mạng, ít ra là trong một thời gian.

Những người vô sản Pa-ri đã bị đánh bại, bị tàn sát, đè bẹp đến mức đến tận bây giờ, họ vẫn chưa hồi phục. Và lập tức, khắp châu Âu những phần tử bảo thủ và phản cách mạng mới và cũ lại ngóc đầu dậy, với một thái độ láo xược chứng tỏ rằng chúng đã hiểu rõ như thế nào ý nghĩa của sự biến ấy. Khắp nơi, báo chí bị truy nã, quyền hội họp và lập hội bị hạn chế, chỉ một sự biến nhỏ xảy ra trong bất cứ một thành phố nhỏ nào cũng là một cái cớ để tước vũ khí của quần chúng, để tuyên bố thiết quân luật và tập dượt quân đội theo những cách và chiến thuật mới do Ca-ve-nhắc đã huấn luyện. Ngoài ra, lần đầu tiên kể từ tháng Hai đến giờ, tính vô địch của một cuộc khởi nghĩa nhân dân trong một thành phố lớn đã được chứng minh là một ảo tưởng; quân đội đã phục hồi lại được danh dự của mình; những đội quân, cho đến bấy giờ, vẫn bị đánh bại trong bất cứ một trận chiến đấu đường phố quan trọng nào, đã lấy lại được lòng tự tin và tin rằng mình có thể đảm nhiệm được kiểu chiến tranh ấy.

Có thể nói rằng thất bại đó của những công nhân Pa-ri đánh dấu những hành động tích cực đầu tiên, những kế hoạch cụ thể đầu tiên của đảng phong kiến và quan liêu cũ ở Đức nhằm trút bỏ được ngay cả người bạn đồng minh tạm thời của mình, tức giai cấp tư sản, và nhằm kéo nước Đức lui về tình trạng trước những sự biến tháng Ba. Quân đội lại trở thành lực lượng quyết định của nhà nước, nó không thuộc về giai cấp tư sản mà là thuộc về đảng này. Ngay cả ở Phổ, nơi mà trước năm 1848, người ta đã nhận thấy rằng một bộ phận hạ sĩ quan ngả mạnh theo hướng tán thành một chính phủ lập hiến thì tình trạng lộn xộn do cách mạng gây ra trong quân đội, đã kéo những thanh niên hay biện luận ấy trở lại phục tùng nghiêm ngặt; chỉ cần một người lính bình thường có một cử chỉ đôi chút tùy tiện đối với sĩ quan thì sĩ quan lập tức thấy rõ rằng kỷ luật và sự phục tùng thụ động là điều cần thiết. Bọn quý tộc và quan lại bị đánh bại bắt đầu nhận thấy rằng chúng cần phải làm gì; người ta chỉ cần thường xuyên lôi cuốn quân đội vào những cuộc xung đột nhỏ với nhân dân, - cái quân đội đã đoàn kết hơn bao giờ hết, kiên cường về những chiến thắng trong những cuộc đàn áp khởi nghĩa nhỏ và trong những cuộc chiến tranh với nước ngoài, cái quân đội mong muốn có

được những chiến thắng lớn như những chiến thắng mà quân đội Pháp vừa giành được, - quân đội ấy, sẽ có thể, trong giờ phút quyết định và chỉ bằng một cú đánh mạnh, đè bẹp những người cách mạng và chấm dứt những tham vọng của bọn nghị viên tư sản. Và thời cơ thuận lợi để đánh cái đòn quyết định như vậy cũng chẳng còn lâu nữa.

Chúng tôi không nói tới những cuộc tranh cãi ở nghị trường và những cuộc đấu tranh ở địa phương - đôi khi cũng lý thú nhưng thường thường là chán ngấy - đã xảy ra giữa những đảng phái ở Đức trong suốt mùa hè. Chỉ cần nói rằng đa số những kẻ bảo vệ lợi ích tư sản, mặc dầu đạt được nhiều thắng lợi ở nghị trường trong đó không một thắng lợi nào có lấy một chút kết quả thực tiễn, nói chung người ta cảm thấy rằng ngày càng không duy trì được vị trí của họ giữa các đảng cực đoan cho nên hôm nay, họ phải tìm kiếm sự liên minh với bọn phản động để rồi ngày mai lại bỏ đỡ các đảng dân chủ hơn trong việc tìm kiếm sự rộng lòng của họ. Thái độ do dự thường xuyên ấy đã hạ uy tín của họ trước dư luận xã hội, và do tình hình xoay chuyển như vậy, việc chúng bị khinh bỉ lại tạm thời có lợi chủ yếu cho bọn quan lại và phong kiến.

Vào đầu mùa thu, quan hệ giữa các đảng đã trở nên cực kỳ căng thẳng và gay gắt đến nỗi khó lòng tránh khỏi một cuộc đấu tranh quyết định. Trận đầu tiên của cuộc chiến tranh ấy giữa quần chúng dân chủ và cách mạng với quân đội đã xảy ra ở Phran-phước. Mặc dù chỉ là thứ yếu, trận ấy cũng là thắng lợi đáng kể đầu tiên của quân đội đối với cuộc khởi nghĩa, và đã có tác dụng lớn về mặt tinh thần. Với những lý do rất hiển nhiên, nước Phổ đã cho phép cái chính phủ hủ danh vô thực do Quốc hội Phran-phước lập nên, ký kết hiệp nghị đình chiến với Đan Mạch, một hiệp nghị không những chỉ nộp những người Đức ở Slê-dơ-vích cho người Đan Mạch tàn sát, mà còn hoàn toàn phủ nhận những nguyên tắc ít nhiều cách mạng mà dư luận chung coi là cơ sở của cuộc chiến tranh Đan Mạch. Hiệp nghị đình chiến ấy bị Quốc hội Phran-phước bác bỏ với đa số hơn hai hay ba phiếu. Sau cuộc bỏ phiếu ấy là vở hài kịch của một cuộc khủng hoảng nội các, nhưng ba ngày sau, Quốc hội xét lại biểu quyết của mình và trên thực tế đã đi đến chỗ thủ tiêu quyết nghị cũ và phê chuẩn cuộc đình chiến. Hành động ô nhục ấy đã gây căm phẫn trong nhân dân. Người ta dựng chiến lũy, nhưng quân đội đã được tập trung khá đủ ở Phran-phước và chỉ sau sáu giờ chiến đấu, cuộc khởi nghĩa đã bị dập tắt. Do sự kiện ấy, những phong trào tương tự, dù kém phần quan trọng hơn, đã nổ ra ở các vùng khác của nước Đức (ở Ba-đen, Khuên), nhưng cũng đều bị dập tắt như vậy.

Trận chiến đấu sơ bộ ấy đã mang lại cho đảng phản cách mạng mỗi lợi lớn là từ nay, cái chính phủ duy nhất và ít ra là có vẻ được nhân dân bầu ra, cái chính phủ để chế Phran-phước, cũng như cái Quốc hội ở đấy, đều mất hết uy tín đối với nhân dân, Chính phủ và Quốc hội ấy đã buộc phải nhờ đến lưỡi lê của quân đội để chống lại những sự biểu hiện của ý chí nhân dân. Như vậy là chúng đã mất uy tín, và trước lúc đó nếu chúng còn được kính trọng chút nào thì việc lìa bỏ nguồn gốc của mình, sự lệ thuộc của chúng vào các chính phủ phản nhân dân và vào quân đội của những chính phủ ấy, cũng đã làm cho, từ nay trở đi, viên nhiep chính của đế chế, các bộ trưởng và các nghị viên của hần biến thành những con số không hoàn toàn. Rồi đây chúng ta sẽ thấy rằng trước hết là áo, sau là Phổ, rồi đến các

bang nhỏ, coi khinh như thế nào mỗi một mệnh lệnh, mỗi một yêu cầu, mỗi một phái đoàn mà họ tiếp nhận của cái Quốc hội gồm những kẻ mơ mộng bất lực ấy.

Bây giờ, chúng ta nói đến cái tiếng vang lớn mà cuộc chiến đấu tháng Sáu ở Pháp đã dội vào nước Đức, đến cái sự biến cũng có tính quyết định đối với nước Đức giống như cuộc chiến đấu của giai cấp vô sản Pa-ri đối với nước Pháp; đó là cuộc khởi nghĩa ở Viên và tiếp theo sau là cuộc tấn công thành phố này vào tháng Mười 1848. Nhưng trận chiến đấu này có một ý nghĩa lớn lao và việc giải thích những hoàn cảnh khác nhau đã tác động trực tiếp hơn vào kết cục của nó cần phải chiếm trên tờ "Tribune" một vị trí đến mức khiến chúng tôi phải dành một bài riêng để nói về nó.

Luân Đôn. Tháng Hai 1852

Chú thích

[1] - Phéc-đi-năng II

XI. Cuộc khởi nghĩa ở Viên **Ngày 19 tháng 03 năm 1852**

Bây giờ chúng ta nói tới những sự biến có tính quyết định mà ở Đức nó cũng có ý nghĩa cách mạng như cuộc khởi nghĩa tháng Sáu ở Pa-ri, và bằng một cú đánh, sự biến đã lập tức làm nghiêng cán cân có lợi cho đảng phản cách mạng, - tức là tới cuộc khởi nghĩa tháng Mười 1848 ở Viên.

Chúng ta đã biết lập trường của các giai cấp khác nhau ở Viên sau chiến thắng ngày 13 tháng Ba. Ngoài ra, chúng ta còn thấy phong trào của miền áo thuộc Đức là gắn liền với những sự biến của các miền áo không thuộc Đức và bị những sự biến này kìm hãm như thế nào. Bởi vậy chúng ta chỉ còn phải xét qua xem những nguyên nhân nào đã dẫn tới cuộc nổi dậy mạnh mẽ vừa rồi ở miền áo thuộc Đức.

Ngay cả sau những sự biến tháng Ba, giai cấp đại quý tộc và giai cấp tư sản tài chính, tức là những trụ cột chủ yếu không chính thức của chính phủ Mét-téc-ních, vẫn có thể duy trì được một ảnh hưởng quyết định đối với chính phủ, không những nhờ triều đình, quân đội và bộ máy quan liêu, mà hơn nữa, còn nhờ vào nỗi hoảng sợ đã lan tràn nhanh chóng trong giai cấp tư sản đối với "tình trạng vô chính phủ". Các giai cấp ấy liền thử thả mấy quả bóng thăm dò dưới hình thức một đạo luật về báo chí, một bản hiến pháp có tính chất quý tộc hết chỗ nói và một đạo luật tuyển cử dựa trên sự phân chia "đẳng cấp"[\[32*\]](#) cũ. Ngày 18 tháng Năm, cái nội các gọi là lập hiến, gồm bốn quan lại nửa tự do chủ nghĩa, nhút nhát và bất lực, đã dám liều một trận tấn công trực tiếp vào các tổ chức cách mạng của quần chúng bằng cách giải tán ủy ban trung ương gồm các đại biểu của đội cận vệ quốc gia và của Quân đoàn sinh viên, một cơ quan được thành lập nhằm mục đích chỉ là để kiểm soát chính phủ và khi cần thì kêu gọi các lực lượng nhân dân chống lại chính phủ. Nhưng hành động ấy chỉ gây ra cuộc khởi nghĩa ngày 15 tháng Năm khiến cho chính phủ buộc phải công nhận ủy ban ấy, hủy bỏ hiến pháp và luật tuyển cử, và giao cho Quốc hội lập hiến được bầu ra bằng đầu phiếu phổ thông được toàn quyền thảo ra một đạo luật cơ bản mới. Tất cả những điều ấy được một bản tuyên ngôn của hoàng đế xác nhận vào ngày hôm sau. Nhưng đảng phản động mà đại biểu của nó cũng nằm trong nội các, liền thúc đẩy ngay các bạn đồng sự "tự

do chủ nghĩa" của nó tiến hành một cuộc tấn công mới vào những thành quả của quần chúng. Quân đoàn sinh viên là thành trì của đảng của phong trào, trung tâm của một cuộc cổ động liên tục, và chính vì thế mà nó bị bọn thị dân ôn hòa nhất ở Viên căm ghét. Ngày 26 tháng Năm, nó đã bị một sắc lệnh của nội các giải tán. Lẽ ra việc giải tán ấy đã thành công nếu người ta chỉ giao trách nhiệm ấy cho một đơn vị quân cận vệ quốc gia, nhưng chính phủ không tin đội cận vệ quốc gia, đã điều động quân đội; thế là quân cận vệ quốc gia liền quay ngay lại chống chính phủ, liên hiệp với Quân đoàn sinh viên và phá vỡ kế hoạch của nội các.

Nhưng ngày 16 tháng Năm, hoàng đế [\[1\]](#) và triều đình đã bỏ thành Viên và trốn đến In-xbrúc, chính ở đó, ở giữa những người Ti-rôn cuồng tín mà lòng trung thành lại trở dậy mạnh mẽ trước nguy cơ đất nước bị quân đội Xác-đi-ni - Lôm-bác-đi xâm lăng, và được ủng hộ bởi quân đội của Ra-đét-xki đóng sát nách, vì In-xbrúc nằm trong tầm pháo của quân đội này; chính ở đó mà phái phản cách mạng có thể tránh được mọi sự kiểm soát và giám sát, và hoàn toàn được an toàn trong việc tập hợp và khôi phục những lực lượng tàn mạt của mình để rồi sẽ lại trùm lên khắp đất nước mạng lưới âm mưu của nó. Người ta lại tiếp xúc với Ra-đét-xki, I-ê-la-sích và Vin-đi-sơ-grét-xơ cũng như với những người đáng tin cậy khác trong hệ thống hành chính ở các tỉnh; người ta lại âm mưu với những thủ lĩnh của người Xla-vơ. Theo cách thức như vậy, người ta đã tạo nên một lực lượng thực sự thuộc quyền sử dụng của bọn quần thần phản cách mạng, trong khi đó người ta mặc cho các bộ trưởng bất lực ở Viên tha hồ tiêu hao cái uy tín ngắn ngủi và mỏng manh của họ bằng những cuộc xung đột liên miên với quần chúng cách mạng và những cuộc tranh cãi ở Quốc hội lập hiến sắp họp nay mai. Như vậy chính sách tạm thời để mặc cho phong trào ở thủ đô diễn biến, nếu như ở một nước trung ương tập quyền và thuần nhất như nước Pháp thì chính sách đó đã có thể làm cho đảng của phong trào trở thành mạnh mẽ vô song, nhưng ở nước áo này, trong một tập hợp chính trị không thuần nhất, chính sách ấy lại là một trong những phương pháp chắc chắn nhất để tổ chức lại lực lượng cho phe phản cách mạng.

Ở Viên, giai cấp tư sản tin chắc rằng sau ba lần thất bại liên tiếp và đứng trước một Quốc hội lập hiến do đầu phiếu phổ thông bầu ra thì triều đình không còn là một kẻ địch đáng sợ nữa, nên nó ngày càng buông mình rơi vào tình trạng mệt mỏi, tình trạng thờ ơ, tình trạng luôn miệng kêu gọi trật tự và yên bình, một tình trạng mà giai cấp tư sản ở bất cứ đâu cũng đều mong muốn sau những cơn chấn động kịch liệt làm rối loạn hoạt động kinh doanh. Công nghiệp ở thủ đô áo hầu như hoàn toàn chỉ sản xuất những xa xỉ phẩm, mà từ ngày cách mạng nổ ra và triều đình bỏ trốn thì tất nhiên nhu cầu về những sản phẩm ấy giảm đi một cách đột ngột. Những lời kêu gọi khôi phục lại một chế độ cai trị có quy củ và triều đình trở về, những điều mà người ta hy vọng là sẽ làm cho thương mại trở lại phồn vinh như xưa, bây giờ đã trở thành phổ biến trong giai cấp tư sản. Người ta vui vẻ chào mừng cuộc họp của Quốc hội lập hiến vào tháng Bảy, coi đó là sự kết thúc của thời đại cách mạng; người ta cũng phấn khởi chào đón triều đình trở về; mà triều đình này thì sau những chiến thắng của Ra-đét-xki ở I-ta-li-a và sau việc thành lập nội các phản động Đô-bơ-hốp, đã tự cho là mình đã đủ mạnh để đương đầu với sự tấn công của nhân dân và thấy cần thiết phải có mặt ở Viên để có thể tiến hành đến cùng những âm mưu của mình với cái đa số Xla-vơ trong Quốc hội. Trong khi Quốc hội lập hiến thảo luận những đạo luật về việc giải phóng nông dân

khỏi sự lệ thuộc phong kiến và khỏi chế độ lao dịch bắt buộc cho quý tộc, thì triều đình đã tiến hành thắng lợi một mưu kế khôn khéo. Ngày 19 tháng Tám, người ta mời hoàng đế đi duyệt đội cận vệ quốc gia; hoàng gia, triều đình và các tướng tá thi nhau tán dương bọn thị dân vũ trang, là bọn đã say sưa trong niềm kiêu hãnh thấy mình được công khai thừa nhận là một trong những lực lượng quyết định của nhà nước; và ngay lập tức sau đó, một sắc lệnh ký tên ông Svác-txơ, vị bộ trưởng duy nhất được nhân dân biết tiếng trong nội các, được ban bố nhằm xóa bỏ khoản tiền cứu tế mà từ trước đến nay, chính phủ vẫn cấp cho công nhân thất nghiệp. Quỷ kế đã thành công; giai cấp công nhân biểu tình; bọn tư sản trong đội cận vệ quốc gia ủng hộ sắc lệnh của vị bộ trưởng của chúng; chúng đàn áp "những người vô chính phủ", ngày 23 tháng Tám, chúng lăn xả như cọp vào những công nhân không có vũ khí và không hề chống cự lại, chúng đã tàn sát nhiều người. Như vậy là sự đoàn kết và sức mạnh của lực lượng cách mạng đã bị phá tan. Ở Viên, cuộc đấu tranh giai cấp giữa tư sản và vô sản cũng dẫn đến một cuộc đổ máu và bọn quân thần phản cách mạng thấy rằng cái ngày mà chúng có thể đánh một đòn ác liệt, đã sắp đến.

Tình hình ở Hung-ga-ri đã nhanh chóng tạo điều kiện cho chúng tuyên bố công khai những nguyên tắc hành động của chúng. Ngày 5 tháng Mười, tờ "Wiener Zeitung" đăng một sắc lệnh của hoàng đế - không có một bộ trưởng có trách nhiệm nào của Hung-ga-ri ký cả - tuyên bố giải tán Quốc hội Hung-ga-ri và cử tên thái thú ở Crô-a-xi là I-ê-la-sích, một thủ lĩnh của bọn phản động miền Nam Xla-vơ và là người thực sự chống đối các nhà cầm quyền hợp pháp của Hung-ga-ri, lên làm thống đốc dân sự và quân sự của Hung-ga-ri. Đồng thời, quân đội ở Viên được lệnh lên đường và hợp nhất với đội quân sẽ phải trở thành chỗ dựa của chính quyền I-ê-la-sích. Nhưng làm như vậy là đã để lộ quá rõ âm mưu đen tối; mọi người ở Viên đều cảm thấy rằng chiến tranh với Hung-ga-ri là chiến tranh chống nguyên tắc của chính phủ lập hiến. Nguyên tắc này đã bị chà đạp ngay một trong sắc lệnh trong đó hoàng đế mưu toan làm cho các lệnh của mình có hiệu lực của pháp luật mà không cần có chữ ký của bộ trưởng phụ trách. Nhân dân, Quân đoàn sinh viên, đội cận vệ quốc gia ở Viên nhất tề nổi dậy vào ngày 6 tháng Mười và chống lại cuộc xuất phát của quân đội; vài người lính phóng lựu đạn chạy sang hàng ngũ nhân dân, một cuộc xung đột ngắn xảy ra giữa lực lượng nhân dân vũ trang và quân đội; Bộ trưởng chiến tranh La-tua bị nhân dân giết chết, đến buổi chiều, nhân dân đã chiến thắng. Trong khi ấy thì ở Stun-vai-sen-buốc[2] thái thú I-ê-la-sích đã bị Péc-txen đánh bại phải chạy trốn vào vùng lãnh thổ áo thuộc Đức, gần Viên. Quân đội viên có nhiệm vụ đi cứu hấn thì lại không cứu hấn mà lại có thái độ chống đối hấn rõ ràng và sẵn sàng phòng vệ; hoàng đế và triều đình một lần nữa lại phải chạy trốn đến ôn-muýt-xơ[3] một lãnh thổ nửa Xla-vơ.

Nhưng ở ôn-muýt-xơ, triều đình lại ở vào một hoàn cảnh khác hẳn với khi ở In-xbrúc. Lúc này triều đình đã có khả năng trực tiếp bắt đầu cuộc hành quân chống cách mạng. Xung quanh nó là bọn nghị viên người Xla-vơ của Quốc hội lập hiến, bọn này đã lũ lượt chạy về ôn-muýt-xơ và bọn người Xla-vơ cuồng nhiệt từ bốn phía của vương quốc kéo đến. Theo bọn họ hình dung thì cuộc chiến tranh này phải biến thành chiến tranh để khôi phục bá quyền Xla-vơ và tiêu diệt hai kẻ ngoại lai xâm nhập vào lãnh thổ mà bọn họ coi là lãnh thổ Xla-vơ, tức là chiến tranh chống người Đức và người Hung-ga-ri. Vin-đi-sơ-grét-xơ, kẻ chinh phục

Pra-ha, giờ đây là tư lệnh của quân đội tập trung xung quanh thành Viên, bỗng nhiên trở thành anh hùng dân tộc Xla-vơ. Đội quân của y được tăng cường mau chóng bằng cách huy động người ở khắp nơi về. Hết trung đoàn này đến trung đoàn khác, từ Bô-hêm, Mô-ra-vi, Xtê-ria, từ miền Thượng áo và từ I-ta-li-a, kéo về Viên, để sáp nhập với quân đội của I-ê-la-sích, và đội quân trước kia bảo vệ thủ đô. Như vậy là vào cuối tháng Mười, hơn 6 vạn người đã tập hợp và họ liền bắt đầu bao vây tứ phía thủ đô của đế chế, và cuối cùng, đến ngày 30 tháng Mười, họ đã tiến đến chỗ có thể mở một trận tấn công quyết định.

Trong lúc ấy thì Viên đang ở trong tình trạng rất hỗn loạn và bối rối. Vừa mới giành được thắng lợi, giai cấp tư sản đã lại trở lại nghi kỵ giai cấp công nhân "vô chính phủ"; công nhân vẫn còn nhớ cách đối xử của bọn tư sản võ trang đối với họ cách đây sáu tuần lễ và chính sách do dự, hay thay đổi của giai cấp tư sản nói chung, nên không muốn giao nhiệm vụ bảo vệ thủ đô cho chúng, bèn đòi được trao vũ khí và lập một tổ chức quân sự riêng của mình. Quân đoàn sinh viên, nóng lòng muốn chiến đấu chống ách chuyên chế của hoàng đế, lại hoàn toàn không hiểu nổi nguyên nhân sâu xa của sự cách biệt giữa hai giai cấp, cũng không hiểu nổi những yêu cầu của tình hình. Dân chúng và cả các giới lãnh đạo đều mơ hồ. Trừ một số ít nghị viên Ba Lan có tinh thần cách mạng hơn, số còn lại trong Quốc hội: các nghị viên người Đức và một vài nghị viên người Xla-vơ, đóng vai trò gián điệp cho các bạn hữu của chúng ở ôn-muýt-xơ, lại thường xuyên hội họp. Song, lẽ ra phải hành động cương quyết thì chúng lại mất thì giờ để cãi vã nhau một cách vô bổ xem có khả năng chống lại quân đội đế chế mà không vượt quá giới hạn của những truyền thống lập hiến hay không. Thực ra, Ủy ban an ninh gồm các đại biểu của hầu hết các tổ chức nhân dân ở Viên, tuy đã quyết tâm chống cự lại, nhưng lại bị chi phối bởi một đa số gồm những thị dân, tiểu thủ công và những tiểu thương là những kẻ không bao giờ cho phép nó được hành động triệt để, kiên quyết và mạnh mẽ. Hội đồng của Quân đoàn sinh viên biểu quyết những quyết nghị dũng cảm, nhưng lại hoàn toàn không có năng lực lãnh đạo. Giai cấp công nhân, bị nghi ngờ, không có vũ khí, không có tổ chức, vừa mới thoát khỏi tư tưởng nô lệ của chế độ cũ, vừa mới tỉnh ngộ, nhưng chưa phải là đã ý thức được mà mới chỉ là hiểu được một cách hoàn toàn theo bản năng, vị trí xã hội của mình và thái độ chính trị mà vị trí ấy buộc phải có, cho nên cũng chỉ có thể biểu lộ ý chí của mình bằng những cuộc biểu tình rầm rộ và không có gì lạ rằng giai cấp ấy không có khả năng ứng phó được với những khó khăn của tình hình. Nhưng cũng như ở khắp nơi trong nước Đức trong thời gian cách mạng, công nhân vẫn sẵn sàng chiến đấu đến cùng, một khi có vũ khí trong tay.

Tình hình ở Viên là như vậy. Ở ngoài Viên là quân đội áo được cải tổ và say sưa với những chiến thắng của Ra-đét-xki ở I-ta-li-a; sáu, bảy vạn người được vũ trang tốt, tổ chức tốt và nếu không phải là được chỉ huy tốt thì ít ra cũng có những người chỉ huy. Ở bên trong Viên là tình hình hỗn độn, mâu thuẫn giai cấp, tình trạng không có tổ chức: đội cận vệ quốc gia có một bộ phận quyết không chiến đấu, một bộ phận khác thì do dự và chỉ có bộ phận nhỏ nhất là sẵn sàng hành động; quân chúng vô sản mạnh về số lượng, nhưng không có lãnh tụ, không được giáo dục về chính trị, dễ hốt hoảng mà cũng dễ nổi giận hờn như vô cớ, dễ tin vào những điều đồn bậy mà người ta gieo rắc, hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu, nhưng lại không được vũ trang ít ra là vào lúc đầu, và vũ trang không được đầy đủ, chưa được tổ

chức hấn hơi khi được đưa đi chiến đấu; một Quốc hội bất lực, chỉ bàn lý thuyết suông trong khi nóc nhà gần như đã bốc cháy trên đầu; một ủy ban lãnh đạo không nhiệt tâm, không nghị lực. Tất cả đều đã thay đổi, sau những ngày tháng Ba và tháng Năm, khi mà trong phe phản cách mạng hoàn toàn chỉ là sự hỗn loạn và chỉ có một lực lượng duy nhất có tổ chức, đó là lực lượng do cách mạng tạo nên. Kết cục của một cuộc chiến đấu như vậy thật là không có gì đáng phải nghi ngờ nữa. Và nếu một mối hồ nghi nào đó còn tồn tại thì nó cũng bị những sự biến những ngày 30 và 31 tháng Mười và ngày 1 tháng Mười một đánh tan.

Luân Đôn, tháng Ba 1852

Chú thích

[1] - Phéc-đi-năng I

[2] - Tên gọi bằng tiếng Hung-ga-ri là Xê-kê-sphơ-khuê-va

[3] - Tên gọi bằng tiếng Séc là ô-lô-mu-xơ

XII. Cuộc tấn công chiếm Viên. Sự phản bội Viên

Ngày 09 tháng 04 năm 1852

Sau cùng, khi quân đội do Vin-đi-sơ-grét-xơ tập trung, bắt đầu tấn công Viên thì những lực lượng hiện có để làm nhiệm vụ phòng thủ lại hoàn toàn không đủ. Chỉ có một bộ phận của đội cận vệ quốc gia là có thể đưa ra chiến hào. Thực ra thì đến phút cuối cùng, một đội dân vệ vô sản cũng được thành lập vội vàng, nhưng vì người ta sử dụng quá muộn cái bộ phận cư dân đông đúc nhất, can đảm nhất, kiên quyết nhất ấy nên bộ phận ấy ít quen với việc sử dụng vũ khí và với những kỷ luật sơ đẳng nhất để có thể chống cự thắng lợi. Thành thử Quân đoàn sinh viên có chừng từ ba đến bốn nghìn người, được tập luyện kỹ và có kỷ luật trong một chừng mực nào đó, can đảm và hăng hái, nên về phương diện quân sự, là lực lượng duy nhất có khả năng hành động thắng lợi. Nhưng Quân đoàn đó, với một số người lính cận vệ quốc gia đáng tin cậy và quần chúng vô sản vũ trang hỗn loạn, thì có đáng kể gì, nó có đáng kể gì so với những binh lính chính quy của Vin-đi-sơ-grét-xơ, đông hơn rất nhiều, không kể những bọn cướp của I-ê-la-sích, là những bọn do tính chất của thói quen của chúng nên rất thành thạo trong cuộc chiến đấu từ nhà nọ sang nhà kia, từ phố này sang phố khác. Và quân khởi nghĩa có gì khác ngoài mấy khẩu pháo cũ mòn, lắp ráp không đúng quy cách và được sử dụng vụng về để chống với rất nhiều đại pháo hoàn hảo mà Vin-đi-sơ-grét-xơ sử dụng một cách bừa bãi như vậy?

Mối nguy càng tới gần thì tình trạng hỗn loạn ở Viên lại càng tăng lên. Cho đến phút cuối cùng, Quốc hội cũng còn chưa có đủ nghị lực để quyết định cầu cứu quân đội Hung-ga-ri của Péc-txen đóng cách thủ đô chỉ có mấy dặm. Ủy ban an ninh cũng hoang mang như quần chúng nhân dân vũ trang trước những tin đồn trái ngược nhau, nên đã thông qua những nghị quyết mâu thuẫn nhau. Chỉ có một điểm mà tất cả đều thống nhất ý kiến: tôn trọng quyền tư hữu tài sản; tôn trọng đến mức gần như nực cười trong tình huống như vậy. Người ta làm rất ít để xây dựng dứt khoát một phương án phòng thủ. Người duy nhất và hiện có mặt tại đây, có thể cứu nổi Viên, nếu quả là có một người như thế, là Bem, vốn là người Xla-vơ, là một người ngoại quốc hầu như không ai biết tới; ông ta quyết định không nhận nhiệm vụ đó vì bị mọi người nghi kỵ. Nếu ông cứ tiếp tục làm nhiệm vụ thì có thể bị giết chết như một tên

phản bội. Mét-xen-hau-dơ, tư lệnh các lực lượng nghĩa quân, là nhà viết tiểu thuyết lãng mạn hơn là võ quan, dù là võ quan hạ cấp, thì lại hoàn toàn ở dưới tầm của nhiệm vụ; tuy vậy, sau 8 tháng chiến đấu cách mạng, đảng nhân dân vẫn không tạo ra được và cũng không tranh thủ được một người chỉ huy nào có khả năng hơn ông ta. Cuộc chiến đấu được tiến hành chính trong những điều kiện như vậy. Nếu xét những phương tiện phòng thủ hoàn toàn thiếu thốn của họ, xét tình trạng hoàn toàn thiếu hiểu biết và thiếu tổ chức về quân sự, thì những người dân thành Viên đã kháng cự rất anh dũng. Ở nhiều nơi, mệnh lệnh "giữ vững trận địa đến người cuối cùng" của Bem, khi ông còn nắm quyền chỉ huy, đã được chấp hành rất nghiêm chỉnh. Nhưng sức mạnh đã thắng. Pháo binh của hoàng đế trên những đại lộ rộng và dài, tức là những mạch máu giao thông chính của khu ngoại ô, đã quét sạch hết chiến lũy này đến chiến lũy khác; và đến chiều ngày thứ hai của cuộc chiến đấu, lính Crô-a-xi đã chiếm dãy nhà đối diện với Thành cũ. Một cuộc tấn công hỗn độn và yếu ớt của quân đội Hung-ga-ri đã hoàn toàn thất bại. Và trong một khoảng thời gian ngừng bắn nhau, khi mà một vài đơn vị trong Thành cũ đã đầu hàng, các đơn vị khác dao động và do đó tình thế càng trở nên hỗn loạn, khi tàn quân của Quân đoàn sinh viên đang chuẩn bị những công sự mới thì quân của hoàng đế đã mở được một đợt phá khẩu, rồi nhân tình hình hỗn độn khắp nơi, đã chiếm được Thành cũ.

Hậu quả trực tiếp của chiến thắng ấy là những hành động tàn bạo và những vụ xử tử theo luật thời chiến, những hành động hung ác bỉ ổi chưa từng thấy mà những bầy quân Xla-vơ đã điên cuồng tiến hành ở Viên, - tất cả những cái đó thì ai nấy đều biết nên không cần phải nói kỹ. Còn về những hậu quả sau này, về sự chuyển biến hoàn toàn mới của tình hình Đức do thất bại của cách mạng ở Viên thì chúng ta sẽ nghiên cứu ở dưới đây. Liên quan đến cuộc tấn công thành Viên, còn phải xét hai điểm. Nhân dân thủ đô này có hai bạn đồng minh là người Hung-ga-ri và nhân dân Đức. Trong giờ phút thử thách ấy thì họ ở đâu?

Chúng ta đã thấy rằng dân thành Viên, với tất cả tấm lòng khí khái của một dân tộc vừa mới được giải phóng, đã nổi dậy vì một sự nghiệp, tuy xét cho cùng là sự nghiệp của bản thân họ, nhưng trước hết và chủ yếu là sự nghiệp của người Hung-ga-ri. Dân thành Viên thà chịu đau khổ chứ không chịu để cho quân đội áo tiến vào Hung-ga-ri nên đã đưa thân mình ra chịu sự tấn công đầu tiên và ghê gớm nhất của quân đội áo. Và trong khi họ xông lên một cách cao quý như vậy để ủng hộ bạn đồng minh của họ thì người Hung-ga-ri đã đánh bại I-ê-la-sích, dồn hấn tới Viên và do thắng lợi đó, người Hung-ga-ri lại làm cho những đội quân có nhiệm vụ tấn công Viên được tăng cường. Trong những điều kiện ấy, nhiệm vụ hiển nhiên của Hung-ga-ri là phải ủng hộ không chậm trễ và bằng tất cả lực lượng sẵn có của mình, không phải Quốc hội Viên, không phải ủy ban an ninh hoặc bất cứ một cơ quan chính quyền nào ở Viên, mà là cuộc cách mạng ở Viên. Và ngay cả nếu như Hung-ga-ri có quên rằng nhân dân Viên đã đánh trận đầu tiên vì Hung-ga-ri, thì Hung-ga-ri cũng phải vì sự an toàn của bản thân mình mà không được quên rằng Viên là tiền đồn duy nhất bảo vệ nền độc lập của Hung-ga-ri, và thành phố ấy mà bị mất thì không có gì ngăn cản được quân đội của hoàng đế tiến sang Hung-ga-ri. Giờ đây, chúng ta đã biết rất rõ tất cả những lý do mà người Hung-ga-ri có thể viện ra và đã viện ra để bào chữa cho thái độ tiêu cực của họ trong lúc Viên bị bao vây và tấn công: nào là lực lượng chiến đấu của bản thân họ không đủ, nào là Quốc hội và tất cả các cơ quan chính thức khác ở Viên không kêu gọi họ giúp đỡ, nào là

sự cần thiết phải giữ vững nguyên tắc của hiến pháp và tránh những chuyện rắc rối với chính quyền trung ương Đức. Nói rằng quân đội Hung-ga-ri không đủ thì thật ra là trong những ngày đầu sau khi nổ ra cuộc cách mạng ở Viên và sau khi I-ê-la-sích chạy về thì chẳng cần đến quân đội chính quy vì quân đội chính quy của áo còn lâu mới tập trung được; chỉ cần dũng cảm và kiên quyết phát huy kết quả của trận đầu tiên đánh thắng I-ê-la-sích thậm chí bằng chỉ riêng lực lượng của đội quân trú bị đã chiến đấu ở Stun-vai-sen-buốc, là cũng đủ để tiếp hợp với nhân dân thành Viên và kìm hãm được trong sáu tháng mọi sự tập trung của quân đội áo. Trong chiến tranh và đặc biệt là trong chiến tranh cách mạng, quy tắc cơ bản là hành động nhanh chóng cho đến lúc giành được một thắng lợi quyết định và chúng ta không ngần ngại gì mà không khẳng định rằng vì những lý do thuần túy quân sự, Péc-txen đáng lẽ không nên dừng lại, chùng nào chưa thực hiện được việc tiếp hợp với nhân dân thành Viên. Chắc chắn rằng có thể gặp đôi điều nguy hiểm; nhưng thử hỏi có ai đã bao giờ đánh thắng một trận nào mà lại không gặp nguy hiểm? Và nhân dân thành Viên, với dân số 40 vạn người, khi họ thu hút về phía mình những lực lượng được dùng để đè bẹp 12 triệu người Hung-ga-ri, chẳng lẽ lại không có gì nguy hiểm chẳng? Sai lầm quân sự là ở chỗ người Hung-ga-ri đã giữ một quan điểm chờ thời khi quân áo chưa tập hợp lực lượng, rồi tổ chức cuộc thị uy yếu ớt ở Sơ-ve-khát, một cuộc thị uy đã dẫn tới một kết quả tự nhiên là thất bại nhục nhã, - sai lầm quân sự ấy thực ra còn mạo hiểm hơn là một cuộc tiến quân kiên quyết vào Viên để đánh những bầy quân đã rã rời của I-ê-la-sích.

Nhưng người ta còn nói rằng một cuộc tiến quân như vậy của người Hung-ga-ri mà không được một cơ quan chính quyền nào của Viên cho phép, sẽ có thể là một sự vi phạm lãnh thổ Đức và sẽ gây ra những rắc rối với chính quyền trung ương Phran-phuốc và như vậy là trước hết, sẽ có nghĩa là từ bỏ chính sách hợp pháp và hợp hiến, tức là cái chính sách làm thành sức mạnh phong trào của Hung-ga-ri. Nhưng những cơ quan chính quyền ở Viên không hơn gì con số không! Phải chăng Quốc hội hoặc các ủy ban dân chủ nào đó đã nổi dậy để bảo vệ nước Hung-ga-ri? Chẳng phải là chỉ có nhân dân thành Viên và duy nhất chỉ có họ là những người đã cầm vũ khí để chịu đựng cuộc tấn công đầu tiên trong cuộc đấu tranh vì nền độc lập của nước Hung-ga-ri đó sao? Vấn đề không phải là sự cần thiết phải giúp đỡ cơ quan chính quyền này hay cơ quan chính quyền khác ở Viên: tất cả những cơ quan ấy có thể và tất sẽ bị lật đổ nhanh chóng trong quá trình phát triển của cách mạng - không, vấn đề ở đây là sự phát triển của bản thân phong trào cách mạng và bước tiến không ngừng của phong trào quần chúng vì chỉ có những nhân tố ấy mới có thể cứu được nước Hung-ga-ri khỏi bị xâm lược. Còn về những hình thức sau này của phong trào cách mạng thì đó là công việc của chính dân thành Viên, chứ không phải là người Hung-ga-ri, chùng nào mà Viên và nói chung là miền áo thuộc Đức còn tiếp tục là bạn đồng minh của Hung-ga-ri trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung. Nhưng người ta có thể hỏi rằng: phải chăng nên coi ý đồ của Chính phủ Hung-ga-ri muốn đạt được cái gọi là sự chuẩn y hợp pháp là một triệu chứng rõ ràng đầu tiên của mưu toan hòng nấp sau một tính hợp pháp đáng ngờ, một tính hợp pháp, nếu không cứu được Hung-ga-ri thì ít ra vào một thời điểm sau này, cũng gây được ấn tượng tốt đối với công chúng tư sản Anh?

Còn về cái lý do cho là có thể gây ra những mâu thuẫn với chính quyền trung ương của Đức ở Phran-phuốc thì hoàn toàn không xác đáng. Các nhà chức trách ở Phran-phuốc, trên thực tế, đã bị thắng lợi của phe phản cách mạng ở Viên lật đổ rồi; và nếu như ở Viên, cách

mạng có được sự ủng hộ cần thiết để chiến thắng kẻ thù thì họ cũng bị lật đổ như thế rồi. Và sau cùng, cái lý do lớn cho rằng nước Hung-ga-ri không thể từ bỏ lập trường hợp pháp và hợp hiến thì có thể thỏa mãn phái mâu dịch tự do của nước Anh, nhưng sẽ không bao giờ được lịch sử xem là thỏa đáng cả. Hãy giả dụ rằng ngày 13 tháng Ba và 6 tháng Mười, nhân dân thành Viên cứ kiên trì những "phương pháp hợp pháp và hợp hiến" thì lúc đó phong trào "hợp pháp và hợp hiến" và tất cả những trận chiến đấu vinh quang làm cho thế giới văn minh lần đầu tiên chú ý tới nước Hung-ga-ri sẽ ra sao? Ngay cái cơ sở hợp pháp và hợp hiến ấy mà người Hung-ga-ri tuyên bố là mình giữ vững trong những năm 1848 và 1849 thì cũng là do cuộc nổi dậy bất hợp pháp và bất hợp hiến ngày 13 tháng Ba của nhân dân thành Viên giành được cho Hung-ga-ri. Ở đây, chúng tôi không có ý định nghiên cứu lịch sử cách mạng của Hung-ga-ri, nhưng chúng tôi thấy cần nhận thấy rằng thật là hoàn toàn không thích đáng nếu chỉ dùng những phương tiện đề kháng hợp pháp để đương đầu với một kẻ thù vẫn coi thường những hành động thận trọng như vậy, và chúng tôi cũng xin nói thêm rằng nếu không có cái ý muốn luôn luôn tôn trọng tính hợp pháp ấy mà Guéc-gây đã lợi dụng để chống lại Chính phủ Hung-ga-ri thì thái độ phục tùng của quân đội của Guéc-gây đối với chủ tướng của hắn và cái tai họa nhục nhã ở Vi-la-gốt[33*] đã không thể có được. Và sau cùng khi để cứu vãn danh dự, người Hung-ga-ri đã vượt qua sông Lây-ta vào những ngày cuối tháng Mười 1848, thì việc đó há chẳng phải cũng là bất hợp pháp như một trận tấn công tức thời và kiên quyết hay sao?

Như người ta biết, chúng tôi không hề có những tình cảm không thân thiện với nước Hung-ga-ri. Chúng tôi đã ủng hộ Hung-ga-ri trong khi Hung-ga-ri đang chiến đấu; chúng tôi có thể nói một cách chính đáng rằng tờ báo của chúng tôi, tờ "Neue Rheinische Zeitung"[34*] đã làm nhiều hơn mọi tờ báo khác để tuyên truyền trong nước Đức sự nghiệp của người Hung-ga-ri bằng một loạt bài, trong đó, chúng tôi đã giải thích tính chất của cuộc đấu tranh giữa các tộc Ma-gi-a và Xla-vơ và đã bình luận một cách có hệ thống cuộc chiến tranh của Hung-ga-ri, những bài báo ấy đã có vinh dự được người ta diễn đạt lại trong hầu hết những cuốn sách xuất bản sau này về vấn đề đó, kể cả những sách của những người Hung-ga-ri chính cống và "những người được chứng kiến tận mắt". Ngày nay, chúng tôi vẫn coi Hung-ga-ri là bạn đồng minh cần thiết và tự nhiên của Đức trong bất cứ một cuộc biến động nào sẽ xảy ra trên lục địa âu châu. Nhưng chúng tôi cũng khá nghiêm khắc đối với đồng bào của chúng tôi nên chúng tôi có quyền phát biểu thẳng thắn về những người lảng giềng của chúng tôi. Hơn nữa, chúng tôi còn có nhiệm vụ phải ghi lại ở đây những sự kiện, với thái độ không thiên vị của sử gia và chúng tôi phải tuyên bố rằng trong trường hợp đặc biệt ấy, lòng dũng cảm khảng khái của nhân dân thành Viên không những cao quý hơn mà cũng là sáng suốt hơn thái độ thận trọng dè dặt của Chính phủ Hung-ga-ri. Và với tư cách là người Đức, hãy cho phép chúng tôi nói thêm rằng chúng tôi sẽ không đem cuộc khởi nghĩa tự phát và độc lực đó, cuộc kháng chiến anh hùng đó của nhân dân thành Viên, đồng bào chúng tôi, cuộc kháng chiến mà nhờ nó người Hung-ga-ri đã có thì giờ tổ chức được một quân đội có thể hoàn thành sự nghiệp vĩ đại, để đổi lấy tất cả những chiến thắng rực rỡ và tất cả những trận đánh vinh quang của chiến dịch Hung-ga-ri.

Người bạn đồng minh thứ hai của Viên là nhân dân Đức. Nhưng ở khắp nơi, nhân dân Đức

cũng đều bị lôi cuốn vào cuộc chiến đấu như nhân dân thành Viên. Nhân dân Phran-phuốc, Ba-đen, Khuên vừa mới bị đánh bại và bị tước vũ khí. Ở Béc-lin và ở Brê-xláp^[1] nhân dân và quân đội đang gầm ghè nhau và ngày nào cũng có nguy cơ nổ ra xung đột công khai. Trong mỗi trung tâm địa phương của cuộc vận động, tình hình cũng như vậy. Khắp nơi, còn tồn tại nhiều vấn đề chỉ có thể giải quyết được bằng vũ lực; và lần đầu tiên, người ta cảm thấy một cách khắc nghiệt những hậu quả tai hại của tình trạng chia cắt và phân quyền đã kéo dài từ lâu của nước Đức. Thật ra thì những vấn đề nhiều vẻ khác nhau ở trong mỗi một bang, mỗi một tỉnh, mỗi một thành phố đều là một vấn đề như nhau, nhưng ở khắp nơi những vấn đề ấy lại được đặt ra dưới những hình thức và những hoàn cảnh khác nhau và ở vào những độ chín muồi khác nhau. Đâu đâu người ta cũng đều cảm thấy tính quyết định của những sự biến ở Viên, nhưng không ở đâu, người ta có thể đánh được một trận lớn với hy vọng cứu được nhân dân thành Viên hoặc đánh lạc hướng để giúp họ; như vậy là không ai có thể giúp đỡ họ được, ngoài nghị viện và chính quyền trung ương ở Phran-phuốc; vì thế mà từ mọi phía, người ta yêu cầu sự viện trợ của nghị viện và chính quyền trung ương; nhưng nghị viện và chính quyền ấy đã làm gì lúc bấy giờ?

Nghị viện Phran-phuốc và đứa con hoang mà nó đã ra đời sau mối quan hệ loạn luân với Quốc hội hiệp bang cũ, tức cái mà người ta gọi là chính quyền trung ương, đã lợi dụng phong trào ở Viên để trưng bày tính chất hoàn toàn vô dụng của nó. Cái Quốc hội ti tiện đó, như chúng ta đã thấy, đã hy sinh trình tiết của nó từ lâu, và mặc dù còn ở độ tuổi thanh xuân, nó đã bắt đầu có mái tóc hoa râm và đã thành thạo trong mọi mảnh khoe kiểu gái đi huênh hoang và xã giao giả dối. Những mộng tưởng và ảo tưởng về thế lực, về sự phục hưng và sự thống nhất của nước Đức mà nó hằng mong mỗi trong buổi đầu, chỉ còn là một mớ những câu sáo ảm ỉ của người To-tông hễ gặp dịp là được nhắc đi nhắc lại, và một lòng tin không gì lay chuyển nổi của mỗi nghị viên vào tầm quan trọng của cá nhân mình và vào tính cả tin khờ khạo của công chúng. Tính ngây thơ ban đầu đã mất; các đại biểu của nhân dân Đức đều đã trở thành những người có đầu óc thực tế; nghĩa là họ đã đi đến kết luận rằng họ càng ít hoạt động và càng ba hoa nhiều chừng nào thì địa vị trọng tài của họ đối với vận mệnh của nước Đức càng vững chắc chừng ấy. Điều đó không có nghĩa là họ cho rằng những cuộc họp hành của họ là thừa, mà hoàn toàn ngược lại. Nhưng họ đã phát hiện ra rằng tất cả những vấn đề thực sự lớn lao đều là lĩnh vực họ không được bén mảng đến, và tốt nhất là nên lần tránh đi; và thế là noi gương các nhà bác học ở Bi-dăng-xơ của Đế chế thời suy tàn, họ bắt đầu tranh luận, với một vẻ trịnh trọng và chuyên cần xứng đáng với số phận mà cuối cùng bọn họ phải gánh chịu, về những giáo điều lý luận đã được xác định từ lâu ở khắp các nơi trong thế giới văn minh, hay về những vấn đề thực tiễn nhỏ tới mức không bao giờ dẫn tới một kết quả thực tế nào. Như vậy là Quốc hội đã trở thành một thứ trường học ở Lan-kê-xơ^[35*] để cho các nghị viên dạy lẫn nhau và do đó mà thành rất quan trọng đối với họ, cho nên họ tin tưởng vững chắc rằng Quốc hội đã làm được nhiều hơn điều mà nhân dân Đức có quyền chờ đợi ở nó, và họ xem là phản quốc bất cứ ai dám tro tráo đòi Quốc hội phải đạt được một kết quả nào đó.

Khi cuộc khởi nghĩa ở Viên nổ ra, thì những lời chất vấn, những cuộc thảo luận, những đề nghị và những điểm bổ sung tuôn ra như thác, song tất nhiên là chẳng đi tới đâu cả. Chính

quyền trung ương phải can thiệp. Nó cử hai phái viên tới Viên, ông Ven-cơ, nguyên thuộc phái tự do chủ nghĩa, và ông Mô-xê. So với những kỳ công anh dũng và những hành động mạo hiểm kỳ lạ của hai hiệp sĩ lang thang này của công cuộc thống nhất nước Đức thì cuộc du hành của Đông Ki-sốt và của Xăng-sô Păng-xa có thể coi là câu chuyện ô-đi-xê thật sự. Không dám đi tới Viên, hai người bị Vin-đi-sơ-grét-xơ chửi mắng, được vị hoàng đế ngu xuẩn tiếp đón nhạt nhẽo và bị viên bộ trưởng Xta-đi-ôn lừa bịp một cách vô sỉ.

Những điện tín và báo cáo của họ có lẽ là cái phần duy nhất trong các biên bản của Phran-phuốc sẽ có địa vị trong văn học Đức; đó là một bộ tiểu thuyết châm biếm tuyệt diệu và là một văn bia sỉ nhục muôn đời cho Quốc hội Phran-phuốc và cho chính phủ của nó.

Phái tả của Quốc hội cũng gửi tới Viên hai phái viên: Phruê-ben và Rô-bóc Bli-um, với mục đích khẳng định uy quyền của mình. Khi nguy cơ tới gần thì Bli-um nhận định rất đúng rằng chính ở đây sẽ xảy ra cuộc chiến đấu quyết định của cách mạng Đức, rồi không ngần ngại, ông quyết định hy sinh tính mạng cho sự nghiệp ấy. Trái lại, Phruê-ben cho rằng nghĩa vụ của hắn là phải bảo toàn tính mạng mình để hoàn thành những nhiệm vụ trọng đại của chức vụ của hắn ở Phran-phuốc. Bli-um nổi tiếng là một trong những diễn giả hùng biện nhất của Quốc hội Phran-phuốc, chắc chắn rằng ông ta là người nổi tiếng hơn cả. Tài hùng biện của ông có lẽ không đáp ứng được yêu cầu của một nghị viện có kinh nghiệm, ông quá thích những lời văn hoa trống rỗng theo kiểu của các thầy giảng của giáo phái phân liệt ở Đức, còn lập luận của ông thì vừa thiếu tính triết lý sắc bén lại vừa thiếu kiến thức về thực tiễn. Về chính trị, ông thuộc "phái dân chủ ôn hòa", một phái mơ hồ, nhưng rất được tán thưởng, chính là vì thiếu tính dứt khoát trong những nguyên tắc của nó. Tuy vậy, Rô-bóc Bli-um, về bản chất, là một người bình dân chân chính, mặc dầu có hơi cao nhĩa, và trong những giờ phút quyết liệt, bản năng và nghị lực bình dân của ông đã thắng thái độ do dự và do đó thắng được những quan niệm và quan điểm chính trị mơ hồ của ông.

Trong những lúc như vậy, ông vượt hẳn lên trên khả năng thường ngày của ông. Vì thế cho nên khi tới Viên, ông hiểu ngay rằng vận mệnh của đất nước sẽ được quyết định ở đây, chứ không phải ở những cuộc thảo luận cao nhĩa ở Phran-phuốc. ông lập tức hạ quyết tâm, từ bỏ mọi ý nghĩ rút lui, nhận một chức chỉ huy trong quân đội cách mạng và tỏ ra gan dạ và kiên quyết lạ thường. Chính ông đã làm cho thủ đô chậm bị thất thủ trong một thời gian đáng kể, và bằng cách đốt cầu Ta-bo trên sông Đa-núp, ông đã bảo vệ một bên sườn của thủ đô khỏi bị tấn công. Mọi người đều biết rằng sau cuộc tấn công Viên, ông đã bị bắt, bị tòa án quân sự xử và bị bắn như thế nào. ông chết như một vị anh hùng. Còn Quốc hội Phran-phuốc mặc dù sợ chết khiếp, vẫn tiếp nhận sự sỉ nhục đẫm máu ấy với vẻ bình thản ra mặt. Nó biểu quyết một quyết nghị, và quyết nghị này, với giọng khoan hậu và khiêm nhường ngoại giao, là một sự sỉ nhục đối với nắm mồ của người liệt sĩ bị sát hại, hơn là một sự kết tội nước áo. Song tất nhiên là không thể trông mong cái Quốc hội đáng khinh bỉ ấy nổi cơn phẫn nộ trước việc một thành viên của nó bị sát hại, nhất là khi thành viên ấy lại là một lãnh tụ của phái tả.

Luân Đôn, tháng Ba 1852

Chú thích

[1] - Tên gọi bằng tiếng Ba Lan là Vrót-xláp

XIII.Hội nghị lập hiến Phổ. Quốc hội

Ngày 17 tháng 04 năm 1852

Ngày 1 tháng Mười một, Viên thất thủ và ngày mùng 9 cũng tháng ấy, việc giải tán Quốc hội lập hiến ở Béc-lin đã chứng tỏ rằng sự biến ấy đã làm sống lại tinh thần và lực lượng của phái phản cách mạng trong toàn nước Đức đến thế nào.

Nếu kể lại những sự biến vào mùa hè năm 1848 ở Phổ thì chẳng có gì nhiều.

Quốc hội lập hiến, hay nói cho đúng hơn, là "Quốc hội được bầu ra để thỏa thuận với nhà vua về một hiến pháp", và đa số của nó gồm những đại biểu của giai cấp tư sản, đã mất tín nhiệm từ lâu đối với xã hội, vì nó đã câu kết với triều đình để tiến hành mọi âm mưu, do sợ những phần tử kiên quyết hơn trong dân chúng. Nó đã xác nhận, hay nói cho đúng hơn, đã khôi phục những đặc quyền đáng ghét của chế độ phong kiến và như vậy đã phản bội lại nền tự do và lợi ích của nông dân. Nó đã tỏ ra không có khả năng xây dựng được một hiến pháp hoặc sửa đổi được một chút nào pháp chế chung. Hầu như nó chỉ chú ý tới những định nghĩa tẻ nhạt về lý luận, những hình thức thuần túy và những vấn đề nghi thức hiến pháp. Thật ra nó là một trường học về savoir vivre[1] ở nghị trường cho các thành viên của nó, hơn là một cơ quan có thể đáp ứng được, trong một chừng mực nào đó, lợi ích của nhân dân. Ngoài ra, trong Quốc hội không có một đa số đôi chút ổn định nào, mà ưu thế hầu như bao giờ cũng phụ thuộc vào phái "trung tâm" hay ngả nghiêng, tức là phái mà thái độ ngả nghiêng từ hữu sang tả hay từ tả sang hữu đã lật đổ trước hết nội các Cam-pơ-hau-den rồi đến nội các Au-ơ-xvan - Han-dơ-man. Nhưng trong khi phái tự do chủ nghĩa, ở đây cũng như ở khắp các nơi khác, đã bỏ lỡ thời cơ thì triều đình đã tổ chức lại lực lượng của mình bao gồm giai cấp quý tộc và bộ phận lạc hậu nhất của dân cư nông thôn, cũng như quân đội và bộ máy quan lại. Sau khi Han-dơ-man bị lật đổ, một nội các gồm những quan lại và võ quan được thành lập, tất cả đều là những tay phản động ngoan cố nhưng lại làm ra vẻ sẵn sàng coi trọng yêu sách của Quốc hội. Và Quốc hội trong khi áp dụng cái nguyên tắc tiện lợi là: "điều quan trọng là biện pháp chứ không phải là con người", thì đã mắc lừa đến mức đã hoan nghênh nội các ấy mà không chú ý gì đến việc chính nội các ấy đang tiến hành khá công khai việc tập trung và tổ chức những lực lượng phản cách mạng. Sau cùng, khi thấy Viên thất thủ, nhà vua liền đuổi các bộ trưởng đi và thay bằng những "con người hành động" dưới sự lãnh đạo của thủ tướng hiện thời là Man-toi-phen. Thế là cái Quốc hội mê ngủ ấy bỗng mở mắt ra đã thấy nguy cơ trước mắt. Nó biểu quyết không tín nhiệm nội các, nhưng nội các tức khắc trả lời bằng một sắc lệnh chuyển Quốc hội từ Béc-lin - vì ở Béc-lin, Quốc hội có thể trông vào sự ủng hộ của quần chúng một khi xảy ra xung đột - đến Bran-đen-buốc, một thành phố nhỏ hoàn toàn đặt dưới quyền lực của chính phủ. Nhưng Quốc hội lại tuyên bố rằng nó không thể bị đình chỉ, bị di chuyển hay bị giải tán nếu bản thân nó không đồng ý. Trong lúc đó, tướng Vran-ghen tiến vào Béc-lin với chừng 4 vạn quân. Trong một cuộc hội họp của các nhà chức trách của thành phố và các sĩ quan đội cận vệ quốc gia, người ta đã quyết định không kháng cự gì hết. Và giờ đây, sau khi Quốc hội và giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, kẻ đã sản sinh ra nó, đã cho phép các lực lượng liên minh của phe phản cách mạng chiếm mọi vị trí quan trọng và tước hầu hết mọi phương tiện phòng ngự, thì bắt đầu tấn đại hài kịch "kháng cự thụ động trong khuôn khổ hợp pháp" mà trong tư tưởng, họ vẫn coi là một sự bất chước một cách vinh quang tấm gương của Hem-pơ-đen

và của những hành động đầu tiên của người Mỹ trong cuộc chiến tranh giành độc lập[36*]. Béc-lin bị tuyên bố thiết quân luật, nhưng Béc-lin vẫn yên tĩnh; đội cận vệ quốc gia bị chính phủ giải tán và nó giao nộp vũ khí một cách rất đúng đắn. Trong vòng hai tuần, Quốc hội bị đuổi từ địa điểm hội họp này sang địa điểm hội họp khác và ở đâu cũng bị quân đội giải tán; thế nhưng các nghị viên vẫn kêu gọi nhân dân hãy giữ thái độ bình tĩnh. Sau cùng, khi chính phủ tuyên bố giải tán Quốc hội thì Quốc hội biểu quyết một nghị quyết tuyên bố việc đánh thuế là bất hợp pháp, và các nghị viên phân tán đi các nơi để tổ chức việc chống thuế. Nhưng chẳng bao lâu, họ thấy rằng họ đã làm to khi lựa chọn phương sách hành động. Sau mấy tuần lễ xáo động và tiếp theo đó là những biện pháp nghiêm khắc của chính phủ chống phe đối lập, mọi người đều từ bỏ ý định chống thuế để làm vừa lòng một Quốc hội đã chết và thậm chí không có gan tự vệ.

Vào đầu tháng Mười một 1848, phải chăng đã quá muộn không thể tiến hành một cuộc kháng cự vũ trang? hay là ngược lại, một bộ phận quân đội, khi gặp một sự phản kháng nghiêm trọng, liệu có đứng về phía Quốc hội và như vậy nó sẽ quyết định tình thế có lợi cho Quốc hội chăng? Vấn đề đó có lẽ sẽ không bao giờ có thể giải đáp được. Nhưng trong cách mạng cũng như trong chiến tranh, bao giờ cũng cần phải dũng cảm đương đầu với kẻ thù và kẻ tấn công thì bao giờ cũng chiếm được lợi thế hơn; trong cách mạng cũng như trong chiến tranh, điều hết sức tất yếu là dám hành động trong giờ phút quyết định, vô luận may rủi thế nào. Trong lịch sử, không có cuộc cách mạng thành công nào mà lại không chứng minh tính chân lý của những nguyên lý ấy. Đối với cuộc cách mạng Phổ, giờ phút quyết định là tháng Mười một 1848; Quốc hội lập hiến Phổ, kẻ chính thức đứng đầu toàn bộ phong trào cách mạng đã không đương đầu với kẻ thù mà lùi bước trước mỗi trận tấn công của kẻ thù; nó có khả năng ít tấn công hơn nữa vì thậm chí nó còn cho rằng không cần phải phòng thủ; và khi đến giờ phút quyết định, khi mà Vran-ghen dẫn 4 vạn quân đến cửa ngõ Béc-lin thì không đúng như hấn và sĩ quan của hấn đã tính trước là nhất định sẽ thấy các phố xá lờm chờm những chướng lũy và các cửa sổ biến thành những lỗ châu mai, mà lại thấy cửa thành rộng mở và phố xá chỉ bị tắc nghẽn bởi những thị dân hòa bình của Béc-lin, họ lấy làm thích thú về cái trò đùa vừa mới chơi cho Vran-ghen, bằng cách tự trói tay chân nộp mình cho bọn lính sừng sốt. Thực ra nếu Quốc hội và nhân dân kháng cự thì họ có thể sẽ bị đánh bại, Béc-lin có thể bị bắn phá và hàng trăm người có thể chết mà vẫn không ngăn nổi chiến thắng cuối cùng của đảng bảo hoàng.

Dù sao đây cũng không phải là lý do để cho họ hạ khí giới ngay tức khắc. Một thất bại sau một cuộc chiến đấu ngoan cường là một sự kiện có ý nghĩa cách mạng ngang với một thắng lợi dễ dàng. Những thất bại của Pa-ri trong tháng Sáu 1848 và của Viên trong tháng Mười 1848, dù sao, cũng đã cách mạng hóa tinh thần của nhân dân ở hai thành phố ấy hơn là những chiến thắng tháng Hai và tháng Ba. Quốc hội lập hiến và nhân dân Béc-lin có thể cũng đã phải chịu số phận như số phận của hai thành phố trên, nhưng họ sẽ ngã xuống một cách vẻ vang và để lại trong ký ức của những người còn sống một ý chí phục thù, mà vào những thời kỳ cách mạng nó sẽ là một trong những nhân tố mạnh mẽ nhất kích thích hoạt động kiên quyết và say sưa. Lẽ tự nhiên là trong mỗi cuộc chiến đấu, kẻ nhận ứng chiến có thể bị đánh bại; nhưng liệu đấy có phải là lý do để nhận thất bại ngay từ đầu và đầu hàng trước khi đo kiếm hay không?

Trong cách mạng, kẻ nào chiếm lĩnh vị trí quyết định mà lại nộp nó cho kẻ thù chứ không buộc kẻ thù phải xung phong đánh chiếm thì kẻ đó luôn luôn đáng phải coi là kẻ phản bội.

Cũng chính cái sắc lệnh của vua Phổ giải tán Quốc hội lập hiến ấy đã công bố cả hiến pháp mới, dựa trên dự án do một ủy ban của chính Quốc hội lập hiến ấy thảo ra. Nhưng bản hiến pháp này, trên một số điểm, mở rộng quyền hạn của nhà vua, và trên một số điểm khác, lại xét lại quyền lực của nghị viện. Hiến pháp này lập ra hai viện, hai viện này sẽ phải họp ngay sau đó để bàn và phê chuẩn hiến pháp.

Chúng ta chẳng cần hỏi xem Quốc hội Đức ở đâu trong thời gian cuộc đấu tranh "hợp pháp và hòa bình" của những phần tử lập hiến Phổ. Cũng như thường ngày, nó vẫn ở Phran-phuốc và còn mãi biểu quyết những nghị quyết rất ngắn gọn chống những thủ đoạn của Chính phủ Phổ tán thường "cái quang cảnh hùng vĩ của sự kháng cự thụ động, hợp pháp và nhất trí của cả một dân tộc, chống lại bạo lực". Chính phủ trung ương cử phái viên đến Béc-lin để thương lượng giữa nội các và Quốc hội; nhưng họ cũng chịu chung số phận của những người đã đi trước họ ở ôn-muýt-xơ và họ bị xua đi một cách lịch sự. Phái tử của Quốc hội, cái gọi là đảng cấp tiến, cũng cử những phái viên của nó đến; nhưng những phái viên này, sau khi đã thấy rõ sự bất lực hoàn toàn của Quốc hội của Béc-lin và thú nhận sự bất lực của bản thân mình, đã trở về Phran-phuốc để báo cáo kết quả và để làm nhân chứng cho thái độ hòa bình tuyệt diệu của dân cư Béc-lin. Hơn thế nữa, khi ngài Bát-xơ-man, một trong những phái viên của chính phủ trung ương, đã cho biết rằng những biện pháp nghiêm khắc mới đây của các bộ trưởng Phổ được thông qua không phải là không có căn cứ, vì thời gian gần đây người ta thường thấy có nhiều người mặt mũi hung dữ lảng vảng trong các phố ở Béc-lin, như vẫn thường thấy trước khi nổ ra những phong trào vô chính phủ (từ đó người ta gọi những người này là "những người kiểu Bát-xơ-man"), thì những nghị viên phái tử đáng kính ấy và những người kiên quyết bảo vệ cách mạng ấy, thấy cần phải đứng lên làm nhân chứng để thề rằng không có chuyện đó. Thế là trong vòng không đầy hai tháng, Quốc hội Phran-phuốc đã tỏ ra rõ ràng là hoàn toàn bất lực. Không còn bằng chứng nào rõ rệt hơn thế để chứng tỏ rằng cơ quan ấy là hoàn toàn không xứng với nhiệm vụ của nó mà thậm chí hoàn toàn không hiểu nhiệm vụ của mình là gì. Chỉ cái việc là ở Viên cũng như Béc-lin, người ta quyết định số phận của cách mạng, là ở hai thủ đô ấy, người ta giải quyết những vấn đề quan trọng nhất, sinh tử nhất, mà không bao giờ thêm đếm xỉa đến Quốc hội Phran-phuốc, - chỉ một việc ấy cũng đủ khẳng định rằng cơ quan ấy chỉ đơn thuần là một câu lạc bộ tranh luận suông, gồm một đám những kẻ ngớ ngẩn đã tự để cho chính phủ sử dụng mình như những con rối ở nghị trường mà người ta biểu diễn để mua vui cho các ngài tiểu thương và thợ thủ công ở các bang nhỏ và các thành thị nhỏ, chừng nào các chính phủ còn thấy cần thiết phải đánh lạc hướng sự chú ý của những công chúng này. Sau đây, chúng ta sẽ thấy cái việc ấy được coi là hữu ích trong bao lâu. Nhưng có một điều đáng chú ý là trong tất cả những người "lỗi lạc" của Quốc hội ấy, không có lấy một ai biết chút gì về vai trò mà người ta bắt họ phải đóng, và cho đến tận bây giờ, những cựu hội viên của cái câu lạc bộ Phran-phuốc ấy vẫn có những cơ quan cảm giác riêng của họ để nhận thức những sự kiện lịch sử.

Chú thích

[1] - Cách xã giao

XIV. Việc khôi phục lại trật tự. Quốc hội Đức và các nghị viện **Ngày 24 tháng 04 năm 1852**

Những tháng đầu năm 1849 đã được các Chính phủ áo và Phổ dùng để thu hoạch những kết quả của những thắng lợi đã giành được vào tháng Mười và Mười một 1848. Từ ngày Viên thất thủ, Quốc hội áo chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa ở Crêm-gi-ơ[1], một thị trấn nông thôn nhỏ ở Mô-ra-vi. Ở đây, những nghị viên Xla-vơ, cùng với những cử tri của họ, là công cụ chủ yếu giúp cho Chính phủ áo thoát khỏi tình trạng bất lực hoàn toàn, đã bị trừng phạt một cách khác thường về hành động phản bội của họ đối với cách mạng châu Âu. Vừa mới khôi phục được lực lượng của mình, chính phủ liền tỏ thái độ hoàn toàn khinh bỉ Quốc hội và đa số Xla-vơ của nó, và khi những thắng lợi đầu tiên của quân đội nhà vua đã làm cho người ta thấy rằng chiến tranh ở Hung-ga-ri sẽ kết thúc nhanh chóng thì ngày 4 tháng Ba, chính phủ giải tán Quốc hội và dùng vũ lực để giải tán các nghị viện. Lúc đó, những người Xla-vơ mới nhận thấy rằng họ đã bị lừa và họ tuyên bố: "Chúng ta hãy đi Phran-phước và ở đó, chúng ta tiếp tục hoạt động đối lập mà chúng ta không thể thực hiện được ở đây!" Nhưng đã quá muộn, và chỉ riêng việc họ không còn con đường nào khác hơn là chịu nằm yên hoặc tham gia cái Quốc hội bất lực ở Phran-phước, - chỉ riêng việc đó cũng đủ chứng tỏ rằng họ đã hoàn toàn bất lực.

Như vậy là từ nay và có lẽ là vĩnh viễn, đã chấm dứt những mưu đồ của những người Xla-vơ ở Đức nhằm khôi phục độc lập dân tộc. Là những tàn dư tàn mạt của nhiều dân tộc mà dân tộc tính và sinh khí chính trị của họ đều đã bị bóp nghẹt từ lâu, và do đó là trong gần nghìn năm, họ buộc phải theo gót một dân tộc mạnh hơn đã chinh phục họ, chẳng khác gì người Van-li-xơ ở Anh, người Ba-xơ ở Tây Ban Nha, người Hạ Brê-tông-xơ ở Pháp, và gần đây hơn người lai Tây Ban Nha và Pháp ở những vùng thuộc miền bắc châu Mỹ vừa mới bị người Anh - Mỹ chiếm cứ; các dân tộc hấp hối ấy, người Bô-hêm, người Ca-rin-ti, người Đan-ma-xi, v.v., đã toan lợi dụng tình trạng hỗn loạn khắp nơi trong năm 1848 để khôi phục cái status quo chính trị của năm 800 sau công nguyên của họ. Lịch sử một ngàn năm đáng lẽ phải chỉ cho họ thấy rằng không thể thụt lùi như vậy được; rằng nếu toàn bộ lãnh thổ phía đông sông En-bơ và sông Da-le xưa kia đã do những dân tộc thuộc dòng giống Xla-vơ chiếm cứ, thì sự kiện đó chỉ chứng minh cho cái xu thế lịch sử, đồng thời cho cái sức mạnh thể chất và tinh thần của dân tộc Đức nhằm chinh phục, thôn tính và đồng hóa những người láng giềng cũ ở phương Đông của họ; nó cũng chứng minh rằng cái xu thế thôn tính đó của người Đức, xưa kia cũng như hiện nay, vẫn là một trong những phương pháp mạnh mẽ nhất để truyền bá văn minh Tây Âu sang Đông Âu; rằng xu thế ấy chỉ có thể dừng lại khi quá trình Giéc-manh hóa đã vươn đến những biên giới của các dân tộc lớn, đoàn kết nhất trí, có khả năng sống một đời sống dân tộc độc lập, như người Hung-ga-ri và trong một chừng mực nào đó, như người Ba Lan; rằng do đó số phận tự nhiên và không tránh khỏi của các dân tộc hấp hối ấy là bị những người láng giềng mạnh hơn làm cho tan rã và đồng hóa. Chắc chắn rằng đó là một triển vọng tốt đẹp đối với tham vọng dân tộc chủ nghĩa của

những phần tử mơ mộng đại Xla-vơ chủ nghĩa đã từng vận động được một bộ phận người Séc và người Xla-vơ phương Nam. Nhưng liệu họ có thể hy vọng rằng lịch sử sẽ lùi lại một ngàn năm để làm vừa lòng mấy nhóm người đang tiêu vong và đều sống lẫn với những người Đức và giữa những người Đức, trên bất kỳ phần lãnh thổ nào họ đang ở; những nhóm người này, từ bao đời nay, đã không có một ngôn ngữ nào khác, cho tất cả đời sống văn hóa của họ, ngoài tiếng Đức, và thiếu hẳn những điều kiện tiên quyết của một đời sống dân tộc là: số lượng dân cư đông hơn và một lãnh thổ thống nhất? Chính vì thế mà ở khắp mọi nơi, làn sóng đại Xla-vơ chủ nghĩa - ở trên các lãnh thổ Xla-vơ ở Đức và ở Hung-ga-ri, nó đang che giấu cái khuynh hướng khôi phục độc lập của những dân tộc nhỏ bé nhiều vô kể ấy xung đột với các phong trào cách mạng châu Âu; mặc dầu những người Xla-vơ chủ trương chiến đấu cho tự do, nhưng họ (chỉ trừ bộ phận dân chủ của người Ba Lan) đều luôn luôn đứng về phía chế độ chuyên chế và phe phản động. Đó là trường hợp ở Đức, ở Hung-ga-ri và thậm chí ở vài nơi trong nước Thổ Nhĩ Kỳ nữa. Phản bội sự nghiệp nhân dân, là những kẻ bảo vệ và chỗ dựa chủ yếu của những hoạt động âm mưu của Chính phủ Áo, họ đã tự khai trừ ra khỏi hàng ngũ các dân tộc cách mạng. Và mặc dầu, ở bất cứ chỗ nào, quần chúng nhân dân Xla-vơ, do quá ư dốt nát, đều đã dính vào những chuyện phân tranh nhỏ mọn mà những thủ lĩnh đại Xla-vơ chủ nghĩa gây ra về vấn đề dân tộc, nhưng người ta vẫn không bao giờ có thể quên rằng ở Pra-ha, một thành phố nửa Đức, có những đám người cuồng tín Xla-vơ chủ nghĩa đã hoan nghênh và lặp lại lời hò hét: "Thà làm nô lệ của Nga còn hơn là người tự do của Đức". Sau khi âm mưu đầu tiên của họ năm 1848 bị thất bại, và sau khi Chính phủ Áo đã cho họ một bài học thì chắc chắn là dù có cơ hội đi nữa, sau này họ cũng không còn dám thí nghiệm một lần nữa. Nhưng trong trường hợp mà với những lý do tương tự, họ lại mưu tính liên minh với lực lượng phản cách mạng một lần nữa thì nhiệm vụ của nước Đức đã rõ ràng. Không một nước nào đang ở trong tình thế cách mạng và đang có chiến tranh với nước ngoài, lại có thể để cho có một tỉnh Van-đây ở ngay trong nội bộ.

Về bản hiến pháp mà hoàng đế [\[2\]](#) đã tuyên bố đồng thời với việc giải tán Quốc hội thì không cần phải nói đến nữa, vì thực ra nó không bao giờ được đem thi hành và hiện đã hoàn toàn bị xóa bỏ. Ngay từ ngày 4 tháng Ba 1849, chế độ chuyên chế đã hoàn toàn được khôi phục về mọi phương diện ở Áo.

Ở Phổ, các nghị viện cũng họp vào tháng Hai để xét và phê chuẩn bản hiến pháp mới do nhà vua ban. Các nghị viện họp trong khoảng sáu tuần, tỏ ra khá hiền lành và dễ bảo đối với chính phủ, nhưng không hoàn toàn sẵn sàng làm theo mọi ý muốn của nhà vua và của các bộ trưởng. Bởi thế, gặp dịp thuận tiện đầu tiên, là các nghị viện ấy liền bị giải tán.

Thế là Áo và Đức tạm thời thoát khỏi những trở ngại gây ra bởi sự kiểm soát của nghị viện. Từ nay, các chính phủ ấy đều tập trung mọi quyền hành trong tay và có thể sử dụng quyền hành ấy ở bất cứ nơi nào cần thiết; Áo thì chống Hung-ga-ri và I-ta-li-a; Phổ thì chống Đức. Vì Phổ cũng chuẩn bị một chiến dịch để khôi phục "trật tự" ở các bang nhỏ.

Thế lực phản cách mạng đã thắng ở hai trung tâm lớn của phong trào cách mạng ở Đức, tức là Viên và Béc-lin, cho nên chỉ còn lại các bang nhỏ ở đó cuộc đấu tranh còn chưa ngã

ngũ, mặc dầu ở đó, cán cân cũng ngày càng nghiêng về phía bất lợi cho cách mạng. Như chúng tôi đã nói, các bang nhỏ ấy đã có được một trung tâm chung là Quốc hội Phran-phuốc. Thế nhưng cái Quốc hội hữu danh vô thực ấy mặc dầu tính chất phản động của nó từ lâu đã biểu lộ ra rõ rệt đến nỗi chính nhân dân Phran-phuốc cũng đã đứng lên cầm vũ khí chống lại nó, cũng vẫn có một nguồn gốc ít nhiều cách mạng. Vào tháng giêng, Quốc hội này đã có một thái độ cách mạng thật bất thường đối với nó. Quyền hạn của nó không bao giờ được xác định, nhưng cuối cùng nó đã quyết định, đành rằng quyết định ấy không bao giờ được các bang lớn công nhận, là mọi nghị quyết của nó đều có hiệu lực của pháp luật. Trong tình hình như vậy và do chỗ đảng quân chủ lập hiến thấy mình không còn vị trí cũ nữa vì các chế độ chuyên chế đã ngóc đầu dậy thì không có gì đáng ngạc nhiên rằng giai cấp tư sản quân chủ, tự do chủ nghĩa ở hầu khắp nước Đức đã đặt hy vọng cuối cùng của nó vào đa số của Quốc hội ấy, đồng thời giai cấp tiểu tư sản, hạt nhân của đảng dân chủ, trước tai họa càng ngày càng tăng thêm đối với nó, cũng siết chặt hàng ngũ xung quanh thiểu số của Quốc hội ấy, cái thiểu số đã thực sự trở thành đội quân đại nghị cuối cùng và cố kết của phái dân chủ. Mặt khác, chính phủ các bang lớn hơn và đặc biệt là Chính phủ Phổ ngày càng nhận thấy rằng một cơ quan được bầu ra một cách không đúng quy tắc như vậy và chế độ quân chủ vừa được khôi phục lại ở Đức là không thể dung hòa được với nhau; và nếu các chính phủ ấy chưa dùng vũ lực để giải tán tức khắc cơ quan đó thì chỉ là vì thời cơ để làm việc đó chưa tới và vì nước Phổ còn muốn dùng nó để đẩy mạnh thêm những mưu đồ tham lam của mình.

Trong khi đó, cái Quốc hội đáng thương ấy rơi vào một tình trạng hỗn loạn ngày càng tăng. ở Viên và ở Béc-lin, người ta đã đối xử với những đoàn đại biểu và những phái viên của nó một cách hết sức khinh bỉ; một trong những thành viên của nó^[3], mặc dầu có quyền bất khả xâm phạm của nghị viện, đã bị xử tử ở Viên như một kẻ phản nghịch đơn thuần. Không ở đâu người ta chú ý tới những sắc lệnh của nó. Và nếu các nước lớn hơn, nói chung có nhớ tới những sắc lệnh ấy thì cũng chỉ là trong các thông điệp phản kháng, trong đó không thừa nhận quyền của Quốc hội được biểu quyết những đạo luật và sắc lệnh trói buộc các chính phủ của họ. Cơ quan đại diện cho Quốc hội, tức quyền hành pháp trung ương, bị cuốn vào những cuộc tranh chấp ngoại giao với hầu hết các nội các ở Đức, và mặc dầu hết sức cố gắng, cả Quốc hội lẫn chính phủ trung ương cuối cùng đều không thể buộc được Áo và Phổ phải trình bày dứt khoát những ý định, những kế hoạch và những yêu sách của họ. Cuối cùng, Quốc hội ít ra cũng đã bắt đầu nhận thấy rằng nó đã để mọi quyền hành lọt khỏi tay mình, đã hoàn toàn phụ thuộc vào Áo và Phổ và nhất là nếu nó thực sự có ý định tặng cho nước Đức một bản hiến pháp của cả hiệp bang, thì nó phải bắt tay hành động ngay tức khắc và thật nghiêm túc. Và rất nhiều nghị viên dao động của nó cũng đã nhận rõ rằng họ đã để cho các chính phủ lừa họ một cách rất tài tình. Nhưng đã bắt lực thì liệu họ có khả năng làm được gì bây giờ? Điều duy nhất có thể cứu họ, là cương quyết và nhanh chóng đứng về phía nhân dân; nhưng như vậy cũng chắc gì đã thành công. Trong cái đám người bất lực ấy gồm những phần tử lừng chừ, thiếu cặn và tự phụ, hoàn toàn hoang mang trước sự huyền ảo của những tin tức trái ngược nhau và của những thông điệp ngoại giao, chỉ biết lấy cái niềm tin luôn luôn được lặp lại rằng chính mình là những người ưu tú nhất, vĩ đại nhất, khôn ngoan nhất của dân tộc và là những người duy nhất có khả năng cứu được nước

Đức làm niềm an ủi duy nhất và làm chỗ dựa của mình, thì liệu người ta có tìm được những người chân chính hay không? Và liệu trong cái đám người đáng thương ấy mà chỉ mới một năm đời sống nghị trường đã biến họ thành những kẻ hoàn toàn ngu xuẩn, thì người ta có thể tìm ra được những người có khả năng quyết định nhanh chóng và dứt khoát hay không, chứ chưa nói gì đến có hành động kiên quyết và bền bỉ?

Cuối cùng Chính phủ áo đã vứt bỏ mặt nạ của mình đi. Trong hiến pháp ngày 4 tháng Ba của mình, nó tuyên bố áo là một nước quân chủ không thể phân chia, có nền tài chính chung, chế độ thuế quan và những thiết chế quân sự thống nhất, do đó gạt bỏ mọi hàng rào ngăn cách và mọi sự phân biệt giữa các tỉnh Đức và các tỉnh không phải Đức. Lời tuyên bố ấy là trái hẳn với những nghị quyết và các điều khoản của bản hiến pháp hiệp bang mà Quốc hội Phran-phuốc đã thông qua. Áo đã thách thức nó, và cái Quốc hội đáng thương ấy không còn con đường nào khác là nhận sự thách thức ấy. Nó làm việc đó một cách rất âm ỉ, nhưng nước áo biết rõ lực lượng của mình, biết rõ Quốc hội là hoàn toàn bất lực nên cứ mặc kệ. Và cái cơ quan đại biểu quý báu ấy của nhân dân Đức, như nó tự xưng như vậy, không có cách nào khác để trả thù việc nước áo làm nhục mình, là tự trói cả tay chân quỳ mọp trước Chính phủ Phổ. Thật rất khó tin, nhưng nó đã quỳ mọp trước những bộ trưởng mà chính nó đã chửi là phản lại hiến pháp và là kẻ thù của nhân dân, mà chính nó trước kia đã đòi tống cổ đi nhưng không được. Những chi tiết về sự hòa giải đáng xấu hổ ấy và những sự kiện bi hài tiếp sau đó, sẽ là đề tài của bài báo sắp tới của chúng tôi.

Luân Đôn, tháng Tư 1852

Chú thích

[1] - Tên gọi bằng tiếng Séc là Crô-méc-gi-giơ

[2] - Phran-txơ - I-ô-xíp I

[3] - Rô-bóc Bli-um

XV.Thắng lợi của nước Phổ **Ngày 27 tháng 07 năm 1852**

Bây giờ là đến chương cuối cùng của lịch sử cách mạng Đức: cuộc xung đột giữa Quốc hội với các chính phủ các bang, nhất là với Chính phủ Phổ; cuộc khởi nghĩa ở miền Nam và miền Tây nước Đức, và việc cuộc khởi nghĩa đó cuối cùng bị nước Phổ hoàn toàn đè bẹp.

Chúng ta đã thấy Quốc hội Phran-phuốc hành động. Chúng ta đã thấy nó bị áo đá, bị Phổ chửi, bị các tiểu bang không phục tùng, bị ngay cái "chính phủ" trung ương bất lực của nó lừa, mà chính phủ này lại bị tất cả các quốc vương trong nước, không trừ một ai, nắm mũi dất đi. Rốt cuộc, tình thế trở nên hoàn toàn nguy hiểm đối với cái cơ quan lập pháp yếu đuối, dao động và vô vị ấy. Nó buộc phải đi tới kết luận rằng: "Việc thực hiện cái tư tưởng cao cả là thống nhất nước Đức đã bị đe dọa"; điều ấy chẳng qua chỉ có nghĩa là Quốc hội Phran-phuốc và tất cả những gì nó đã làm và dự định làm sắp tan thành mây khói. Vì thế, nó nghiêm túc bắt tay vào việc để hoàn thành thật nhanh chóng cái công trình lớn lao của nó: bản "hiến pháp của đế chế".

Tuy nhiên còn có một khó khăn. Nên có một cơ quan hành pháp thuộc loại nào? Một ủy ban chấp hành chẳng? Không được: với trí khôn ngoan tuyệt vời của họ thì như thế là làm cho nước Đức biến thành một nước cộng hòa. Một "tổng thống" chẳng? Thì cũng lại là như thế. Vậy thì phải làm sống lại danh hiệu hoàng đế cũ. Nhưng một quốc vương sẽ lên làm hoàng đế, vậy thì ai? Chắc chắn không phải là một trong những dii minorum gentium^[1] kể từ quốc vương Rây-xơ - Grây-xơ - Slây-xơ - Lô-ben-stanh - E-béc-sđóp cho đến quốc vương Ba-vi-e; không bao giờ áo và Phổ lại dung thứ điều ấy. Như vậy chỉ có thể là áo hoặc Phổ. Nhưng trong hai quốc vương ấy thì là ai? Chắc chắn là trong những hoàn cảnh thuận lợi hơn, cái Quốc hội đáng kính ấy có lẽ đến bây giờ vẫn còn họp để thảo luận vấn đề lưỡng nan quan trọng ấy vì nó không thể đi đến kết luận gì được, nếu Chính phủ áo không gỡ cái mối bòng bong và giúp cho nó thoát khỏi lúng túng.

Nước áo biết rõ rằng khi đã khuất phục được tất cả các tỉnh, nó lại có thể xuất hiện trước châu âu như một cường quốc châu âu hùng mạnh thì cái định luật của trọng lực chính trị tự nó sẽ thu hút phần còn lại của nước Đức vào quỹ đạo của nó, không cần phải có cái uy quyền của ngôi hoàng đế mà Quốc hội Phran-phuốc sẽ mang lại cho nó. Nước áo đã mạnh hơn nhiều, tự do hành động hơn từ khi nó vứt bỏ được cái ngôi hoàng đế bất lực và mỏng manh của các hoàng đế Đức, cái ngôi đã làm trở ngại chính sách độc lập của riêng bản thân nó, mà không làm cho lực lượng của nó tăng thêm được chút nào ở trong cũng như ở ngoài nước Đức. Và giả sử rằng áo bất lực không duy trì được vị trí của mình ở I-ta-li-a và Hung-ga-ri, thì trong trường hợp ấy, nó cũng sẽ mất hết uy quyền của nó cả ở Đức và không bao giờ lại có thể đòi hỏi một lần nữa cái ngôi vua mà nó đã để tuột khỏi tay nó khi lực lượng của nó còn đang đầy đủ nhất. Vì vậy nước áo đã tuyên bố dứt khoát chống lại mọi sự phục tịch chế độ nhà vua; nó yêu cầu thẳng thừng là khôi phục lại Quốc hội hiệp bang, tức cái chính phủ trung ương duy nhất của Đức mà các hiệp ước 1815 nói tới và thừa nhận. Và ngày 4 tháng Ba 1849, nó ban hành một bản hiến pháp nhằm tuyên bố nước áo là một nước quân chủ không thể phân chia, theo chế độ trung ương tập quyền và độc lập, hoàn toàn tách biệt khỏi cái nước Đức mà Quốc hội Phran-phuốc cần phải cải tổ lại.

Trên thực tế, bản tuyên chiến công khai ấy đã khiến những nhà thông thái ở Phran-phuốc không còn sự lựa chọn nào khác là khai trừ nước áo ra khỏi Đức và biến phần còn lại của Đức thành một thứ Đế chế kiểu Đông La Mã, một "nước Đức nhỏ" mà chiếc áo hoàng đế, đã sòn, sẽ được khoác lên vai quốc vương Phổ. Chúng tôi xin nhắc lại rằng đây chính là việc làm sống lại một dự án cũ mà sáu hoặc tám năm trước, một phái của những nhà khổng luận tự do chủ nghĩa ở miền nam và miền trung Đức đã từng ấp ủ, họ coi những trường hợp nhục nhã giúp cho ý kiến riêng trước kia của họ lại một lần nữa được đưa lên hàng đầu thành "nước cờ mới nhất" để cứu vãn nước Đức, là của trời ban.

Bởi vậy, Quốc hội đã kết thúc thảo luận, vào tháng Hai và tháng Ba 1849, về hiến pháp của đế chế cũng như bản tuyên ngôn về quyền và luật tuyển cử của đế chế nhưng không phải là không buộc phải có những nhượng bộ mâu thuẫn nhau, về rất nhiều điều khoản, hôm nay thì với đảng thủ cựu, hay nói đúng hơn là đảng phản động, ngày mai thì với các bộ phận cấp tiến hơn của Quốc hội. Thực ra thì dĩ nhiên là quyền lãnh đạo Quốc hội, trước kia thuộc về

phái hữu và phái giữa thiên hữu (phái bảo thủ và phái phản động) đã chuyển dần dần, tuy chậm chạp, sang tay phái tả, tức là những phần tử dân chủ của Quốc hội ấy. Tuy vậy, lập trường tương đối mập mờ của các nghị viên áo ở trong cái Quốc hội đã tách đất nước họ ra khỏi Đức, cái Quốc hội trong đó họ vẫn có nhiệm vụ khai hội và biểu quyết, cũng tạo điều kiện thuận lợi cho sự mất cân bằng đó; và chính vì thế mà ngay từ cuối tháng Hai, phái giữa thiên tả và phái tả, nhờ sự ủng hộ của những lá phiếu áo, đã chiếm được đa số rất nhiều lần, trong khi đó thì có nhiều lúc, bộ phận bảo thủ của người áo lại bỗng nhiên hình như là đũa cọt mà biểu quyết cùng với phái hữu, làm cho cán cân lại nghiêng về phía ngược lại. Buộc Quốc hội có những sự biến đổi hết sức đột ngột ấy, họ muốn làm cho Quốc hội bị khinh bỉ, nhưng thật là hoàn toàn không cần thiết, vì quần chúng nhân dân đã từ lâu tin rằng tất cả những gì của Phran-phước đều là hoàn toàn trống rỗng và không có nghĩa lý gì. Có thể dễ dàng hình dung được rằng một bản hiến pháp ra đời trong một cảnh tượng chao đảo ngả nghiêng như vậy thì sẽ phải là một hiến pháp như thế nào.

Phái tả của Quốc hội, cái phái tự cho mình là bộ phận ưu tú và niềm hãnh diện của nước Đức cách mạng đã hoàn toàn say sưa với vài thắng lợi nhỏ nhoi, giành được nhờ thiện ý, hay đúng hơn là nhờ ác ý của một vài chính trị gia áo đã hành động theo sự xúi giục và vì lợi ích của chế độ chuyên chế áo. Mỗi khi có một cái gì đó hơi giống một chút những nguyên tắc hết sức không rõ ràng của họ, được Quốc hội Phran-phước công nhận một cách rất đại khái, dưới một hình thức rất lơ mơ, theo liều lượng áng chừng, thì phái dân chủ ấy vội vã tuyên bố rằng họ đã cứu được Tổ quốc và nhân dân. Những kẻ ngu xuẩn đáng thương ấy, trong cuộc đời thường là tối tăm của chúng, rất ít quen với những cái giống như thắng lợi, cho nên quả thực chúng nghĩ rằng dường như mấy điều sửa đổi vô giá trị của chúng được thông qua với đa số hơn vài ba phiếu, sẽ làm thay đổi bộ mặt châu Âu. Ngay từ đầu sự nghiệp nghị trường của chúng, chúng bị nhiễm nặng hơn những nhóm khác của Quốc hội cái bệnh nan y này: bệnh say mê nghị trường, cái bệnh đã làm cho những nạn nhân rủi ro của nó tin một cách long trọng rằng toàn thể thế giới, lịch sử và tương lai của thế giới, đều bị chi phối và quyết định bởi đa số của cái cơ quan đại nghị đặc biệt ấy, cái cơ quan được vinh dự có chúng làm thành viên. Chúng tin rằng tất cả những việc xảy ra ở ngoài những bức tường của nghị viện của họ, như chiến tranh, cách mạng, xây dựng đường xe lửa, thực dân hóa toàn bộ những lục địa mới, phát hiện ra những mỏ vàng ở Ca-li-phoóc-ni-a, những kênh đào ở Trung Mỹ, những đội quân Nga, tóm lại như tất cả những gì có thể gọi là có chút ảnh hưởng đến số mệnh của loài người, - tất cả những việc ấy là chẳng có nghĩa lý gì so với những sự biến vô cùng vĩ đại xoay quanh cái vấn đề hết sức quan trọng hiện đang làm bận tâm cái nghị viện đáng tôn kính của chúng. Chính do đó mà từ lúc ấy, phái dân chủ trong Quốc hội, vì đã lên đưa được vào "hiến pháp của đế chế" mấy phương thuốc của mình buộc phải ủng hộ hiến pháp, mặc dầu, trong tất cả các điểm chủ yếu, hiến pháp ấy hiển nhiên là mâu thuẫn với những nguyên tắc mà phái đó đã tuyên bố nhiều lần. Và khi cuối cùng, đưa con hoang ấy đã bị chính ngay những tác giả chủ yếu của nó bỏ mặc cho số phận và trao lại cho đảng dân chủ thì đảng này nhận ngay lấy và chiến đấu cho cái hiến pháp quân chủ chống lại ngay cả những người hiện đang tuyên bố những nguyên tắc cộng hòa của riêng họ.

Tuy nhiên, cũng phải thú nhận rằng đó chỉ là mâu thuẫn bề ngoài thôi. Tính chất mơ hồ, mâu

thuần, dở dang của bản hiến pháp của đế chế, là hình ảnh chính xác của những tư tưởng chính trị chưa chín, mơ hồ, mâu thuẫn của các ngài dân chủ đó. Và thậm chí nếu những lời nói và bài viết của họ, trong chừng mực họ có thể viết được, không phải là những bằng chứng đầy đủ cho điều đó thì hành động của họ sẽ là những bằng chứng ấy, vì đương nhiên là những người biết phải trái đều nhận xét một người không căn cứ vào lời nói mà vào hành động của người đó, không căn cứ vào lời người ấy tự nói về bản thân, mà vào hành động của người ấy và vào thực chất của người ấy. Vả lại, chính những hành động hiển hách của các vị anh hùng ấy của phái dân chủ Đức cũng chứng tỏ khá rõ, như sau này chúng ta sẽ thấy. Nhưng dù sao đi nữa thì hiến pháp của đế chế, với tất cả lệ bộ và sự dàn cảnh của nó, đã được thông qua dứt khoát, và ngày 28 tháng Ba, quốc vương Phổ, với 290 phiếu thuận, 248 phiếu trắng và 200 đại biểu vắng mặt, đã được bầu làm hoàng đế nước Đức không kể áo. Lịch sử thật trở trêu hết mức: cái trò hề đóng vai hoàng đế mà Phri-đrich Vin-hem IV đã diễn trên đường phố Béc-lin trước con mắt kinh ngạc của mọi người, ba ngày sau cuộc cách mạng 18 tháng Ba 1848^[37*], trong một trạng thái mà ở một nơi khác, người ta sẽ đem khép vào tội vi phạm luật cấm say rượu của bang Mên, - cái trò hề khả ố ấy đã được hội nghị đại biểu giả hiệu của toàn nước Đức công nhận sau đó một năm chẵn. Đây chính là kết quả của cách mạng Đức!

Luân Đôn, tháng Bảy 1852

Chú thích

[1] - Nghĩa đen: thần nho; nghĩa bóng: những người ở cấp thứ hai

XVI. Quốc hội và các chính phủ

Ngày 19 tháng 08 năm 1852

Sau khi đã bầu vua Phổ lên làm hoàng đế nước Đức (trừ áo), Quốc hội Phran-phuốc liền gửi một đoàn đại biểu đến Béc-lin để trao ngai vàng cho Phri-đrich - Vin-hem và sau đó hoãn họp. Ngày 3 tháng Tư, Phri-đrich - Vin-hem tiếp các đại biểu. ông ta tuyên bố với họ rằng mặc dầu ông ta nhận cái quyền ở trên tất cả các quốc vương khác ở Đức do sự biểu quyết của các đại biểu nhân dân giao cho, song ông ta vẫn không thể nhận ngôi hoàng đế nếu chưa tin chắc rằng các quốc vương khác chịu công nhận quyền tối cao của ông ta, cũng như công nhận bản hiến pháp của đế chế là bản hiến pháp đã trao cho ông ta những quyền hành ấy. ông ta còn nói thêm rằng chính các chính phủ ở Đức có quyền xét xem bản hiến pháp ấy liệu có thể được họ phê chuẩn hay không. ông ta kết luận rằng dù thế nào chăng nữa, làm hoàng đế hay không, ông ta bao giờ cũng sẵn sàng tuốt gươm chống địch trong thù ngoài. Chúng ta sẽ thấy ông ta giữ cái lời hứa khá bất ngờ đối với Quốc hội ấy ra sao.

Những nhà thông thái ở Phran-phuốc, sau một cuộc điều tra ngoại giao tỉ mỉ, cuối cùng đã kết luận rằng trả lời như vậy là từ chối ngôi hoàng đế. Bởi vậy, họ bèn quyết nghị (ngày 12 tháng Tư) rằng hiến pháp của đế chế là luật pháp của đất nước và phải được duy trì; và vì thấy không có lối thoát, họ liền bầu ra một ủy ban gồm 30 người có nhiệm vụ thảo ra những đề nghị về những biện pháp thi hành hiến pháp.

Quyết nghị ấy đã làm bùng nổ lúc này cuộc xung đột giữa Quốc hội Phran-phuốc và các

chính phủ ở Đức.

Giai cấp tư sản và nhất là giai cấp tiểu tư sản lập tức tuyên bố ủng hộ hiến pháp mới của Phran-phuốc. Họ không thể chờ đợi lâu hơn nữa cái giờ phút "kết thúc cách mạng". Lúc này, ở Áo và ở Phổ, cách mạng đã kết thúc bằng sự can thiệp của lực lượng vũ trang. Các giai cấp nói trên thích việc đó được thực hiện một cách ít bằng bạo lực hơn, nhưng họ không có khả năng lựa chọn; việc đã rồi và cần phải lợi dụng triệt để việc đó, họ quyết định lập tức như vậy và họ đã thi hành quyết định ấy một cách anh dũng nhất đời. Trong những tiểu bang mà tình hình tương đối trôi chảy thì từ lâu các giai cấp này chỉ lại cắm đầu vào công việc cổ động nghị trường phô trương nhưng hoàn toàn vô hiệu, vì không có thực lực, một công việc phù hợp nhất với tinh thần của họ. Như vậy là xét riêng từng bang ở Đức thì hình như các bang ấy đã có được một hình thức mới và dứt khoát khiến cho như người ta tưởng rằng từ nay các bang ấy sẽ bước vào một con đường phát triển hòa bình hợp hiến pháp. Chỉ còn một vấn đề là chưa được giải quyết: vấn đề tổ chức chính trị mới của Hiệp bang Đức. Và vấn đề ấy, vấn đề duy nhất hình như còn chứa đầy nguy hiểm, lại cần được giải quyết ngay tức khắc. Vì thế giai cấp tư sản đã gây áp lực với Quốc hội Phran-phuốc để thúc đẩy Quốc hội hoàn thành hiến pháp cho thật nhanh chóng; vì thế giai cấp tư sản lớn và trung bình quyết định công nhận và ủng hộ hiến pháp ấy, dù hiến pháp ấy là như thế nào chăng nữa, để có thể nhanh chóng thiết lập một tình hình ổn định. Như thế là ngay từ đầu, cuộc vận động cho hiến pháp của đế chế đã bắt nguồn từ một tình cảm phản động, và xuất phát từ các giai cấp đã chán ghét cách mạng từ lâu rồi.

Nhưng còn cần chú ý tới một khía cạnh khác nữa. Những nguyên tắc căn bản đầu tiên của hiến pháp tương lai của Đức đã được biểu quyết vào những tháng đầu mùa xuân và mùa hè năm 1848, lúc mà phong trào của quần chúng đang ở vào thời kỳ cao trào. Những nghị quyết đã được thông qua đó, mặc dầu lúc bấy giờ là hoàn toàn phản động, nhưng sau những hành động độc đoán của các Chính phủ Áo và Phổ thì bây giờ lại có vẻ là hết sức có tính chất tự do và thậm chí là dân chủ nữa. Tiêu chuẩn để so sánh đã thay đổi. Quốc hội Phran-phuốc không thể xóa bỏ những nghị quyết đã được thông qua ấy và nhào nặn hiến pháp của đế chế theo khuôn mẫu những hiến pháp mà các Chính phủ Áo và Phổ đã tuốt gươm trần mà áp đặt, nếu nó không muốn tự sát về mặt tinh thần. Ngoài ra, như chúng ta đã thấy, đa số trong Quốc hội này đã thay đổi và ảnh hưởng của đảng tự do và đảng dân chủ đã tăng lên. Như vậy, hiến pháp của đế chế không những nổi bật lên do cái nguồn gốc trông bề ngoài có vẻ thuần túy dân chủ của nó, mà đồng thời nó còn là bản hiến pháp có tính chất tự do nhất trong toàn nước Đức, bất kể tất cả những mâu thuẫn của nó. Thiếu sót lớn nhất của bản hiến pháp đó là ở chỗ nó chỉ là một mảnh giấy lộn, không có một thực lực nào để thi hành những điều khoản của nó.

Trong tình hình đó, lẽ tự nhiên là cái gọi là đảng dân chủ, tức cái khối đông đảo những người tiểu tư sản, cố bám chặt lấy hiến pháp của đế chế. Giai cấp này bao giờ cũng có những yêu sách tiên tiến hơn giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, quân chủ - lập hiến; nó đã có những đáng điệu mạnh bạo hơn, đã nhiều lần dọa kháng cự bằng vũ trang, và không tiếc những lời hứa hẹn hy sinh xương máu và tính mạng để đấu tranh cho tự do; nhưng nhiều lần

nó đã chứng tỏ rằng nó thường biến mất trong giờ phút nguy nan và thực ra, nó chỉ thấy dễ thở hơn bao giờ hết, sau một thất bại quyết định, khi mà tuy rằng nó đã mất hết tất cả, nhưng ít ra nó cũng có thể tự an ủi rằng thế là dù sao, công việc cũng đã được giải quyết xong xuôi, bằng cách này hay cách nọ. Vì vậy, trong lúc lòng trung thành với hiến pháp Phran-phuốc của bọn chủ ngân hàng lớn, bọn chủ xưởng và thương gia mang một tính chất dè dặt hơn và nói cho đúng hơn nó thuần túy biểu dương ý chí ủng hộ hiến pháp này thì giai cấp xã hội trực tiếp ở dưới bọn đó, tức các chàng tiểu tư sản dân chủ anh dũng của chúng ta, lại xuất đầu lộ diện một cách đường hoàng hơn và tuyên bố như thường lệ rằng họ thà hy sinh đến giọt máu cuối cùng chứ quyết không để cho hiến pháp của đế chế bị đổ vỡ. Được sự ủng hộ của hai đảng ấy, tức là bọn tư sản chủ trương chế độ quân chủ lập hiến và bọn tiểu tư sản ít nhiều dân chủ, cuộc vận động ủng hộ việc thi hành ngay tức khắc hiến pháp của đế chế tiến triển nhanh chóng và được biểu hiện mạnh mẽ nhất trong nghị viện của các quốc gia. Các nghị viện của Phổ, của Han-nô-vơ, của Dắc-den, của Ba-den, của Vuyéc-tem-béc đều lên tiếng ủng hộ hiến pháp. Cuộc đấu tranh giữa các chính phủ và Quốc hội Phran-phuốc trở nên nghiêm trọng.

Nhưng các chính phủ đã hành động nhanh chóng. Các nghị viện của Phổ bị giải tán một cách trái với hiến pháp, vì các nghị viện này có nhiệm vụ xem xét và phê chuẩn hiến pháp, nhiều cuộc nổi loạn do chính phủ cố ý gây nên đã nổ ra ở Béc-lin, và hôm sau, ngày 28 tháng Tư, nội các Phổ công bố một thông tư, trong đó hiến pháp của đế chế bị tố cáo là một văn kiện thuộc loại vô chính phủ và cách mạng ở mức cao nhất mà các chính phủ ở Đức cần phải sửa lại và tinh lọc. Như vậy là Phổ đã dứt khoát phủ nhận cái quyền lập hiến tối cao mà các nhà thông thái ở Phran-phuốc vẫn luôn luôn lấy làm hãnh diện, nhưng chưa bao giờ thực hiện nó một cách thực sự cả. Thế là một đại hội các quốc vương^[38*] - một hình thức đổi mới của Quốc hội hiệp bang cũ - đã được triệu tập để thảo luận về cái hiến pháp đã được công bố thành pháp luật ấy. Và cùng lúc ấy thì Phổ tập trung quân đội ở Croi-xnac cách Phran-phuốc ba ngày đường, và kêu gọi các tiểu bang noi theo gương mình, và đồng thời hãy giải tán các nghị viện ngay khi các nghị viện ấy tán thành Quốc hội Phran-phuốc. Tám gương ấy được các quốc gia Ha-nô-vơ và Dắc-den nhanh chóng noi theo.

Rõ ràng là chỉ có dùng bạo lực mới giải quyết được cuộc đấu tranh. Thái độ thù địch của các chính phủ và sự biến động trong nhân dân ngày càng mang những hình thức quyết liệt hơn. Những công dân có tinh thần dân chủ vận động quân đội ở khắp nơi và thu được kết quả lớn ở miền Nam nước Đức. Đâu đâu cũng có những cuộc mít-tinh lớn của quần chúng, tại đó người ta đã quyết định ủng hộ hiến pháp của đế chế và Quốc hội, bằng vũ lực nếu cần. Ở Khuên, một cuộc hội nghị đại biểu của tất cả các hội đồng thành phố Phổ thuộc miền Ranh đã được triệu tập nhằm mục đích đó. Ở Phan-xơ, ở Béc-giơ, ở Phun-đa, ở Nu-rem-be, ở ô-đen-van, nông dân tập hợp đông đảo và phấn khích đến cực độ. Cũng trong thời gian ấy, Quốc hội lập hiến của nước Pháp cũng bị giải tán và những cuộc tuyển cử mới đang được chuẩn bị trong bầu không khí kích động mãnh liệt; còn ở biên giới phía đông nước Đức thì người Hung-ga-ri, bằng nhiều chiến thắng rực rỡ liên tiếp, chỉ trong vòng một tháng, đã đẩy lui được cuộc xâm lược của người áo từ sông Ti-dơ đến sông Lây-ta, và từng ngày người ta chờ đợi họ tiến công đánh chiếm Viên. Tóm lại khắp nơi, vì tinh thần của

quần chúng được kích động đến cao độ, và chính sách thù địch của các chính phủ cũng mỗi ngày một bộc lộ rõ, cho nên một cuộc xung đột vũ trang nhất định sẽ nổ ra, và chỉ có kẻ ngu xuẩn nhất mới tin chắc rằng cuộc đấu tranh sẽ kết thúc một cách hòa bình. Nhưng sự ngu xuẩn nhất ấy lại bao trùm rộng rãi trong Quốc hội Phran-phuốc.

Luân Đôn, tháng Bảy 1852

XVII.Cuộc khởi nghĩa

Ngày 18 tháng 09 năm 1852

Cuối cùng, cuộc xung đột không tránh khỏi giữa Quốc hội Phran-phuốc và các chính phủ các bang Đức đã nổ ra thành sự đối địch công khai trong những ngày đầu tháng Năm 1849. Những nghị viên áo, bị chính phủ của họ gọi về, đã bỏ Quốc hội ra về, trừ mấy người ở trong phái tả hoặc dân chủ. Đa số các nghị viên bảo thủ, cảm thấy rõ hướng xoay chuyển của tình hình, đã rút lui trước khi các chính phủ của họ ra lệnh. Như vậy, không kể những nguyên nhân đã tăng cường thế lực của phái tả, những nguyên nhân mà chúng tôi đã trình bày trong những bài trước đây, thì chỉ riêng cái việc phản bội của các nghị viên phái hữu cũng đủ để biến cái thiểu số trước đây thành đa số của Quốc hội. Những đại biểu của cái đa số mới này, trước kia chưa bao giờ dám mơ tưởng đến điều may mắn ấy, nay đã lợi dụng vị trí đối lập của mình, để điên cuồng mạt sát sự yếu đuối, tính do dự, sự ươn hèn của đa số cũ và của chính phủ đế chế của đa số ấy. Và giờ đây, chính nó bỗng nhiên có nhiệm vụ thay thế đa số cũ đó. Bây giờ, nó phải tỏ rõ là có khả năng làm được những gì. Đương nhiên là sự thống trị của nó phải cương quyết, kiên nghị và tích cực. Nó, bộ phận ưu tú của nước Đức, sẽ có thể nhanh chóng thúc đẩy được viên nhiếp chính đế chế già yếu và những viên bộ trưởng ngả nghiêng của hắn; còn trong trường hợp không thúc đẩy được thì không nghi ngờ gì nữa, nó sẽ nhân danh quyền tối cao của nhân dân mà hạ cái chính phủ bất lực ấy xuống bằng vũ lực và thay thế chính phủ ấy bằng một quyền hành pháp cương quyết, bền bỉ, đảm bảo cứu được nước Đức. Thật là những kẻ đáng thương! Chính quyền của họ, nếu có thể gọi cái mà không ai phục tùng là một chính quyền, lại còn nực cười hơn cả cái chính quyền của những người trước họ.

Đa số mới tuyên bố rằng bất chấp mọi trở ngại, cần phải thi hành hiến pháp của đế chế và hơn nữa phải thi hành ngay tức khắc; rằng ngày 15 tháng Bảy sắp tới, nhân dân phải bầu đại biểu vào nghị viện mới, và nghị viện mới này phải họp ở Phran-phuốc vào ngày 22 tháng Tám sắp tới. Song đây là lời tuyên chiến trực tiếp với những chính phủ không thừa nhận hiến pháp đế chế, trước hết là với Phổ, áo và Ba-vi-e, bao gồm hơn ba phần tư dân số Đức; lời tuyên chiến mà các chính phủ này tiếp nhận ngay tức khắc. Phổ và Ba-vi-e cũng gọi những đại biểu của họ ở Phran-phuốc về và đẩy mạnh việc chuẩn bị quân sự để chống Quốc hội. Nhưng mặt khác, những cuộc thị uy của đảng dân chủ (ở ngoài nghị viện) để ủng hộ hiến pháp của đế chế và Quốc hội ngày càng mạnh mẽ hơn, càng kịch liệt hơn và quần chúng công nhân, do những người của đảng cực đoan nhất lãnh đạo, sẵn sàng cầm vũ khí để bảo vệ một sự nghiệp, nếu chưa phải là sự nghiệp riêng của họ nhưng ít ra cũng mở ra cho họ khả năng tiến đến gần việc thực hiện mục đích của họ hơn, bằng cách giải thoát nước Đức khỏi những xiềng xích quân chủ cũ. Như vậy là ở khắp nơi, nhân dân và chính phủ đã đối diện với nhau, sẵn sàng chiến đấu; cuộc bùng nổ là không tránh khỏi; trái mìn đã nạp

thuốc, chỉ cần một tia lửa nhỏ là đủ làm cho nó nổ tung. Việc giải tán các nghị viện ở Dắc-den, việc huy động quân dự bị ở Phổ, việc các chính phủ công khai chống lại hiến pháp đế chế là những tia lửa ấy; chúng rơi xuống và chỉ trong chớp mắt là cả đất nước cháy rực. Ngày 4 tháng Năm, ở Dre-xden, nhân dân chiến thắng chiếm được thành phố và đuổi vua [1] đi, trong khi các quận ở xung quanh cũng gửi viện binh cho quân khởi nghĩa. Ở miền Ranh thuộc Phổ, ở miền Ve-xto-pha-li, đội quân dự bị từ chối không chịu hành quân, nó chiếm các kho vũ khí và tự vũ trang để bảo vệ hiến pháp đế chế. Ở Phan-xơ, nhân dân bắt các quan lại của Chính phủ Ba-vi-e và chiếm các công quỹ, rồi thành lập một ủy ban phòng thủ, ủy ban này đặt toàn tỉnh dưới sự bảo vệ của Quốc hội. Ở Vuyéc-tem-béc, nhân dân bắt vua [2] phải thừa nhận hiến pháp đế chế và ở Ba-đen, quân đội liên hiệp với nhân dân đã buộc viên đại công tước [3] phải chạy trốn và thành lập một chính phủ lâm thời. Ở các địa phương khác của Đức, nhân dân chỉ chờ một hiệu lệnh quyết định của Quốc hội là vùng lên cầm vũ khí và tuân theo sự điều động của Quốc hội.

Vị trí của Quốc hội là thuận lợi hơn rất nhiều so với điều người ta có thể chờ đợi sau cái quá khứ không quang vinh chút nào của nó. Nửa phía tây của nước Đức đã cầm vũ khí ủng hộ nó: ở khắp nơi, quân đội có thái độ do dự; trong các bang nhỏ, rõ ràng là quân đội nghiêng về phía phong trào. Nước áo bị cuộc tiến quân thắng lợi của người Hung-ga-ri làm cho tê liệt, và nước Nga, cái lực lượng dự bị ấy của các Chính phủ Đức, đang gắng hết sức mình để ủng hộ nước áo chống lại quân đội Ma-gi-a. Chỉ còn phải khuất phục Phổ nữa thôi, và với những cảm tình cách mạng tồn tại trong nước ấy thì chắc chắn là có hy vọng đạt được mục đích đó. Vậy là tất cả chỉ còn tùy ở thái độ của Quốc hội.

Khởi nghĩa là một nghệ thuật, cũng y như chiến tranh hay bất cứ nghệ thuật nào khác; khởi nghĩa phải tuân theo một số quy tắc nhất định, đảng nào mà quên mất những quy tắc ấy sẽ không tránh khỏi bị tiêu vong. Những quy tắc ấy, được suy ra một cách lô-gích từ bản chất của các đảng và từ bản chất của những điều kiện phải tính đến trong trường hợp như thế, là hết sức rõ ràng và đơn giản, đến nỗi là chỉ kinh nghiệm ngắn ngủi năm 1848 cũng đã dạy cho người Đức biết khá rõ những quy tắc ấy. Thứ nhất, không bao giờ được đùa với khởi nghĩa, nếu không có quyết tâm tiến hành đến cùng. Khởi nghĩa là một bài toán có những đại lượng rất bất định mà giá trị có thể thay đổi hàng ngày; lực lượng chiến đấu của đối phương có đủ mọi ưu thế về tổ chức, về kỷ luật và về quyền uy vốn có từ lâu; nếu những người khởi nghĩa không có những lực lượng mạnh hơn hẳn để đối phó với đối phương thì chắc chắn là sẽ thua và sẽ bị tiêu diệt. Thứ hai là một khi đã bước vào con đường khởi nghĩa, phải hành động với một quyết tâm rất lớn và phải giành thế tấn công. Phòng ngự là sự diệt vong của mọi cuộc khởi nghĩa vũ trang; nếu phòng ngự, khởi nghĩa sẽ thất bại ngay trước khi độ sức với kẻ thù. Phải tấn công đối phương một cách bất ngờ khi lực lượng của nó còn tản mạn; từng ngày, phải giành được những thắng lợi mới, dù nhỏ đi nữa; phải giữ vững ưu thế tinh thần do cuộc nổi dậy thắng lợi đầu tiên đem lại; phải tranh thủ những phần tử dao động bao giờ cũng đi theo lực lượng mạnh hơn và luôn luôn tìm đứng về phía vững chắc hơn; phải buộc kẻ thù rút lui trước khi nó có thể tập hợp được lực lượng chống lại mình, tóm lại là phải hành động theo lời của Đảng-tông, người thầy vĩ đại nhất từ trước đến nay về sách lược cách mạng: de l'audace, de l'audace, encore de l'audace [4].

Vậy thì Quốc hội Phran-phuốc phải làm gì để tránh khỏi sự tiêu vong chắc chắn đang đe dọa nó? Trước hết, nó phải nhận rõ tình thế và tin chắc rằng giờ đây nó không có sự lựa chọn nào khác: hoặc là phải đầu hàng vô điều kiện các chính phủ, hoặc là đi theo con đường vũ trang khởi nghĩa, không dè dặt và không do dự. Thứ hai là phải công khai thừa nhận mọi cuộc khởi nghĩa đã nổ ra ở các nơi và kêu gọi dân chúng khắp mọi nơi đứng lên cầm vũ khí để bảo vệ cơ quan đại biểu quốc dân, tuyên bố đặt ra ngoài vòng pháp luật mọi quốc vương, bộ trưởng và những kẻ nào dám chống lại nhân dân có quyền lực tối cao và do những nghị sĩ của họ thay mặt. Ba là phải hạ ngay viên nhiếp chính để chế xuống, thành lập một cơ quan hành pháp mạnh mẽ, tích cực và không gì có thể làm cho dừng bước, kêu gọi những lực lượng vũ trang của đội quân khởi nghĩa tới Phran-phuốc để bảo vệ trực tiếp cơ quan ấy, do đó tạo ra một lý do hợp pháp để mở rộng cuộc khởi nghĩa; tổ chức mọi lực lượng có trong tay thành một chỉnh thể vững chắc, tóm lại là lợi dụng nhanh chóng và không do dự mọi phương tiện có thể sử dụng để củng cố vị trí của mình và làm yếu vị trí của đối phương.

Tất cả những điều đó, những người dân chủ đức độ của Quốc hội Phran-phuốc đã làm trái lại hẳn. Không những để mặc cho tình hình phát triển một cách tự nhiên, những nhân vật đáng kính ấy còn đi tới chỗ bóp nghẹt tất cả những phong trào khởi nghĩa đang được chuẩn bị, bằng hành vi chống đối của họ. Chẳng hạn như hành vi của Các Phô-gơ ở Nu-rem-be. Họ đã để cho các cuộc khởi nghĩa ở Dắc-den, ở vùng Ranh thuộc Phổ, ở Ve-xơ-pha-li bị bóp chết mà chẳng giúp đỡ gì cả, ngoài việc đưa ra một lời phản đối tình cảm và quá muộn chống lại sự tàn bạo chưa từng thấy của Chính phủ Phổ. Họ có quan hệ ngoại giao bí mật với các cuộc khởi nghĩa ở miền nam nước Đức, nhưng lại không chịu ủng hộ bằng cách công khai thừa nhận các cuộc khởi nghĩa ấy. Họ biết viên nhiếp chính để chế đứng về phía các chính phủ, thế mà họ kêu gọi hẳn chống lại những âm mưu của các chính phủ ấy, nhưng hẳn không hề nhúc nhích. Những bộ trưởng của đế chế, những tên bảo thủ kỳ cựu, cứ mỗi phiên họp, lại chế giễu cái Quốc hội bất lực ấy, thế mà Quốc hội vẫn cứ để mặc. Và khi Vin-hem Vôn-phơ, một nghị viên của vùng Xi-lê-di và là một trong những biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung" yêu cầu Quốc hội tuyên bố đặt viên nhiếp chính để chế ra ngoài pháp luật vì tên này, theo lời ông nói rất đúng, là kẻ phản bội đầu tiên và lớn nhất đối với đế chế, thì những người dân chủ cách mạng ấy nổi giận một cách rất là đạo đức, nhất trí la ó ông. Tóm lại, họ tiếp tục bàn suông, phản đối, thông báo, tuyên bố, nhưng không bao giờ có đủ can đảm lẫn tinh thần để hành động. Trong khi ấy, kẻ địch, tức là quân đội của các chính phủ, đang ngày càng tiến gần và chính cái quyền hành pháp của bản thân họ, tức là viên nhiếp chính để chế, đang tích cực âm mưu với các quốc vương Đức để đẩy nhanh việc xóa bỏ họ.

Vì vậy cái Quốc hội bỉ ổi ấy đã mất hết mọi uy tín; những người dân khởi nghĩa trước kia đã đứng lên bảo vệ nó thì từ nay không còn quan tâm gì đến nó nữa và rốt cuộc khi nó phải chịu chết một cách nhục nhã, như chúng ta sẽ thấy, thì nó chết mà không một ai thèm để ý tới cái chết vô sỉ của nó.

Luân Đôn, tháng Tám 1852

Chú thích

[1] - Phri-đrich - Au-gu-xơ II

[2] - Vin-hem I

[3] - Lê-ô-pôn

[4] - Dững cảm, dững cảm, dững cảm nữa!

XVIII. Những người tiểu tư sản

Ngày 02 tháng 10 năm 1852

Trong bài báo trước, chúng tôi đã chỉ ra rằng cuộc đấu tranh giữa một bên là các chính phủ Đức với một bên là Quốc hội Phran-phước, cuối cùng, đã đạt tới tột đỉnh đến nỗi trong những ngày đầu tháng Năm, một phần lớn nước Đức đã công khai nổi dậy; trước hết là Dre-xđen, sau là Pphan-xơ thuộc Ba-vi-e, nhiều bộ phận của miền sông Ranh thuộc Phổ và sau cùng là Ba-đen.

Trong tất cả các trường hợp, những lực lượng chiến đấu thực sự của quân khởi nghĩa, cái hạt nhân đó, cái hạt nhân gồm những người đầu tiên cầm vũ khí và chiến đấu với quân đội, là những công nhân thành thị. Một bộ phận những tầng lớp dân cư nghèo ở nông thôn, - những cố nông và những tiểu nông, - nói chung là đi theo công nhân, sau khi cuộc xung đột đã nổ ra. Đa số thanh niên của tất cả các giai cấp ở dưới giai cấp các nhà tư bản đều đứng trong hàng ngũ của quân khởi nghĩa, ít ra cũng là trong một thời gian, nhưng cái mớ chấp nhận hỗn tạp gồm những đám thanh niên ấy đã nhanh chóng thưa dần đi khi tình thế càng trở nên nghiêm trọng hơn. Đặc biệt là những sinh viên, những "đại biểu của trí tuệ", như họ thích tự xưng như vậy, lại là những kẻ đào ngũ đầu tiên, trừ phi họ ở lại vì được đề bạt lên chức vụ sĩ quan, cái chức vụ mà dĩ nhiên là hãn hữu lắm họ mới có được khả năng cần thiết để đảm đương.

Giai cấp công nhân tham gia cuộc khởi nghĩa này, cũng như nó đã tham gia bất cứ cuộc khởi nghĩa nào mang lại cho nó triển vọng hoặc là gạt bỏ được một vài trở ngại trên con đường tiến tới nắm chính quyền và tới cách mạng xã hội, hoặc ít ra là buộc được những giai cấp xã hội có thể lực hơn, nhưng ít can đảm hơn, đi vào một con đường kiên quyết hơn và cách mạng hơn con đường từ trước đến nay họ vẫn đi theo. Giai cấp công nhân cầm vũ khí với ý thức hoàn toàn rõ rệt rằng cuộc đấu tranh này, xét những mục đích trực tiếp của nó, không phải là cuộc đấu tranh của mình; nhưng giai cấp công nhân tuân theo cái sách lược duy nhất đúng đắn của mình là: nó không cho phép bất cứ một giai cấp nào đã trèo lên vai mình (như giai cấp tư sản, vào năm 1848 đã làm), củng cố quyền thống trị giai cấp của nó, mà ít ra không mở ra cho giai cấp công nhân một địa bàn hoạt động thích đáng cho phép đấu tranh vì lợi ích của bản thân họ; và trong bất cứ trường hợp nào, giai cấp công nhân cũng cố gắng đẩy tình thế đi đến một cuộc khủng hoảng, cuộc khủng hoảng đó, hoặc là sẽ lôi cuốn dân tộc một cách kiên quyết và trực tiếp đi vào con đường cách mạng, hoặc là khôi phục lại hết sức đầy đủ cái status quo hồi trước cách mạng và do đó làm cho một cuộc cách mạng mới tất phải nổ ra. Trong cả hai trường hợp, giai cấp công nhân đều đại biểu cho lợi ích chân chính và đúng đắn của toàn thể dân tộc: nó ra sức thúc đẩy tiến trình cách mạng, cuộc cách mạng từ nay đã trở thành một tất yếu lịch sử đối với các xã hội cũ của châu Âu văn minh, và nếu không có cuộc cách mạng ấy thì không một xã hội nào lại có thể hy vọng tiếp tục phát triển được lực lượng của mình một cách yên tĩnh và đều đặn hơn.

Còn những người dân ở nông thôn tham gia cuộc khởi nghĩa, thì chủ yếu là họ bị gánh khá nặng những thuế má hoặc bị cái gánh nặng những đảm phụ phong kiến đẩy vào tay đảng cách mạng. Không có tính chủ động riêng của mình, họ hợp thành một bộ phận phụ thuộc vào các giai cấp khác trong cuộc khởi nghĩa, họ ngã nghiêng giữa một bên là giai cấp công nhân và một bên là giai cấp những người tiểu thủ công và tiểu thương. Hầu như bao giờ cũng vậy, chính địa vị xã hội đặc biệt của họ đã quyết định con đường họ đi theo. Người công nhân nông nghiệp, nói chung ủng hộ giai cấp công nhân thành thị; người tiểu nông có khuynh hướng liên minh với người tiểu tư sản.

Giai cấp những người tiểu tư sản ấy, mà nhiều lần chúng tôi đã nhấn mạnh tầm quan trọng và ảnh hưởng của nó, có thể được coi là giai cấp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tháng Năm 1849. Vì lần này, không có một thành phố lớn nào của Đức là trung tâm của phong trào cách mạng, cho nên giai cấp tiểu tư sản luôn luôn chiếm ưu thế trong những thành phố vừa và nhỏ, đã nắm được quyền lãnh đạo phong trào. Vả lại, chúng ta đã thấy rằng cuộc đấu tranh cho hiến pháp của đế chế và cho quyền hạn của nghị viện Đức, chính là có liên quan đến lợi ích của giai cấp ấy. Trong các chính phủ lâm thời thành lập ở tất cả các địa phương khởi nghĩa, đại biểu của tầng lớp ấy của nhân dân chiếm đa số, vì vậy xét quy mô hoạt động của họ ta có thể nhận định chung được khả năng của giai cấp tiểu tư sản Đức. Như chúng ta sẽ thấy, nó chỉ có mỗi khả năng phá hoại mọi phong trào tin cậy vào sự lãnh đạo của nó.

Giai cấp tiểu tư sản, vĩ đại về mặt khoe khoang, lại rất không có khả năng hành động và lẩn tránh một cách nhút nhát khi cần phải làm một cái gì nguy hiểm. Tính chất nhỏ nhen của những việc giao dịch buôn bán và những hoạt động tín dụng của nó đã ảnh hưởng sâu sắc tới tính cách riêng của nó khiến cho tính cách này mang dấu ấn của sự thiếu nghị lực và thiếu tinh thần tháo vát, vì vậy phải thấy trước rằng hoạt động chính trị của nó sẽ mang những đặc điểm ấy.

Nên trên thực tế, giai cấp tiểu tư sản đã khuyến khích cuộc khởi nghĩa bằng những lời lẽ trống rỗng và những lời huênh hoang về những điều nó quyết định làm; khi hoàn toàn trái với ý muốn của nó, cuộc khởi nghĩa đã nổ ra, thì nó vội đoạt lấy chính quyền; nhưng nó chỉ sử dụng chính quyền đó để thủ tiêu những kết quả của khởi nghĩa. Ở bất cứ nơi nào mà một cuộc xung đột vũ trang đã đưa tình hình đến một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng thì bọn tiểu tư sản đều khiếp sợ tình hình nguy hiểm đối với chúng; khiếp sợ thấy dân chúng coi trọng những lời kêu gọi chiến đấu huênh hoang của chúng, khiếp sợ thấy chính quyền rơi vào chính tay mình; và khiếp sợ nhất trước những hậu quả của chính sách mà chúng buộc phải thi hành, - những hậu quả sẽ đem lại không những cho bản thân chúng, mà còn cho địa vị xã hội và cho tài sản của chúng. Há chẳng phải là người ta đang chờ chúng thực sự hy sinh "tính mạng và tài sản", như chúng thường quen nói, cho sự nghiệp khởi nghĩa đó sao? Há chẳng phải là chúng đã bị bắt buộc phải giữ những chức vụ chính thức trong cuộc khởi nghĩa, khiến cho chúng sẽ gặp phải mối nguy mất cơ nghiệp khi khởi nghĩa thất bại, đó sao? Và nếu khởi nghĩa thành công, há chẳng chắc chắn là những người vô sản chiến thắng, tức là chủ lực của lực lượng chiến đấu của chúng, sẽ vội vàng đuổi ngay chúng ra

khởi chức vụ và đảo lộn toàn bộ chính sách của chúng đó sao? Bị kẹt giữa hai nguy cơ như vậy, bị đe dọa tứ phía, giai cấp tiểu tư sản không biết sử dụng quyền lực của nó bằng cách nào khác hơn là cứ để mặc cho tình hình phát triển tự nhiên, thành thử đương nhiên là nó làm tiêu tan cái chút ít khả năng thành công còn lại và làm cho cuộc khởi nghĩa hoàn toàn phá sản. Sách lược, hay nói cho đúng hơn là sự hoàn toàn thiếu sách lược của giai cấp tiểu tư sản thì ở nơi nào cũng giống nhau; vì thế mà những cuộc khởi nghĩa tháng Năm 1849 ở khắp nước Đức đều được rập theo một khuôn.

Ở Dre-xden, cuộc chiến đấu ngoài đường phố kéo dài bốn ngày. Những người tiểu tư sản ở Dre-xden, đội "cận vệ quốc gia" của thành phố không những không tham gia chiến đấu mà trong nhiều trường hợp, còn tạo thuận lợi cho hoạt động của quân đội chống quân khởi nghĩa. Một lần nữa, quân khởi nghĩa thì vẫn hầu như chỉ gồm toàn là công nhân của các khu công nghiệp xung quanh. Họ có được một người chỉ huy có khả năng và dũng cảm là một người Nga lưu vong, Mi-kha-in Ba-cu-nin, ông này, sau đó bị cầm tù và hiện nay đang bị giam ở pháo đài Mun-ca-trơ^[1] ở Hung-ga-ri. Sự can thiệp của một lực lượng lớn quân đội Phổ đã đè bẹp cuộc khởi nghĩa ấy.

Ở vùng Ranh thuộc Phổ, những cuộc chiến đấu thực sự thì không lớn lắm. Vì tất cả các thành phố lớn đều là những pháo đài có thành trì che chở nên hoạt động của quân khởi nghĩa chỉ giới hạn ở một vài trận nhỏ. Khi quân đội được tập hợp với một số lượng đầy đủ thì cuộc chống cự vũ trang thất bại.

Trái lại, ở Pphan-xơ và ở Ba-đen thì một tỉnh giàu có và phì nhiêu và một bang nguyên vẹn rơi vào tay quân khởi nghĩa. Ở đây, có đủ mọi thứ: tiền bạc, vũ khí, quân lính, dự trữ chiến tranh. Ngay cả những binh sĩ của quân đội chính quy cũng đi theo quân khởi nghĩa; hơn thế nữa, ở Ba-đen, họ còn đứng ở hàng đầu. Nghĩa quân ở Dắc-den và ở vùng Ranh thuộc Phổ đã hy sinh để tranh thủ thời gian cần thiết cho việc tổ chức một phong trào ở miền nam Đức. Chưa bao giờ một cuộc khởi nghĩa bộ phận ở địa phương lại ở vào một hoàn cảnh thuận lợi như cuộc khởi nghĩa này. Người ta chờ một cuộc cách mạng nổ ra ở Pa-ri; người Hung-ga-ri đã đến cửa ngõ thành Viên; trong tất cả các bang ở miền trung Đức, không những nhân dân mà cả quân đội cũng cương quyết ủng hộ khởi nghĩa và chỉ chờ cơ hội để công khai đi theo khởi nghĩa. Thế nhưng phong trào một khi rơi vào tay giai cấp tiểu tư sản, là bị thất bại ngay từ đầu. Các nhà cầm quyền tiểu tư sản, nhất là ở Ba-đen, đứng đầu là ông Bren-ta-nô, bao giờ cũng đinh ninh rằng tiếm đoạt địa vị và đặc quyền của vị chúa "hợp pháp", tức đại công tước, là phạm tội đại nghịch. Họ ngồi vào các ghế bộ trưởng của mình nhưng vẫn canh cánh trong lòng rằng như vậy là phạm tội. Người ta có thể trông mong gì ở những tên nhút nhát ấy? Không những chúng để mặc cho cuộc khởi nghĩa phát triển tự phát, không có sự lãnh đạo thống nhất và do đó không đem lại hiệu quả gì, mà thật ra chúng còn làm hết sức mình để làm nhụt nhuệ khí của phong trào, để làm cho nó yếu đi, để phá hoại nó. Và chúng đã thành công, nhờ sự ủng hộ sốt sắng của cái loại chính trị gia thâm thúy là các vị anh hùng theo phái "dân chủ" của giai cấp tiểu tư sản, bọn này đều tin tưởng chắc chắn rằng họ thực sự sẽ "cứu được Tổ quốc", trong khi họ để cho một nhóm đại bợm quỷ quyết kiểu Bren-ta-nô xỏ mũi.

Về phần quân sự của cuộc khởi nghĩa thì chưa bao giờ các cuộc tác chiến lại được tiến hành một cách cầu thả và ngu ngốc như dưới sự chỉ huy của Di-ghen, viên tổng tư lệnh người Ba-đen, một trung úy cũ của quân đội chính quy. Người ta đã gây hỗn loạn khắp nơi, người ta để mất mọi cơ hội tốt, người ta mất những giờ phút quý báu để xây dựng những đề án đồ sộ nhưng không thực hiện được, cho đến khi cuối cùng một người Ba Lan thông minh là Mi-e-rốt-xláp-xki nắm được quyền chỉ huy thì quân đội đã hỗn loạn, bị đánh bại, mất tinh thần, thiếu tiếp tế, trước một kẻ thù đông gấp bốn lần, thành thử viên chỉ huy mới chỉ còn có cách là đánh ở Vác-hoi-den một trận oanh liệt nhưng không mang lại kết quả thực hiện một cuộc rút lui tài tình, đánh một trận cuối cùng và tuyệt vọng ở Ra-stát rồi từ chức. Cũng như trong bất cứ một cuộc chiến tranh khởi nghĩa nào trong đó quân đội là một hỗn hợp gồm những binh sĩ thiện chiến và những tân binh không được huấn luyện thì trong quân đội cách mạng có rất nhiều biểu hiện anh dũng nhưng đồng thời cũng có rất nhiều cảnh hoảng hốt không hợp với bản chất quân đội và nhiều khi khó hiểu; nhưng mặc dầu không tránh khỏi có những thiếu sót, quân đội cách mạng ít ra cũng có quyền tự hào rằng một lực lượng đông hơn gấp bốn lần vẫn không được coi là đủ để đánh bại nó, và 10 vạn quân chính quy khi đánh với 2 vạn quân khởi nghĩa thì về mặt quân sự, cũng phải tỏ ra kính trọng quân khởi nghĩa ấy như đối với đội vệ binh già dặn của Na-pô-lê-ông.

Cuộc khởi nghĩa đã nổ ra vào tháng Năm; giữa tháng Bảy 1849, nó bị đánh bại hoàn toàn và cuộc cách mạng đầu tiên của nước Đức đã kết thúc.

Chú thích

[1] - Tên gọi bằng tiếng U-cra-i-na là Mu-ca-tre-vô

XIX.Kết cục của cuộc khởi nghĩa **Ngày 23 tháng 10 năm 1852**

Khi miền nam và miền tây nước Đức đang ở trong tình trạng khởi nghĩa công khai và khi các chính phủ, từ bước đầu của cuộc xung đột ở Dre-xden cho đến ngày đầu hàng ở Ra-stát, đã bỏ ra hơn mười tuần lễ để dập tắt những ngọn lửa cuối cùng của cuộc cách mạng đầu tiên của Đức, thì Quốc hội cũng biến khỏi vũ đài chính trị mà không ai để ý đến.

Trên kia, chúng ta đã nói tới cái cơ quan tôn nghiêm ấy ở Phran-phuốc, nó ở trong tình trạng hoàn toàn hoang mang vì những cuộc công kích láo xược của các chính phủ vào uy phong của nó, vì sự bất lực và sự tiêu cực phản phúc của cái chính phủ trung ương do nó lập nên, vì những cuộc nổi dậy của giai cấp tiểu tư sản nhằm bảo vệ nó và vì cuộc nổi dậy của giai cấp công nhân nhằm mục đích cuối cùng có tính chất cách mạng hơn. Sự suy sụp hết sức sâu sắc về tinh thần và niềm thất vọng lan tràn trong các thành viên của nó; tình hình bỗng mang một hình thức rõ nét và quyết định đến nỗi chỉ trong ít ngày, những ảo tưởng của các nhà lập pháp thông thái ấy về quyền lực và ảnh hưởng thực sự của họ đã hoàn toàn sụp đổ. Các phần tử bảo thủ, theo hiệu lệnh của chính phủ, đã rút ra khỏi cái Quốc hội từ nay chỉ còn có thể tiếp tục tồn tại như một sự thách thức đối với chính quyền hợp pháp. Những phần tử tự do chủ nghĩa, hoàn toàn hoang mang, cho rằng sự nghiệp thế là đã tan vỡ và cũng từ bỏ chức nghị sĩ của mình. Những nhân vật đáng kính ấy bỏ đi cả hàng trăm. Từ 800 đến 900 người lúc đầu, bọn họ đã giảm đi nhanh chóng đến nỗi sau đó

chỉ còn 150 người và ít ngày sau nữa chỉ còn 100 người mà vẫn tuyên bố là đủ số để biểu quyết. Thế mà cũng còn khó khăn mới có đủ con số đó, mặc dầu toàn bộ các nghị sĩ của đảng dân chủ đều ở lại trong Quốc hội.

Con đường mà những tàn dư đó trong nghị viện phải đi theo thì đã mười phần rõ ràng. Họ phải công khai và kiên quyết đứng về phía khởi nghĩa, do đó mang lại cho cuộc khởi nghĩa tất cả sức mạnh của tính hợp pháp, đồng thời qua đó có được một quân đội để bảo vệ bản thân họ. Họ phải đòi chính quyền trung ương đình chỉ ngay tất cả những hành động quân sự và nếu đúng như dự đoán, cái chính quyền ấy không muốn mà cũng không thể làm như thế thì phải hạ nó xuống ngay tức khắc và thay thế nó bằng một chính quyền kiên quyết hơn. Nếu không thể đưa quân đội khởi nghĩa tới Phran-phước (điều này lúc đầu rất dễ thực hiện, trong khi chính phủ các bang còn chưa chuẩn bị để chiến đấu và còn do dự) thì Quốc hội có thể di chuyển ngay đến chính trung tâm vùng khởi nghĩa. Tất cả những điều ấy, nếu được thực hiện nhanh chóng và kiên quyết, chậm nhất là vào giữa hay cuối tháng Năm, thì cũng còn có hy vọng thắng lợi cho cả cuộc khởi nghĩa và Quốc hội.

Nhưng người ta không thể trông mong những đại biểu của giai cấp tiểu tư sản Đức có một hành động kiên quyết như vậy. Những chính khách hám danh đó vẫn không trút bỏ được những ảo tưởng của họ. Những thành viên nào đã mất cái lòng tin tai hại vào sức mạnh và quyền bất khả xâm phạm của Quốc hội thì đã chuồn rồi; những phần tử dân chủ còn ở lại thì vẫn không dễ dàng từ bỏ những ảo tưởng của họ về quyền lực và danh vọng mà họ đã ước mơ trong suốt mười hai tháng trời. Trung thành với đường lối họ vẫn theo đuổi từ trước đến nay, họ lẩn tránh bằng mọi cách bất cứ một hành động nào có tính chất quyết định cho đến lúc cuối cùng mất hết cả mọi cơ hội thắng lợi và ngay cả mọi cơ hội thất bại nhưng ít ra còn giữ được danh dự.

Lúc đó, tiến hành một hoạt động giả tạo và huênh hoang, một hoạt động mà sự bất lực hiển nhiên cộng với những tham vọng cao xa của họ chỉ làm cho người ta thương hại và buồn cười, họ tiếp tục gửi những nghị quyết, những lời thỉnh nguyện và những thư yêu cầu cho viên nhiếp chính để chế, nhưng y chẳng thèm để ý tới, và cho các bộ trưởng đã công khai liên minh với kẻ thù. Và sau cùng, khi Vin-hem Vôn-phơ, một nghị viên miền Stơ-ri-gâu[1], một trong những biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung" và là người duy nhất thực sự cách mạng trong toàn thể Quốc hội, bảo họ rằng nếu họ coi trọng lời nói của họ thì tốt nhất là đừng bàn suông nữa và hãy tức khắc tuyên bố đặt viên nhiếp chính để chế, kẻ phản quốc đầu sỏ, ra ngoài vòng pháp luật - thì lúc đó tất cả nổi tức giận đạo đức mà các ngài nghị sĩ vẫn cố kìm lại, bỗng nổ ra kịch liệt chưa từng thấy khi các chính phủ đổ lên đầu họ những lời chửi rủa và chế giễu. Điều đó là dĩ nhiên, vì đề nghị của Vôn-phơ là lời phát biểu có lý đầu tiên được nói trong nhà thờ Thánh Pôn[39*]; đó là điều dĩ nhiên, vì điều mà Vôn-phơ yêu cầu họ chính là điều phải làm và một lời nói rõ ràng và nói thẳng vào vấn đề như vậy, chỉ có thể là một điều lảng mạ đối với cái đám người đa cảm đó, họ chỉ có thể kiên quyết có thái độ không kiên quyết và vì quá nhút nhát không dám hành động, họ đã tâm niệm dứt khoát rằng không làm gì tức là đã làm điều phải làm. Đương nhiên là mỗi lời nói như ánh chớp rọi sáng đám mây mù trong đầu óc họ, mỗi lời cảnh cáo có tính chất lôi kéo họ ra khỏi cái mê cung trong đó họ cố tình ẩn náu càng lâu càng tốt, mỗi quan niệm rõ rệt

về tình hình thực tế, đều bị họ coi là một tội phạm thượng đối với cái Quốc hội có chủ quyền ấy.

Sau đó ít lâu, vì địa vị của các vị nghị sĩ đáng kính trở nên không thể duy trì được ở Phran-phước nữa, mặc dầu họ đưa ra những quyết nghị, những lời kêu gọi, lời chất vấn và lời tuyên bố, nên họ rút lui, nhưng không phải là về những vùng khởi nghĩa, nếu thế thì đã là kiên quyết quá. Họ rút về Stút-gát, ở đó chính phủ Vuyéc-tem-béc giữ một thái độ trung lập có tính chất chờ thời. ở đây rốt cuộc họ tuyên bố phế truất viên nhiếp chính đế chế và bầu ra một hội đồng nhiếp chính gồm năm người chọn trong số họ. Hội đồng nhiếp chính đó lập tức đưa thông qua một đạo luật về đội dân cảnh, đạo luật này được thông tri đường hoàng và đúng thể thức cho các chính phủ ở Đức biết. Các chính phủ này, tức là những kẻ thù thực sự của Quốc hội, lại nhận được lệnh phải tuyển mộ những lực lượng để bảo vệ Quốc hội! Rồi người ta thành lập - cố nhiên là trên giấy - một đạo quân để bảo vệ Quốc hội! Những sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn, khẩu đội, tất cả đều được quy định, sắp xếp. Không thiếu một cái gì hết, chỉ thiếu có hiện thực thôi, vì tất nhiên là đạo quân ấy không bao giờ xuất hiện trên đời này cả.

Quốc hội còn có một chỗ bấu víu cuối cùng nữa. Từ khắp các miền trong nước, dân cư dân chủ cử những đoàn đại biểu đến để cho Quốc hội sử dụng và để ép buộc Quốc hội phải hành động kiên quyết. Nhân dân thấy rõ ý định thực sự của chính phủ Vuyéc-tem-béc, đã thúc ép Quốc hội phải buộc chính phủ ấy công khai và tích cực tham gia phong trào khởi nghĩa ở những vùng lân cận. Nhưng vô ích. Chuyển về Stút-gát là Quốc hội đã nộp mình cho chính phủ Vuyéc-tem-béc. Các thành viên của Quốc hội đều biết thế và vì thế họ đã phản đối việc cổ động trong quần chúng. Bằng hành động ấy, họ đã mất nốt cái phần ảnh hưởng cuối cùng mà họ còn có thể giữ được. Như vậy là họ kiếm được một sự khinh bỉ xứng đáng và chính phủ Vuyéc-tem-béc, bị Phổ và viên nhiếp chính đế chế thúc ép, đã kết liễu cái trò hề dân chủ bằng cách đóng cửa phòng họp của Quốc hội vào ngày 18 tháng Sáu 1849 và ra lệnh cho các thành viên của hội đồng nhiếp chính phải rời khỏi xứ ấy.

Lần này, họ đi về Ba-đen, về với phe khởi nghĩa; nhưng bấy giờ ở đây, họ không còn có ích gì nữa. Không ai để ý tới họ nữa. Nhưng hội đồng nhiếp chính, nhân danh nhân dân Đức có chủ quyền, vẫn tiếp tục mang hết sức mình ra để cứu nước. Nó tìm cách làm cho các cường quốc công nhận nó nên nó đã phát giấy hộ chiếu cho tất cả những ai muốn nhận giấy đó. Nó tung ra những lời tuyên bố và cử phái viên đi phát động cuộc khởi nghĩa của chính các quận ở Vuyéc-tem-béc, nơi mà nó đã từ chối không chịu giúp đỡ tích cực khi còn kịp thời; đương nhiên là cái đó không mang lại kết quả gì. Chúng tôi hiện có trước mặt một bản chính của báo cáo của một trong những phái viên ấy, ông Ruê-xlơ (nghị viên quận ên-xơ), gửi cho hội đồng nhiếp chính; nội dung bản báo cáo ấy khá đặc biệt. Nó được đề: Stút-gát, ngày 30 tháng Sáu 1849. Sau khi đã miêu tả những cuộc phiêu lưu của nửa tá phái viên ấy phải chạy khắp nơi để kiếm tiền nhưng chẳng mò đâu ra được một đồng, ông Ruê-xlơ nêu một tràng lý do để xin lỗi về việc chưa tới được địa điểm công tác; sau đó ông đưa ra những nhận định rất là quan trọng về những cuộc tranh chấp có thể xảy ra giữa Phổ, áo, Ba-vi-e và Vuyéc-tem-béc và về những hậu quả có thể xảy ra. Sau một cuộc nghiên cứu

đầy đủ, ông đi tới kết luận rằng tình thế thật là tuyệt vọng. Tiếp đó, ông đề nghị chọn những người tin cậy để tổ chức trạm truyền tin và lập một hệ thống điệp viên để dò la những ý định của chính phủ Vuyéc-tem-béc và những cuộc chuyển quân. Bức thư ấy không bao giờ tới được địa chỉ của nó, vì khi nó được viết ra thì "hội đồng nhiếp chính" đã thành "bộ ngoại giao" rồi, nghĩa là nó đã đi ra nước ngoài, sang Thụy Sĩ và trong khi ngài Ruê-xlơ đáng thương đó còn đang nhức đầu nhức óc để khám phá những ý định của cái nội các ghê gớm của một vương quốc suy đồi thì mười vạn binh lính Phổ, Ba-vi-e và Hét-xen đã giải quyết xong mọi việc bằng một trận đánh cuối cùng ở Rát-stát.

Nghị viện Đức đã tiêu vong như vậy, và cùng tiêu vong với nó là cái sản phẩm đầu tiên và cuối cùng của cách mạng. Việc triệu tập nghị viện ấy là sự xác nhận pháp lý đầu tiên nói lên rằng cuộc cách mạng đã thực sự xảy ra ở Đức, và nghị viện ấy còn tồn tại chừng nào mà cuộc cách mạng này, cuộc cách mạng hiện đại đầu tiên của Đức, còn chưa kết thúc. Được bầu ra do ảnh hưởng của giai cấp tư sản, bởi một dân cư nông thôn phân tán, phân liệt và phần lớn mới thoát khỏi trạng thái mê muội phong kiến, cái nghị viện ấy đã được dùng để đưa lên sân khấu chính trị toàn bộ những nhân vật lớn, có tiếng tăm trong những năm 1820 - 1848, để rồi lại hoàn toàn thủ tiêu họ. Tất cả những nhân vật nổi tiếng của chủ nghĩa tự do tư sản đều tập hợp ở đây. Giai cấp tư sản mong chờ những chuyện thần kỳ; nhưng chỉ chuốc lấy nhục cho bản thân và cho những đại biểu của nó. Giai cấp những nhà tư sản công thương nghiệp đã bị thất bại ở Đức nặng nề hơn là ở các nước khác; trước hết, nó bị đánh bại và bị đuổi khỏi chính quyền từng bang của Đức, rồi bị đánh bại hoàn toàn, bị sỉ nhục, bị la ó ở nghị viện trung ương Đức. Chủ nghĩa tự do chính trị, sự thống trị của giai cấp tư sản, dù dưới hình thức chính phủ quân chủ hay chính phủ cộng hòa, gì gì đi nữa, đều vĩnh viễn không thể có được ở Đức nữa.

Trong thời kỳ cuối của nó, nghị viện Đức đã vĩnh viễn làm mất hết danh dự của cái tầng lớp đứng đầu phái đối lập chính thức từ tháng Ba 1848, tức là phái dân chủ, đại biểu cho lợi ích của giai cấp tiểu tư sản và một phần của giai cấp nông dân. Trong tháng Năm và tháng Sáu 1849, giai cấp ấy đã có dịp tỏ rõ khả năng của nó trong việc thành lập một chính phủ vững chắc ở Đức. Chúng ta đã thấy nó thất bại như thế nào: thất bại, phần ít là do những hoàn cảnh bất lợi mà phần lớn là do thái độ hoàn toàn hèn nhát mà nó luôn luôn thể hiện ra trong những bước ngoặt trọng yếu kể từ ngày nổ ra cách mạng, nó thất bại vì về phương diện chính trị, nó cũng tỏ ra thiển cận, bạc nhược và do dự như trong những hoạt động kinh doanh thương mại của nó. Do hành vi ấy, vào tháng Năm 1849, nó đã để mất tín nhiệm của đội quân chiến đấu thực sự của tất cả các cuộc khởi nghĩa ở châu Âu, của giai cấp công nhân. Nhưng mặc dầu thế, nó cũng còn có nhiều thời cơ thuận lợi. Nghị viện Đức nằm trọn trong tay nó, từ khi bọn phản động và bọn tự do chủ nghĩa bỏ đi. Dân cư nông thôn ủng hộ nó. Hai phần ba quân đội của các tiểu bang, một phần ba quân đội Phổ, đại bộ phận quân trừ bị Phổ (lực lượng dự bị và dân binh) sẵn sàng theo nó, miễn là nó hành động với một tinh thần kiên định và dũng cảm do chỗ nhận định rõ tình hình mà có được. Nhưng các chính trị gia lãnh đạo giai cấp ấy không sáng suốt gì hơn đám quần chúng tiểu tư sản đi theo họ. Họ còn mù quáng hơn nữa, còn ngoan cố bám lấy những ảo tưởng mà họ cố ý duy trì, còn ngây thơ hơn, còn bất lực hơn ngay cả những phần tử tự do chủ nghĩa trong việc kiên quyết

đương đầu với các sự kiện.

Tác dụng chính trị của họ cũng tụt xuống dưới con số không. Nhưng vì họ chưa thực sự thực hiện những nguyên tắc vô vị của họ, nên trong những trường hợp rất thuận lợi, họ cũng còn có thể hồi sinh lại trong một thời gian ngắn, nếu như cuộc đảo chính của Lu-i Bô-na-pác-tơ không cướp nốt cái hy vọng cuối cùng ấy của họ, giống như cướp của những đồng nghiệp của họ ở Pháp là "phái dân chủ thuần túy".

Lịch sử cuộc cách mạng đầu tiên của Đức kết thúc bằng sự thất bại của cuộc khởi nghĩa ở Tây-Nam nước Đức và bằng việc giải tán nghị viện Đức. Chúng ta chỉ còn phải nói qua đến những thành viên đắc thắng của liên minh phản cách mạng nữa mà thôi. Chúng tôi sẽ làm việc đó ở trong bài báo sau[\[40*\]](#).

Luân Đôn. 24 tháng Chín 1852 .

Chú thích

[\[1\]](#) - Tên gọi bằng tiếng Ba Lan là Xtơ-sê-gôm

Chú thích

[\[1\]](#) - Tác phẩm "Cách mạng và phản cách Tờ "New - York Daily Tribune" đã đăng các bài trong loạt bài này không có tiêu đề; năm 1896, khi xuất bản cuốn sách này bằng tiếng Anh, ê-lê-ô-no-ra Mác - ê-vê-linh đã bổ sung cho chúng các tiêu đề và các tiêu đề ấy vẫn được giữ nguyên cho đến lần xuất bản này - 10.

[\[2\]](#) - "Tribune" - tên gọi tắt tờ báo Mỹ "New - York Daily Tribune" ("Diễn đàn Niu Oóc hàng ngày") xuất bản từ năm 1841 đến năm 1924. Được nhà báo Mỹ kiêm nhà hoạt động chính trị nổi tiếng Hô-ra-xơ Gri-li sáng lập, cho tới giữa những năm 50 thế kỷ XIX, tờ báo này là cơ quan ngôn luận của cánh tả đảng Vích Mỹ, sau đó là cơ quan của đảng cộng hoà. Trong các năm 40 - 50, báo này có các quan điểm tiến bộ, đấu tranh chống chế độ chiếm hữu nô lệ. Hàng loạt nhà văn và nhà báo lớn của Mỹ đã tham gia viết báo, một trong những biên tập viên của tờ báo từ cuối những năm 40 là Sác-lơ Đan-na, người chịu ảnh hưởng tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng. Mác bắt đầu cộng tác với báo này từ tháng Tám 1851 và kéo dài suốt hơn mười năm, tới hết tháng Ba 1862: một số lớn các bài gửi cho báo này là do Ăng-ghe-nh viết theo đề nghị của Mác. Các bài của Mác và Ăng-ghe-nh gửi cho báo này bao hàm những vấn đề quan trọng nhất của tình hình chính trị trong nước và trên thế giới, của phong trào công nhân, của sự phát triển kinh tế ở các nước châu Âu, của sự bành trướng thuộc địa, của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước bị áp bức và phụ thuộc v.v... Trong thời kỳ phản động diễn ra ở châu Âu, hai ông đã dùng tờ báo Mỹ tiến bộ, được lưu hành rộng rãi này để vạch trần những thói xấu của xã hội tư bản chủ nghĩa bằng tài liệu cụ thể, vạch trần những mâu thuẫn vốn có không thể điều hoà được của xã hội này, cũng như để vạch ra tính chất hạn chế của nền dân chủ tư sản.

Toà soạn báo "New - York Daily Tribune" trong nhiều trường hợp đã có thái độ tùy tiện đối với các bài của Mác và Ăng-ghe-nh như đăng một số bài không đề tên tác giả dưới dạng các bài xã luận của ban biên tập, trong một số trường hợp toà soạn còn chữa bản văn của các bài. Những việc làm này của toà soạn đã nhiều lần bị Mác phản đối. Từ mùa thu năm 1857, do khủng hoảng kinh tế ở Mỹ có ảnh hưởng đến tình hình tài chính của tờ báo, Mác đành

phải hạn chế số bài viết cho "New - York Daily Tribune". Vào đầu cuộc Nội chiến ở Mỹ thì Mác hoàn toàn chấm dứt việc hợp tác với tờ báo này: đóng vai trò quan trọng trong sự đoạn tuyệt giữa tờ báo này với Mác là việc trong toà soạn có thêm những kẻ tán thành thoả hiệp với các bang có chế độ chiếm hữu nô lệ và tờ báo đã từ bỏ các quan điểm tiến bộ. - 13.

[3] - Chính sách phong toả của lục địa, hay còn gọi là sự phong toả của lục địa, do Na-pô-lê-ông công bố năm 1806, nghiêm cấm các nước ở lục địa châu Âu tiến hành buôn bán với nước Anh. - 15.

[4] - Biểu thuế quan bảo hộ năm 1818 đã bãi bỏ các thuế quan nội địa trên đất Phổ và tạo tiền đề cho việc hình thành Liên minh thuế quan.

Liên minh thuế quan của các quốc gia Đức - liên minh này đã quy định ranh giới hải quan chung - là tổ chức được thành lập năm 1834 dưới sự lãnh đạo của Phổ. Dần dần liên minh này bao trùm tất cả các quốc gia Đức, trừ nước Áo và mấy quốc gia nhỏ. Ra đời do cần thiết phải thành lập thị trường chung của Đức, Liên minh thuế quan đã thúc đẩy việc thống nhất nước Đức về mặt chính trị sau này. - 16.

[5] - ở đây muốn nói đến cuộc nổi dậy của thợ dệt Xi-lê-di các ngày 4 - 6 tháng Sáu 1844 - cuộc đụng độ giai cấp lớn đầu tiên giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản ở Đức, cũng như cuộc nổi dậy của công nhân Séc hạ tuần tháng Sáu 1844. Phong trào của công nhân kèm theo việc phá các công xưởng và tiêu huỷ máy móc đã bị quân đội của chính phủ đàn áp rất dã man. - 19.

[6] - Hiệp bang Đức - một tổ chức hợp nhất các quốc gia Đức, ra đời ngày 8 tháng Sáu 1815 tại Đại hội Viên. Việc duy trì 36 quốc gia Đức với chế độ phong kiến chuyên chế của họ đã củng cố tình trạng phân tán về chính trị và kinh tế của Đức và cản trở sự phát triển tiến bộ của nước này.

Quốc hội hiệp bang - cơ quan trung ương của Hiệp bang Đức họp ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ và bao gồm đại diện của các quốc gia Đức. Quốc hội hiệp bang là công cụ của chính sách phản động của các chính phủ Đức. - 22.

[7] - Tháng Năm 1834 đã thành lập cái gọi là Đồng minh thuế quan (Steuerverein) với thành phần bao gồm các quốc gia Đức - Han-nô-vơ, Brao-svai-gơ, ôn-đen-buốc và Sa-um-buốc - Lip-pê - quan tâm tới việc buôn bán với nước Anh. Tới năm 1854 đồng minh riêng rẽ này bị tan vỡ, các thành viên của nó lại gia nhập Liên minh thuế quan. -22.

[8] - Tại Đại hội Viên năm 1814 - 1815, Áo - Anh và nước Nga quân chủ, những nước cầm đầu thế lực phản động châu Âu, đã lập lại bản đồ châu Âu nhằm mục đích phục hồi các chế độ quân chủ chính thống, bất kể đến lợi ích của sự thống nhất quốc gia và độc lập của các dân tộc. -23.

[9] - ở đây nói đến cuộc Cách mạng tháng Bảy 1830 ở Pháp và các cuộc khởi nghĩa diễn ra sau đó ở một loạt nước châu Âu: Bỉ, Ba Lan, Đức và I-ta-li-a. - 24.

[10] -. "Nước Đức trẻ" là nhóm văn học xuất hiện trong những năm 30 thế kỷ XIX ở Đức và chịu ảnh hưởng của Hai-nơ và Béc-nơ. Thể hiện trong các tác phẩm văn nghệ và chính luận của mình tâm trạng đối lập của giai cấp tiểu tư sản, các nhà văn của nhóm "Nước Đức trẻ" (Gút-xcốp, Vin-bác, Mun-tơ ...) đã đứng ra bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng và tự do báo chí. các quan điểm của những thành viên nhóm "Nước Đức trẻ" có đặc điểm là non nớt về tư tưởng và mơ hồ về chính trị: ít lâu sau đa số các thành viên này đã thoái hoá thành

những người theo chủ nghĩa tự do tư sản tầm thường. - 25.

[11] - G.W.F. Hegel. "Grundlinien der Philosophie des Rechts". Berlin, 1821 (G.V.Ph. Hê-ghen. "Nguyên lý triết học pháp quyền". Béc-lin, 1821). - 25.

[12] - "Berliner politisches Wochenblatt" (Tuần báo chính trị Béc-lin) - cơ quan ngôn luận tối phản động, được xuất bản từ năm 1831 cho đến hết năm 1841 với sự tham gia của nhiều đại biểu thuộc trường phái lịch sử pháp quyền. Nó được sự ủng hộ và bảo trợ của hoàng tử kế vị Phri-đrich - Vin-hem (từ năm 1840 là vua Phri-đrich - Vin-hem IV).

Trường phái lịch sử pháp quyền - là xu hướng phản động trong khoa học luật và sử, xuất hiện ở Đức vào cuối thế kỷ XVIII. Thông qua các đại biểu nổi tiếng của mình (Hu-gô, Xa-vi-nhi, v.v.), trường phái này chống lại các tư tưởng dân chủ - tư sản của cách mạng tư sản Pháp. Về đặc điểm của xu hướng này xin xem các bài của Mác: "Tuyên ngôn triết học của trường phái lịch sử pháp quyền" và "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghen. Lời nói đầu" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1978, t. 1, tr. 116 - 126 và 545 - 546).

Những người theo phái chính thống - những người bảo vệ triều đại Buốc-bông đã bị lật đổ ở Pháp năm 1792, một triều đại đại biểu cho lợi ích của chế độ thừa kế chiếm hữu ruộng đất lớn. Năm 1830 sau khi triều đại này bị lật đổ lần thứ hai, những người theo phái chính thống đã hợp nhất lại thành một đảng chính trị. - 27.

[13] - "Rheinische Zeitung für Politik, Handel und Gewerbe" ("Báo tỉnh Ranh về các vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp") - nhật báo, xuất bản ở Khuê-n từ ngày 1 tháng Giêng 1842 đến ngày 31 tháng Ba 1843. Những người sáng lập ra tờ báo là những đại biểu của giai cấp tư sản vùng Ranh có tư tưởng chống đối chế độ chuyên chế Phổ. Hợp tác với báo này có cả một số người theo phái Hê-ghen trẻ. Từ tháng Tư 1842, C. Mác đã trở thành cộng tác viên của báo "Rheinische Zeitung", và từ tháng Mười năm đó là một trong những biên tập viên của tờ báo này. Tờ "Rheinische Zeitung" cũng đăng một loạt bài của Ph. Ăng-ghe-n. Với sự tham gia biên tập của Mác, tờ báo này bắt đầu mang tính chất dân chủ cách mạng ngày càng rõ rệt. Chính phủ Đức đã thi hành chế độ kiểm duyệt đặc biệt gắt gao đối với tờ "Rheinische Zeitung", cuối cùng đóng cửa tờ báo. -29.

[14] - Seehandlung (Công ty thương mại đường biển) - một tổ chức mậu dịch - tín dụng, được thành lập năm 1772 ở Phổ: tổ chức này có nhiều đặc quyền quốc gia quan trọng, đã cho chính phủ vay những khoản tiền lớn, trên thực tế nó thực hiện vai trò chủ ngân hàng. Năm 1904 tổ chức này chính thức trở thành ngân hàng quốc gia Phổ. - 31.

[15] - ở đây muốn nói đến chủ nghĩa xã hội Đức, hay là chủ nghĩa xã hội "chân chính" - một xu hướng phản động thịnh hành ở Đức trong những năm 40 thế kỷ XIX, chủ yếu trong hàng ngũ trí thức tiểu tư sản. Các đại biểu của "chủ nghĩa xã hội chân chính" - C. Grun. M. Hét-xơ, G. Cri-ghe, v.v. - thay các tư tưởng của chủ nghĩa xã hội bằng sự thuyết giáo đa cảm về tình yêu và tình huynh đệ và phủ nhận sự cần thiết của cuộc cách mạng dân chủ tư sản ở Đức. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã phê phán xu hướng này trong các tác phẩm: "Hệ tư tưởng Đức", "Thông tri chống Cri-ghe", "Chủ nghĩa xã hội Đức dưới dạng thơ và văn xuôi", "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, 1986, t. 3, tr. 623 - 740; 1987, t. 4, tr. 21 - 45, 287 - 340, 602 - 606. - 33.

[16] - "Đạo Thiên chúa Đức" - một phong trào tôn giáo xuất hiện năm 1844 ở một loạt quốc

gia Đức và thu hút những tầng lớp đông đảo trong giai cấp tư sản hạng trung và nhỏ. Phong trào này chống lại các biểu hiện cực đoan của chủ nghĩa thần bí và thói đạo đức giả trong nhà thờ Thiên chúa giáo. Bằng cách bác bỏ vai trò thống trị của giáo hoàng La Mã cũng như nhiều giáo lý và lễ nghi của nhà thờ Thiên chúa giáo, "những người theo đạo Thiên chúa Đức" muốn làm cho đạo Thiên chúa thích ứng với các nhu cầu của giai cấp tư sản Đức.

"Giáo đoàn tự do" - giáo đoàn tách khỏi nhà thờ Tin lành chính thức vào năm 1846 do ảnh hưởng của phong trào "Những người bạn của ánh sáng" - một trào lưu tôn giáo chống lại phái kiến thành thống trị trong nhà thờ Tin lành, đặc điểm của phái này là chủ nghĩa thần bí cực đoan và thói đạo đức giả. Sự đối lập về tôn giáo này là một trong các hình thức thể hiện sự bất mãn của giai cấp tư sản Đức những năm 40 thế kỷ XIX đối với các chế độ phản động ở Đức.

Năm 1859 "Giáo đoàn tự do" đã hợp nhất với các giáo đoàn "những người theo đạo Thiên chúa Đức". - 37.

[17] - Phái nhất thần - hay là phái chống lại tam vị nhất thể - những đại biểu của một trào lưu tôn giáo bác bỏ giáo lý về "Chúa ba ngôi". Trào lưu nhất thần ra đời từ thế kỷ XVI trong thời kỳ cải cách tôn giáo, là sự phản ánh cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân và bộ phận cấp tiến của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến và nhà thờ phong kiến. Nhất thần luận du nhập vào Anh và Mỹ từ thế kỷ XVII. Thuyết nhất thần thế kỷ XIX đã đưa các yếu tố luân lý - đạo đức trong tôn giáo lên hàng đầu và lên tiếng chống lại mặt bề ngoài, mặt lễ nghi của tôn giáo. - 38.

[18] - Các chiến thắng của Na-pô-lê-ông ở Đức đã dẫn tới sự tan vỡ của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh của dân tộc Đức. Tháng Tám 1806, hoàng đế áo Phran-txo I từ chối việc nhận chức hoàng đế của Đế chế La Mã thần thánh. Được thành lập từ thế kỷ X, đế chế này chưa phải là một quốc gia tập trung và chỉ là sự hợp nhất các công quốc phong kiến và các thành phố tự do thừa nhận quyền lực tối cao của hoàng đế. - 38.

[19] - Khẩu hiệu đòi có một nước Cộng hoà Đức thống nhất và không thể chia cắt đã được Mác và Ăng-ghe-nê đề xuất từ trước khi nổ ra cách mạng (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nê. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, 1987, t. 4, tr. 428 - 429). Khẩu hiệu này cũng được đưa ra thành điểm thứ nhất trong "Những yêu sách của Đảng cộng sản ở Đức" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nê. Toàn tập, tiếng Việt. Nhà xuất bản chính trị Quốc gia Sự thật. Hà Nội, 1993, t. 5, tr. 11) - cương lĩnh chính trị của Liên đoàn những người cộng sản trong cuộc Cách mạng Đức do Mác và Ăng-ghe-nê thảo ra tháng Ba 1848. - 39.

[20] - ở đây muốn nói đến cái gọi là cuộc chiến tranh nha phiến lần thứ nhất (1839 - 1842) - cuộc chiến tranh xâm lược của Anh chống Trung Quốc, mở đầu cho việc biến Trung Quốc thành một nước nửa thuộc địa. Một trong các điều khoản của Hoà ước Nam Kinh - một hiệp ước áp đặt cho Trung Quốc do hậu quả của cuộc chiến tranh này, - đã quy định việc mở thông năm cảng của Trung Quốc để buôn bán với nước ngoài, điều này đã tạo điều kiện cho người nước ngoài thâm nhập vào Trung Quốc. - 41.

[21] Tháng Hai - tháng Ba 1846, đồng thời với cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc ở Cra-cốp, đã nổ ra một cuộc khởi nghĩa rất lớn của nông dân ở Ga-li-xi. Lợi dụng các mâu thuẫn giai cấp, nhà cầm quyền áo đã khéo tìm cách gây ra cuộc đụng độ giữa những người nông dân khởi nghĩa ở Ga-li-xi và giới quý tộc Ba Lan có ý đồ ủng hộ Cra-cốp. Cuộc khởi nghĩa nông dân bắt đầu bằng việc tước vũ khí các đơn vị quân quý tộc Ba Lan nổi dậy, đã mang

tính chất một cuộc tàn phá hàng loạt các trang trại địa chủ. Sau khi tiêu diệt phong trào khởi nghĩa của giới quý tộc Ba Lan, Chính phủ áo cũng đàn áp luôn cả cuộc khởi nghĩa của nông dân ở Ga-li-xi. - 42.

[22] ở đây nói đến cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân I-ta-li-a chống ách đô hộ của áo trong các năm 1848 - 1849. Cuộc chiến tranh nổ ra vào tháng Ba 1848 sau cuộc nổi dậy toàn thắng của nhân dân miền Lô-m-bác-đi thuộc quyền áo và ở tỉnh Vơ-ni-dơ. Dưới áp lực của quần chúng nhân dân, các quốc gia quân chủ ở I-ta-li-a, đứng đầu là Pi-ê-mông cũng đã tham chiến chống lại áo. Cuộc chiến tranh chống áo đã thất bại do hành động phản bội của các giai cấp thống trị I-ta-li-a sợ nước I-ta-li-a sẽ thống nhất bằng con đường cách mạng. - 52.

[23] Trích trường ca của Hai-nơ: "Nước Đức. Chuyện cổ tích mùa đông", chương VII. - 64.

[24] ở đây đề cập đến sự đình chiến trong cuộc chiến tranh Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ, ký kết ngày 26 tháng Tám 1848 giữa Đan Mạch và Phổ. Cuộc chiến tranh chống Đan Mạch bắt đầu từ cuộc khởi nghĩa ở Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ, là một bộ phận của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Đức nhằm thống nhất nước Đức. Các chính phủ của các quốc gia Đức, trong đó có cả Phổ, dưới áp lực của quần chúng nhân dân đã buộc lòng phải tham chiến. Tuy nhiên, các giới cầm quyền Phổ trên thực tế đã không tổ chức các hoạt động chiến đấu và tháng Tám 1848 đã ký kết hiệp định đình chiến nhục nhã ở Man-mi-ô. Việc Quốc hội Phran-phuốc phê chuẩn hiệp định này vào tháng Chín 1848 đã gây nên một làn sóng phản đối mạnh mẽ và dẫn tới cuộc khởi nghĩa của nhân dân ở Phran-phuốc. Mùa xuân 1849 chiến sự lại tái diễn ở Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ, nhưng tới tháng Bảy 1850 Phổ đã ký hoà ước với Đan Mạch, nhờ thế Đan Mạch đã dập tan cuộc khởi nghĩa. - 64.

[25] Về các quan điểm của Ăng-ghe-n đối với số phận lịch sử của các dân tộc Xla-vơ nằm trong thành phần đế quốc áo, xin xem lời tựa viết cho bản tiếng Nga của tập này (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga. Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia. Mat-xcơ-va, 1957, t. 8, tr. IX - X). - 65.

[26] Các cuộc chiến tranh Hu-xơ - mang tên nhà yêu nước vĩ đại người Séc, lãnh tụ của phong trào cải cách tôn giáo ở Séc là I-an Hu-xơ (1369 - 1415) - là các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Séc trong các năm 1419 - 1434 chống bọn phong kiến Đức và nhà thờ Thiên chúa giáo. Trong thời gian diễn ra các cuộc chiến tranh này, quân đội của những người theo phong trào Hu-xơ mà lực lượng chủ yếu bao gồm các đội quân nông dân - bình dân đã đánh lui năm cuộc thập tự chinh do giáo hoàng và hoàng đế Đức tổ chức để đánh xứ Séc. Do sự thỏa hiệp phản bội của các phần tử quý tộc - thị dân Séc với các lực lượng phản động phong kiến nước ngoài mà cuộc khởi nghĩa của nhân dân bị thất bại. Phong trào Hu-xơ có ảnh hưởng lớn đến cuộc cải cách tôn giáo châu Âu thế kỷ XVI dân chủ - cách mạng ở Đức và Hung-ga-ri. Một bộ phận các đại biểu đại hội thuộc phái cấp tiến từng tham gia tích cực vào cuộc khởi nghĩa Pra-ha tháng Sáu 1848 - đã bị đàn áp rất dã man. Những đại biểu còn lại ở Pra-ha của phái tự do - ôn hoà, ngày 16 tháng Sáu, đã tuyên bố hoãn các phiên họp của đại hội đến một thời gian không xác định. - 71.

[27] Đại hội Xla-vơ họp ngày 2 tháng Sáu 1848 ở Pra-ha, tại đại hội đã nổ ra cuộc đấu tranh giữa hai trào lưu trong phong trào dân tộc của các dân tộc Xla-vơ bị đế chế Háp-xbuốc áp bức. Phái hữu, tự do - ôn hoà gồm những người lãnh đạo đại hội (Pa-lat-xki, Sa-pha-rích), mưu toan giải quyết vấn đề dân tộc bằng con đường duy trì và củng cố chế độ

quân chủ. Phái tả, dân chủ (Xa-bi-na, Phri-chor, Li-ben-tơ ...) kiên quyết chống lại việc đó và mong muốn phối hợp hành động với các lực lượng dân chủ - cách mạng ở Đức và Hung-ga-ri. Một bộ phận các đại biểu đại hội thuộc phái cấp tiến từng tham gia tích cực vào cuộc khởi nghĩa Pra-ha tháng Sáu 1848 đã bị đàn áp rất dã man. Những đại biểu còn lại ở Pra-ha của phái tự do - ôn hoà, ngày 16 tháng Sáu, đã tuyên bố hoãn các phiên họp của đại hội đến một thời gian không xác định. -71.

[28] - Hai-nơ. "Người gác đêm đến Pa-ri" (tập "Những bài thơ hiện đại"). -74.

[29] - Ngày 10 tháng Tư 1848 ở Luân Đôn, phái Hiến chương đã dự định tổ chức một cuộc biểu tình của quần chúng để đi đến toà nhà quốc hội đưa đơn thỉnh nguyện thông qua bản Hiến chương nhân dân. Chính phủ đã ra lệnh cấm biểu tình, quân đội và cảnh sát được đưa về Luân Đôn để ngăn chặn việc tiến hành biểu tình. Những người lãnh đạo phái Hiến chương, trong đó có nhiều người tỏ ra dao động, đã quyết định không tiến hành biểu tình nữa và kêu gọi quần chúng giải tán. Sự thất bại của cuộc biểu tình đã được các lực lượng phản động lợi dụng để tấn công công nhân và đàn áp phái Hiến chương. - 75.

[30] - Ngày 16 tháng Tư 1848 cuộc biểu tình hoà bình của công nhân ở Pa-ri mang theo đơn thỉnh nguyện gửi chính phủ lâm thời về việc "tổ chức lao động" và "huỷ bỏ chế độ người bóc lột người" đã bị đội vệ binh quốc gia tư sản ngăn chặn, bọn này được huy động để chuyên lo việc chống biểu tình. Ngày 15 tháng Năm 1848 trong lúc nổ ra cuộc biểu tình của nhân dân, công nhân và thợ thủ công Pa-ri đã đột nhập vào phòng họp của Quốc hội lập hiến, tuyên bố giải thể nó và thành lập chính phủ cách mạng. Nhưng những người biểu tình ngay sau đấy đã bị đội vệ binh quốc gia và quân đội kịp đến giải tán. Các lãnh tụ của công nhân (Blăng-ki, v.v.) đã bị bắt. - 75.

[31] - Ngày 15 tháng Năm 1848, vua xứ Na-pơ là Phéc-năng-đi II, kẻ được mệnh danh là vua - Bom vì vụ bắn phá Mét-xi-na tháng Giêng 1848, đã đàn áp cuộc khởi nghĩa của nhân dân, giải tán đội vệ binh quốc gia, giải tán nghị viện và huỷ bỏ các cải cách đã được tiến hành vào tháng Hai 1848 do áp lực của quần chúng nhân dân. -75.

[32] - Các quy tắc tạm thời về báo chí xuất bản do Chính phủ áo công bố ngày 1 tháng Tư 1848 yêu cầu phải nộp một khoản tiền ký quỹ lớn để được quyền ra báo. Việc duy trì sự kiểm duyệt và thẩm quyền xét xử những người có "các tội trạng về xuất bản" được dành cho toà án hành chính (chứ không phải toà bồi thẩm) đã tạo khả năng cho các quan chức chính phủ ngăn giữ được việc xuất bản bất kỳ ấn phẩm nào.

Hiến pháp ngày 25 tháng Tư 1848 đã quy định điều kiện cao về tài sản và điều kiện định cư khi bầu cử vào Quốc hội, đã thành lập hai viện: thượng và hạ nghị viện và duy trì các cơ quan đại diện của các đẳng cấp ở tỉnh. Hiến pháp đã chuyển quyền hành chính và chỉ huy các lực lượng vũ trang cho hoàng đế và trao cho ông ta quyền bãi bỏ các luật đã được các nghị viện thông qua.

Luật bầu cử ngày 11 tháng Năm 1848 đã tước bỏ quyền bầu cử của công nhân, những người làm công nhật và người hầu. Một số thượng nghị sĩ do hoàng đế cử ra, một số khác thì được bầu ra trong số những người nộp số tiền thuế cao nhất trên cơ sở các cuộc bầu cử hai cấp. Các cuộc bầu cử vào hạ nghị viện cũng được tiến hành theo hai cấp như vậy. - 80.

[33] - Ngày 13 tháng Tám 1849 quân đội Hung-ga-ri do Guéc-gây, kẻ phản bội sự nghiệp cách mạng, chỉ huy, đã đầu hàng ở Vi-la-gốt, và nộp mình cho các đơn vị quân đội Nga

hoàng được đưa đến để đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Hung-ga-ri. - 92.

[34] - "Neue Rheinische Zeitung. Organ der Demokratie" ("Báo mới vùng Ranh. Cơ quan của phong trào dân chủ") ra hàng ngày ở Khuên do Mác chủ biên từ ngày 1 tháng Sáu 1848 đến ngày 19 tháng Năm 1849. Ban biên tập gồm có cả Ăng-ghe-n, V. Vôn-phơ, G. Véc-thơ, Ph. Vôn-phơ, E. Đrôn-ke, Ph. Phrai-li-grát và G. Buyéc-ghét-xơ.

Là cơ quan chiến đấu của phái vô sản trong phong trào dân chủ. tờ ""Neue Rheinische Zeitung" đã đóng vai trò người giáo dục quần chúng nhân dân, đưa họ vào cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng. Các bài xã luận xác định lập trường của tờ báo về các vấn đề quan trọng nhất của cách mạng Đức, cách mạng châu Âu, thường do Mác và Ăng-ghe-n viết. Lập trường kiên quyết, không khoan nhượng của tờ báo, chủ nghĩa quốc tế chiến đấu của nó, việc xuất hiện trên các trang báo những điều vạch trần về chính trị nhằm chống Chính phủ Phổ và chống chính quyền địa phương ở Khuên, - tất cả những cái đó, ngay từ những tháng đầu tồn tại của tờ báo, đã làm cho tờ báo bị báo chí quân chủ phong kiến và tư sản tự do hăm hại cũng như bị chính phủ truy bức, nhất là sau cuộc đảo chính phản cách mạng ở Phổ.

Bất chấp tất cả những sự truy bức và ngăn cản của cảnh sát, tờ "Neue Rheinische Zeitung" vẫn dũng cảm đấu tranh bảo vệ các lợi ích của nền dân chủ cách mạng, lợi ích của giai cấp vô sản. Tháng Năm 1849, trong hoàn cảnh thế lực phản cách mạng tấn công toàn diện, Chính phủ Phổ lợi dụng việc Mác chưa được nhận quốc tịch Phổ đã ra lệnh trục xuất ông ra khỏi lãnh thổ Phổ. Việc trục xuất Mác và khủng bố các biên tập viên khác của tờ "Neue Rheinische Zeitung" là nguyên nhân làm cho tờ báo phải đình bản. Số cuối cùng, số 301 của báo "Neue Rheinische Zeitung" được in màu đỏ ra ngày 19 tháng Năm 1849. Trong lời từ biệt công nhân, các biên tập viên của báo đã tuyên bố rằng "sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân ở bất cứ đâu và bất kỳ lúc nào vẫn sẽ là tiếng nói cuối cùng của họ!". -92.

[35] - Các trường Lan-kê-xơ là các trường tiểu học mang tên nhà sư phạm Anh Giô-dép Lan-kê-xơ (1778 - 1831) dành cho trẻ em con nhà nghèo, trong các trường này người ta áp dụng phương pháp dạy lẫn nhau. Những học sinh lớp lớn, học khá hơn, được sử dụng để dạy các học sinh khác, để bổ sung cho tình trạng thiếu giáo viên. Trường Lan-kê-xơ là loại trường được phổ biến rộng rãi ở Anh và một số nước khác hồi nửa đầu thế kỷ XIX. - 95.

[36] - Năm 1636, Giôn Hem-pơ-đen, sau này là một trong những nhà hoạt động nổi tiếng của cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII, đã không chịu nộp "thuế tàu bè" cho các nhân viên thu thuế của nhà vua, một loại thuế không được hạ nghị viện thông qua. Vụ án do Hem-pơ-đen không chịu nộp thuế đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lực lượng chống chế độ chuyên chế trong xã hội Anh.

Mở đầu cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Bắc Mỹ của Anh (1775-1783) là cuộc đấu tranh của những người Mỹ chống thuế và thuế quan do Chính phủ Anh áp dụng ở các thuộc địa. Năm 1766 do bị phản đối, nghị viện Anh buộc phải hủy bỏ chế độ thuế tem vừa áp dụng năm trước. Sau đó người Mỹ tuyên bố tẩy chay những hàng hoá của Anh bị đánh thuế gián tiếp. Năm 1773 mưu toan dùng bạo lực để đưa chè vào Mỹ - loại chè này bị đánh thuế phụ thu cao - đã kết thúc bằng sự tiêu hủy toàn bộ số chè này ở cảng Bốt-xơn. Tất cả những vụ đụng độ này đã làm cho sự xung đột càng thêm và làm cho cuộc khởi nghĩa của các thuộc địa ở Mỹ chống lại Anh, sớm nổ ra hơn. - 99.

[37] - Ngày 21 tháng ba 1848, theo sáng kiến của các bộ trưởng tư sản Phổ mong muốn khôi phục uy tín của nhà vua, tại Béc-lin, người ta tổ chức một buổi xuất hành long trọng của nhà vua cùng với các cuộc diễu hành ủng hộ việc thống nhất nước Đức. Vua Phri-đrich Vin-hem IV đã đi ngựa qua các đường phố Béc-lin, cánh tay áo đeo băng vàng - đen - đỏ tượng trưng cho nước Đức thống nhất, và nói những lời yêu nước giả tạo, giả nhân giả nghĩa tự xưng mình là một chiến sĩ tích cực đấu tranh cho "tự do và thống nhất của nước Đức". - 114.

[38] - Ngày 17 tháng Năm 1849 tại Béc-lin đã khai mạc hội nghị với sự tham gia của Phổ, Dắc-den, Han-nô-vơ, Ba-vi-e và Vuyéc-tem-béc nhằm mục đích xét lại cái gọi là hiến pháp đế chế do Quốc hội Phran-phuốc thảo ra. Do kết quả hội nghị, ngày 26 tháng Năm 1849 hiệp định giữa các vua Phổ, Dắc-den và Han-nô-vơ ("sự liên minh của ba vua") đã được ký kết, cho tới tháng Tám 1849 đã có thêm 29 quốc gia Đức nữa tham gia hiệp định này. Theo hiệp định, hiến pháp đế chế được làm cho thích ứng với những lợi ích của chế độ quân chủ, vua Phổ phải trở thành nhiếp chính của đế chế, đồng thời đề ra việc thành lập Quốc hội gồm hai viện. "Sự liên minh" này là mưu đồ của chế độ quân chủ Phổ muốn giành bá quyền ở Đức. Tuy nhiên, dưới áp lực của áo và Nga, nước Phổ đã buộc phải rút lui và ngay tháng Mười một 1850 đã phải từ bỏ "liên minh" này. - 118.

[39] - Tại nhà thờ Thánh Pôn ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ từ 18 tháng Năm 1848 đến 30 tháng Năm 1849 đã diễn ra các phiên họp của Quốc hội toàn Đức. - 134.

[40] - Bài cuối cùng của loạt bài "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức" không được đăng trên báo "New - York Dai-ly Tribune". Trong bản in tiếng Anh năm 1896 cũng như trong một loạt lần tái bản sau này, bài của Ăng-ghe-nơ "Vụ án mới đây ở Khuên" (xem tập này, tr. 529 - 537) vốn không nằm trong loạt bài này, đã được lấy làm bài cuối cùng. -138

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>